



# CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com  
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**  
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **IdeaMajestic (Pixabay)**

#### LIÊN LẠC:

• Bài vở: [baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

• Quảng cáo / Phát hành:

**(714) 266-4171**

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

\*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

[baivochanhphap@gmail.com](mailto:baivochanhphap@gmail.com)

Trân trọng cảm ơn.

## NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- **VUỐT RÊU** (thơ HT Thích Quảng Độ, ĐNT Tín Nghĩa họa), trang 6
- **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM, t.t.** (HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7
- **SỰ VỀ NÚI** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 9
- **THỜI GIAN** (Nguyễn Thế Đăng), trang 10
- **CÁI KHÓ KHUYÊN TÔI** (Nguyễn Siêu), trang 12
- **TỈNH TỌA ĐÊM KHUYA, TẬP TU** (thơ Chúc Hiền), trang 13
- **CHÁNH KIẾN TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NHỮNG NGƯỜI THEO PHẬT** (HT Thích Thái Hòa), trang 14
- **CỔ HƯƠNG** (thơ Xuyên Trà), trang 16
- **QUẢ BÁO CỦA VIỆC GÂY TẠO CHIẾN TRANH** (Quảng Tánh), trang 17
- **DÒNG SUỐI NHỎ** (thơ Huyền Không – Tâm Thường Định dịch), trang 18
- **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG, t.t.** (HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 19
- **MỐI LIÊN HỆ GIỮA THẦY & TRÒ TRONG ĐỜI SỐNG THIÊN MÔN** (Thích Nguyên Hiệp), trang 22
- **ĐẤT KHÁCH** (thơ Thương Tử Tâm), trang 23
- **GỌI THÁNG NĂM XƯA, NÈO LÁ...** (thơ Tịnh Bình), trang 24
- **GIỚI THIỆU SÁCH "CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC..."** (Tuệ Sỹ), trang 25
- **TỈNH TÂM** (thơ Nhật Quang), trang 26
- **CON ONG VÀ DUY THỨC HỌC** (Huệ Trân), trang 27
- **TRỘM MÈN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 28
- **NHỚ ƠN SƯ HUYNH THÍCH THÔNG TẠNG** (Thích Thông Đạo), trang 29
- **HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC – Phật Pháp Thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 30
- **TRANG SỬ MỚI CỦA GHPGVNTN** (Huỳnh Kim Quang), trang 39
- **TAM VÔ LẬU HỌC LÀ GÌ?** (Tn Hằng Như), trang 32
- **SẮC TỨC KHÔNG...** (thơ Diệu Viên), trang 42
- **ĐỐI PHÓ VỚI DỊ ỨNG** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 43
- **NHỚ ĐẤT** (Nguyễn Ngọc Tư), trang 45
- **CHÁNH NIỆM VÀ NIỆM PHẬT** (Đông Thiên), trang 46
- **MÀU THỜI GIAN** (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 47
- **BÚN BÌ CHAY** (Vũ Quỳnh), trang 48
- **TRUYỆN CỤC NGẦN** (Steven N), trang 49
- **ĐỌC BÀI THƠ "ĐẰNG CAO" CỦA ĐỖ PHÙ** (Lam Nguyên), tr. 51
- **NHỚ MỘT VẰNG TRẮNG** (Hạnh Thuần), trang 52
- **THÁNG MƯỜI LỖI HẸN...** (thơ Lâm Bằng Phương) trang 53
- **CHUYỆN CÚNG DƯỜNG** (Vĩnh Hữu), trang 54
- **LÊN NÚI PHỤNG HOÀNG, HUYỀN MỘNG...** (thơ Nguyễn An Bình), trang 57
- **KIÊN TRÌ TU TẬP DỆP BÓT "CÁI TA"** (TL Đào Mạnh Xuân), trang 58
- **THE STORY OF CULADHA-NUGGAHA...** (Daw Mya Tin), tr. 55
- **HẠNH PHÚC LÀ GÌ?** (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- **NGÕ THOÁT – chương 15** (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- **MÓN NỢ TRUYỀN KIẾP** (Truyện cổ Phật giáo), trang 65

Báo Chánh Pháp số 131, tháng 10 năm 2022, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



# Thư Tòa Soạn

## LÁ THU

Cây phong đầu ngõ đã dần dần chuyển sắc lá. Lá vàng chen lá xanh. Lác đác vài chiếc lá phong chỉ mới úa vàng đã rơi quanh gốc, không theo tiến trình sinh trụ hoại diệt của thiên nhiên. Thời tiết nơi đây vẫn còn nóng hầm hập. Những cơn gió mùa thổi qua chỉ đẩy tới những luồng nhiệt khô khốc. Chưa có làn gió dịu dịu, se lạnh như mọi năm. Nhưng trên lịch thì mùa thu đã đến.

Nhìn những lá úa rải rác quanh các gốc cây, chợt ngẫm về thân phận kiếp người, thân phận của kẻ tha hương, của một kẻ lìa xa cố quận từ lâu.

Tục ngữ có câu "Lá rụng về cội" như là một sự kiện hiển nhiên, một quy luật phổ quát có thể áp dụng cho nhiều phương diện cuộc sống.

Tiêu cực mà nói, con người sinh ra từ gia cảnh, giai cấp, xã hội nào thì cũng lẩn quẩn trong hoàn cảnh đó, khó mà thoát ra được.

Tích cực mà nói, người ta sinh ra từ đâu thì sau thời gian đi xa hoặc khi vĩnh viễn nằm xuống, rồi cũng nhớ trở về nguồn cội sinh quán của mình.

Trên thực tế thì không nhất thiết là lá phải rụng về cội. Có khi lá bị gió cuốn đi xa. Có khi lá vẫn trên cành nhưng cành bị cắt rời khỏi gốc.

Cành hoa cắt từ vườn đem vào chưng trên bàn, khi hoa lá úa vàng và cần bỏ đi, hoa lá ấy sẽ không rơi về cội mà đi vào thùng rác. Những cành thông được bày bán vào dịp lễ Giáng sinh, khi qua mùa, cành lá của chúng sẽ không quay về rừng mà sẽ được xe rác mang đi, tái chế thành phân bón



hữu cơ, vun đắp lại cho các loài cây cỏ khác trong thành phố.

Gia cảnh, hoàn cảnh có thể đổi thay. Và nghiệp cũng có thể chuyển biến theo ý chí, khuynh hướng và động lực từ ý nghĩ, hành động của chính mình.

Người học đạo, hành đạo, xem ba cõi như là quán trọ; xem hành tinh này chẳng nơi nào không phải là đất để hoa lá hay xác thân rụng rơi, nằm xuống; chẳng nơi nào thực sự là nơi sinh quán nguyên thủy trong vô số kiếp tái sinh; và nếu có một nguồn cội để trở về thì nguồn cội đó chính là bản tâm, chân tánh của mình.

Trở về được với nguồn cội chân tâm thì việc sinh từ đâu, chết về đâu, không phải là điều đáng quan tâm. Nơi đâu cũng là nguồn cội. Không ngại gì phải nằm xuống nơi "đất khách quê người." Không ngại gì việc phân thân này với những tạng phủ còn tốt để cứu lấy một vài sinh mệnh khác trước khi hỏa thiêu thành tro bụi. Cũng không nhất thiết đòi hỏi phải được đem về chôn nơi "chôn nhau cắt rốn" thì mới thỏa nguyện.

Khi mùa thu đến, những làn gió thu sẽ là nhân duyên đưa đẩy những chiếc lá, cả xanh lẫn vàng, rơi xuống cội, hoặc bay đi xa. Tâm không xao động. Vì đâu cũng là đất; đâu cũng là nơi chốn an ổn để trở về khi cuộc sống tương lai đã được chủ định sẽ như thế nào trong từng phút giây hiện tại.

# TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

## DIỆU ÂM lược dịch

### **CAM BỐT: Học viện Phật giáo Cam Bốt công bố người chiến thắng cuộc thi văn học Phật giáo lần thứ 5**

Học viện Phật giáo, một bộ phận của chính phủ Cam Bốt, đã công bố những người chiến thắng Giải thưởng Cuộc thi Văn học Phật giáo lần thứ 5.

Chủ đề của cuộc thi năm nay là “Đạo đức của cách sống”, với giải thưởng được trao ở 2 hạng mục: truyện ngắn và thơ.

Sự kiện nói trên sẽ bao gồm một buổi lễ trực tiếp lần đầu tiên kể từ khi đại dịch COVID-19 dẫn đến các biện pháp phòng ngừa trên toàn quốc bắt đầu vào năm 2020. Ngày tổ chức lễ trao giải vẫn chưa được ấn định, nhưng học viện đã tuyên bố rằng họ có kế hoạch tổ chức sự kiện này vào cuối năm.

Mục đích của cuộc thi là quảng bá văn học Khmer. Ứng viên cho giải thưởng phải gửi tác phẩm gốc chưa được tham gia bất kỳ cuộc thi nào trước đó. Các quy tắc chỉ định loại phong chữ và kích thước cho các câu chuyện và bài thơ, cũng như độ dài tổng thể. Người tham gia cuộc thi được nhắc nhở tuân theo chính tả của từ điển tiếng Khmer do Học viện Phật giáo phát hành.

(Buddhistdoor Global - September 13, 2022)

### **ẤN ĐỘ: Lễ đặt phần đá móng cho bảo tàng Sư Huyền Trang ở Nalanda**

Ngày 9-9-2022, Giáo sư Baidyanath Labh, Phó hiệu trưởng Đại học Nava Nalanda Mahavihar, đã đặt những viên đá móng cho bảo tàng Huyền Trang để đánh dấu những đóng góp của nhà sư Trung Hoa này trong việc nghiên cứu Phật học cũng như chuyến thăm và lưu trú của ông tại Đại học Nalanda cổ kính ở Bihar.

Những viên đá móng cho bảo tàng được nhiều người chờ đợi đã được đặt gần Nhà Tưởng niệm Huyền Trang, nằm trong khuôn viên của Nava Nalanda Mahavihar, một trường Đại học trực thuộc Bộ Văn hóa.

Bảo tàng cùng với đài tưởng niệm ban đầu được lên kế hoạch vào thập niên 1950.

Nhà sư và là nhà du hành người Trung Hoa Huyền Trang đã đến đây để học tập và sau đó gia nhập trường Đại học Nalanda với tư cách là một vị thầy vào Thế kỷ 7 sau Công nguyên.

Bảo tàng sắp xây dựng tại Nalanda này sẽ trưng bày di vật của Huyền Trang, đó là một chiếc xương sọ, được bảo quản trong một hòm bằng pha lê. Hiện nay, chiếc hòm nói trên đang ở Bảo tàng Patna.

(Hindustans Times - September 11, 2022)



Nhà sư và là nhà du hành người Trung Hoa Huyền Trang  
Photo: HT File Photo

### **ẤN ĐỘ - ANH QUỐC: Đức Đạt lai Lạt ma chia buồn về cái chết của Nữ hoàng Elizabeth II**

Đức Đạt lai Lạt ma đã chia buồn về cái chết của Nữ hoàng Anh Elizabeth II trong một bức thư gửi cho con trai cả của bà, Vua Charles III.

Trong thông điệp của mình, Đức Đạt lai Lạt ma bày tỏ “nỗi buồn và lời chia buồn chân thành” tới tân quốc vương, hoàng gia và người dân Vương quốc Anh.

“Tôi nhớ đã nhìn thấy những bức ảnh về lễ đăng quang của bà ấy trên các tạp chí tôi còn trẻ ở Tây Tạng,” Đức Đạt lai Lạt ma viết. “Triều đại của bà - với tư cách là quốc vương tại vị lâu nhất của Anh - đã đại diện cho lẽ lạc, nguồn cảm hứng và cảm giác an ổn đối với rất nhiều người hiện đang sống.

“Mẫu thân của ngài đã sống một cuộc đời đầy ý nghĩa với vẻ trang nghiêm, sự duyên dáng, tinh thần phụng sự mạnh mẽ và trái tim ấm áp, những phẩm chất mà tất cả chúng ta nên trân trọng.”

Đức Đạt lai Lạt ma kết thư của ngài bằng những lời cầu nguyện và những lời chúc tốt đẹp.

Nữ hoàng Elizabeth II, từ trần ở tuổi 96 vào chiều ngày 8-9-2022 tại dinh thự Balmoral ở Scotland của bà, là vị quốc vương lâu đời nhất trong lịch sử



Những người chiến thắng Giải thưởng Cuộc thi Văn học Phật giáo lần thứ 5 (2022)  
Photo: phnompenhpost.com

nước Anh và có thời gian phục vụ lâu nhất. Bà cũng là quốc vương trị vì lâu thứ nhì trong lịch sử - sau Louis XIV của Pháp. Triều đại 70 năm của bà được đánh dấu bởi 15 thủ tướng Anh - người gần đây nhất là tân thủ tướng Liz Truss, là người bà đã gặp chỉ vài ngày trước khi bà qua đời.  
(Buddhistdoor Global - September 9, 2022)

(Arkeonews - Sept 14, 2022)



*Di tích của ngôi đền Phật giáo cổ được khai quật thuộc di sản thế giới Krasnaya Rechka ở Kyrgyzstan  
Photo: Arkeonews*

**NHẬT BẢN: AI (Trí tuệ Nhân tạo) mới nhất 'Buddhabot' cho phép người dùng 'trò chuyện' với tượng Phật về những lo lắng của họ**

Kyoto, Nhật Bản - Một nhóm các nhà nghiên cứu ở Nhật Bản đã phát triển một hệ thống trí tuệ nhân tạo cho điện thoại thông minh. Hệ thống này có thể tự động trả lời câu hỏi của người dùng về những lo lắng của họ từ góc độ Phật giáo, đồng thời hiển thị hình ảnh của Đức Phật trên màn hình.

Hệ thống AI được cung cấp bởi 2 loại kinh Phật bao gồm kinh "Sutta Nipata" cổ nhất thế giới và có khả năng đưa ra 1,000 loại câu trả lời tùy thuộc vào nội dung tham vấn của người dùng.

Vì hệ thống này là sự kết hợp của hệ thống đối thoại AI "Buddhabot" được nhóm công bố vào năm 2021 với công nghệ thực tế tăng cường (AR), nó cũng có thể hiển thị hình ảnh của nơi người dùng tọa lạc làm nền của Đức Phật thông qua chức năng máy ảnh của điện thoại thông minh.

Khi người dùng nhập câu hỏi của mình bằng văn bản hoặc giọng nói, Đức Phật trên màn hình điện thoại thông minh sẽ trả lời họ, tạo cho họ cảm giác đang "trò chuyện" với Đức Phật trước mặt họ.

(mainichi.jp - September 9, 2022)

*Ảnh này cho thấy một màn hình điện thoại thông minh, trong đó có hình ảnh Đức Phật trả lời câu hỏi của người dùng dựa trên kinh Phật  
Photo: maichini.jp*



**HÀN QUỐC: Triển lãm Phật giáo Quốc tế Seoul tập trung vào nghi lễ**

Tông phái Jogye của Phật giáo Hàn Quốc sẽ tổ chức Hội chợ triển lãm Phật giáo Quốc tế Seoul 2022 từ ngày 29-9 đến 02-10. Chủ đề của sự kiện là Nghi lễ; "Khoảnh khắc thay đổi cuộc đời tôi." Mục đích của hội chợ hàng năm này là xây dựng cầu nối giữa các tự viện Phật giáo với cuộc sống của người dân bình thường.

Sự kiện nói trên sẽ được tổ chức trực tiếp tại Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Thương mại Seoul (SETEC) cũng như thông qua trang web chính thức: bexpo.kr.

Như những năm trước, triển lãm sẽ bao gồm 3 phòng triển lãm với các chủ đề khác nhau, và một cuộc triển lãm đặc biệt giới thiệu các nghi lễ Phật giáo ở Thái Lan.

Ngoài ra, một hội chợ nghệ thuật Phật giáo sẽ giới thiệu nghệ thuật truyền thống của Hàn Quốc và Phật giáo.

Cũng sẽ có một loạt các bài thuyết trình, cả tại sự kiện trực tiếp và trực tuyến - bao gồm từ triết lý Phật giáo đến các buổi trình bày nấu ăn trong chùa.

(Buddhistdoor Global - September 20, 2022)



*Một phòng trưng bày tại Triển lãm Phật giáo Quốc tế Seoul*



*Đức Đạt Lai Lạt ma và Nữ hoàng Elizabeth II  
Photos: tibet.net*

**CỘNG HÒA KYRGYZSTAN: Tàn tích của một ngôi chùa Phật giáo hàng nghìn năm tuổi sẽ được mở cửa cho công chúng**

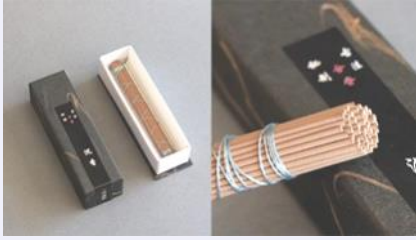
Di tích của một ngôi chùa Phật giáo cổ được khai quật ở Kyrgyzstan sẽ mở cửa cho công chúng vào giữa tháng 9 như một phần của di sản thế giới Krasnaya Rechka (tức Thành phố Nevaket) được UNESCO công nhận.

Từ năm 1940 đến năm 2000, các nhà khảo cổ khai quật ở Thung lũng Chui đã phát hiện ra những thị trấn và công trình kiến trúc đồ sộ có niên đại từ thế kỷ 5 đến thế kỷ 12 vốn phản ánh truyền thống văn hóa và nghệ thuật của nhiều quốc gia và dân tộc - từ Byzantium ở phía tây đến Ấn Độ ở phía nam và Trung Hoa ở phía đông.

Ngôi chùa Phật giáo cổ nói trên - được xây dựng cách đây hơn một ngàn năm - là ngôi chùa thứ hai được phát hiện vào năm 2010 gần Krasnaya Rechka. Nó là công trình kiến trúc duy nhất được bảo tồn tốt trong số các công trình kiến trúc Phật giáo thời trung cổ được khai quật ở Thung lũng Chui.

Nằm dọc theo Con đường Tơ lụa trên hành lang Trường An - Thiên Sơn, ngôi chùa cổ này được trùng tu như một phần của dự án hợp tác giữa EU và UNESCO.





*Hương, một trong những mặt hàng được bán tại Triển lãm Phật giáo Quốc tế Seoul 2022  
Photos : bexpo.kr*

**ANH QUỐC: Tĩnh xá Phật giáo Luân Đôn tổ chức lễ tưởng niệm Nữ hoàng quá cố và ban phước cho vị tân quốc vương**

Vào ngày 13-9-2022, Tĩnh xá Phật giáo Luân Đôn, ngôi chùa Phật giáo lâu đời nhất ở Vương quốc Anh do Anagarika Dharmapala khởi công xây dựng vào năm 1926, đã tổ chức một buổi lễ tưởng niệm để tưởng nhớ cố Nữ hoàng Elizabeth II và để ban phước cho Tân quốc vương Charles III.

Mohinder Midha, Thị trưởng thành phố bán tự trị Ealing của Luân Đôn, và phu quân Harban Midha đã tham dự chương trình với tư cách là những vị khách được mời đặc biệt.

Hòa thượng Bogoda Seelawimala Na-yaka Thera, Trụ trì Tĩnh xá Phật giáo Luân Đôn kiêm Trưởng ban Tăng sự Nayaka của Vương quốc Anh, cùng toàn thể tăng sĩ thường trú đã tiến hành chương trình tôn giáo này.

Trưởng ban Tăng sự Nayaka chúc Tân Quốc vương Charles III dồi dào sức khỏe và trường thọ để phục vụ quốc gia và Khối thịnh vượng chung, đồng thời nhắc lại chuyến viếng thăm Tĩnh xá của ông sau trận sóng thần tấn công Sri Lanka năm 2004 "để thể hiện sự ủng hộ và đoàn kết với tất cả những người ở Tích Lan và những nơi khác đã phải chịu hậu quả khủng khiếp của thảm họa khó có thể hiểu được."

Buổi lễ kết thúc với phần tụng kinh Meththa Suththa.

(The Sunday Times - September 18, 2022)

*Lễ tưởng niệm cố Nữ hoàng Elizabeth II và ban phước cho Tân quốc vương Charles III tại Tĩnh xá Phật giáo Luân Đôn  
Photo: Tissa Madawela*



**BANGLADESH: Phật giáo Dẫn thân: Các tình nguyện viên của Hòa thượng Hàn Quốc Pomnyun Sunim và JTS mang 100,000 bếp gas đến những người tị nạn Rohingya ở Bangladesh**

Vào ngày 9-9-2022, Thiền sư - Hòa thượng Hàn Quốc Pomnyun Sunim, người sáng lập và là chủ tịch tổ chức cứu trợ quốc tế Join Together Society (JTS), đã dẫn đầu một phái đoàn tình nguyện viên để cung cấp 100,000 bếp gas cho một ngôi làng tị nạn ở Bangladesh. Đây là nơi cư trú của hàng trăm ngàn người Hồi giáo Rohingya đã chạy trốn khỏi cuộc đàn áp và bạo lực ở nước láng giềng Miến Điện.

Khoản quyên góp mới nhất này theo sau thành công của dự án cứu trợ tháng 1-2019, khi Hòa thượng Pomnyun Sunim dẫn đầu các đại diện cứu trợ để chuyển một lô hàng 100,000 bếp gas đến một trại tị nạn ở Cox's Bazar, một quận thuộc Phần khu Chittagong của Bangladesh.

Việc quyên góp tổng hợp 200,000 bếp gas do JTS tạo điều kiện thuận lợi tại Cox's Bazar vào năm 2019 và 2022 có nghĩa là gần một triệu sinh mạng đã được hưởng lợi trực tiếp.

Dự án này đã giúp giảm suy dinh dưỡng, cho phép phục hồi môi trường địa phương và giảm khối lượng công việc và sự nguy hiểm đối với cuộc sống của phụ nữ và trẻ em, những người vốn từng thường phải kiểm củi, và hiện nay ít bị nguy cơ bạo lực và tấn công tình dục hơn trước nhiều. Bếp cũng cho phép các gia đình Rohingya nấu các bữa ăn một cách an toàn

trong nhà mình, cải thiện đáng kể điều kiện sống và chất lượng cuộc sống của họ.

(Buddhistdoor Global - September 19, 2022)



*Hòa thượng Pomnyun Sunim và các vị chức sắc tại Bangladesh trong lễ trao tặng những bếp gas mới cho một trại tị nạn ở Cox's Bazar*



*Địa điểm phân phát bếp gas cho người tị nạn ở Cox's Bazar  
Photos: JTS Korea*



**TRỞ VỀ MỤC LỤC**

## VUỐT RÂU (\*)

*Trên đời quý nhất có bộ râu,  
Khi buồn ta vuốt để quên sầu,  
Dưới cằm một bụi vừa ngang rón,  
Trên má hai chòm tiếp với râu.*

*Trông kỹ in tuồng như Đạt Ma,  
Nhìn qua có vẻ giống Quan Hầu.  
Râu ta nào phải là râu cọp ?  
Buồn thì cứ vuốt có sao đâu.*

## HT. THÍCH QUẢNG ĐỘ

*Kính họa nguyên Vận:*

### **Kính họa 1:**

*Nam nhi chi chí, kiếp mày râu,  
Cứ vuốt nhưng tâm chẳng vướng sầu,  
Vùng vẫy dọc ngang nên gắng sức,  
Hiên ngang xuôi ngược đoạt công đầu.*

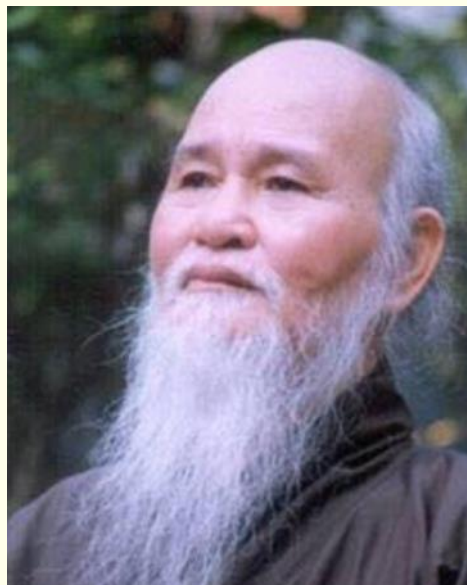
*Xả buông danh lợi như Đạt Ma,  
Ghi khắc tuổi tên tựa Quan Hầu.  
Bảy nổi ba chìm bao sồn chí?  
Hơn thua thắng bại sợ gì đâu?*

### **Kính họa 2:**

*Mỹ Nhiệm Công (1) đẹp với bộ râu,  
Nhưng vẫn đêm đêm dạ vướng sầu,  
Tào Tháo bao phen lo nát óc,  
Trương Liêu (2) mấy bận dụ về đầu.*

*Thái Bình (3) luyện chí như Đạt Ma,  
Dung Đạo (4) thì ân tựa Quan Hầu.  
Tù tội thân tâm đều bất động,  
Râu dài cứ vuốt ngại gì đâu?*

## ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA



### Ghi chú:

(\*) Bài "Vuốt Râu," ngày 04-02-2000 - Phật lịch 2543, Tín Nghĩa tui gọi phone về thăm và cho Ngài biết sẽ có người nhà đến thiền viện để cúng dường tịnh tài. Hòa thượng vui vẻ nhận tất cả tâm lòng của Tín Nghĩa tui. Hòa thượng hỏi: "Thầy là đệ tử của Ngài nào ngoài Huế?"

"Đạ thừa Hòa thượng, Sư phụ của con là Đại lão Hòa thượng Thích Mật Hiền, tọa chủ Trúc Lâm Đại Thánh tự, Cổ đô Huế."

"Quý hóa quá, tôi có biết về Ngài."

Hòa thượng bảo gởi lại cho Hòa thượng và cả bài họa nguyên vận nữa; Vì để đầu tìm không ra và già rồi nên bài của tôi cũng không còn nhớ chính xác. Cả hai bài thơ xướng họa đều có đăng trong Tạp chí Nguồn Sống số 7 & 8 tháng 01 năm 1987 do chư Tăng trẻ miền Bắc California chủ trương.

Hôm nay, ngày 10 tháng 10 năm 2020, tác giả tập thơ "Trúc Lâm Thiên Phái - Tập II" chuẩn bị xuất hiện, khi lục lại chồng sách cũ thì gặp được bài thơ lưu niệm này giữa Ôn Quảng Độ và tôi, nên cũng xin đưa vào tập thơ này làm lưu niệm.

- 1.- Mỹ Nhiệm Công là ông râu đẹp, chỉ cho Quan Văn Trường mà Tào Tháo đã tặng.
- 2.- Trương Liêu là bạn thân của Quan Hầu, sau về đầu Tào Tháo, Tào Tháo nhờ lên núi Thổ Sơn để chiêu dụ Quan Hầu.
- 3.- Thái Bình là tỉnh nhà của Hòa thượng Quảng Độ, ngài đã bị đưa về đây để quản thúc trên mười năm.
- 4.- Đạo Dung là con đường ở núi Hoa Dung, Quan Văn Trường tức Quan Hầu đã tha chết cho Tào Tháo. Vì Quan Công muốn đền trả cái ân Ba ngày tiểu yến, Bảy ngày đại yến mà Tào Tháo đã thết đãi cũng như để mua chuộc Quan Hầu.

# NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: **Kha Diệu Kỳ**

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo)

## CHƯƠNG VI: ĐỊA VỊ CỦA THỨC A LẠI DA NƠI BA THỌ VÀ BA TỈNH:

### PHẦN I: ĐỊA VỊ CỦA THỨC A LẠI DA NƠI BA THỌ:

"Hành tướng của Thức này thật không biết rõ, không thể phân biệt cảnh tướng thuận nghịch, một loại vi tế tương tục mà chuyển, vì thế chỉ tương ứng cùng Xả Thọ." (Thành Duy Thức Luận, quyển 3).

Ba Thọ tức là Khổ Thọ, Lạc Thọ và Xả Thọ. Thức A Lại Da chỉ tương ứng cùng Xả Thọ có năm nghĩa:

1. Thật không biết rõ là Tướng Xả Thọ, nếu như Khổ Thọ, Lạc Thọ thì tất nhiên biết rõ.

2. Không thể phân biệt cảnh tướng thuận nghịch, chỉ chọn lấy cảnh trung dung là Tướng Xả Thọ; nếu bảo là dư thọ, nghĩa là chỉ có cảnh thuận và cảnh nghịch mà thôi.

3. Do nơi vi tế, nếu là dư thọ thì hành tướng nhất định phải thô.

4. Do nơi một loại, nếu là dư thọ, tất nhiên Định đây dễ bị thất thoát, nhưng hành tướng của Xả Thọ thì cố định, cho nên mới thành một loại.

5. Tương tục mà chuyển, nếu là dư thọ thì tất nhiên có gián đoạn, nhưng ở đây thì luôn luôn tương tục [liên tục lẫn nhau], vì thế chỉ có Xả Thọ là đúng.

Giả sử hành tướng có thể biết rõ rành thì lại thích hợp với không thể tương tục. Nếu như có thể phân biệt cảnh tướng thuận nghịch thì lại không phải Chân Dị Thục, nguyên do Chân Dị Thục thì chọn lấy cảnh nhất định. Nếu nó thô động thì đồng một loại với bảy Thức hoặc Tâm Sở kia, cho nên hành tướng của Thức này khó biết được. Nếu như có thể dễ thất thoát, nghĩa là cõi thiện ác tất nhiên đều không thể lẫn nhau nhiếp lấy chúng từ khác nó, tức là năng lực Thức thiện lại đi bảo trì chúng từ ác, theo lý đây thì chống trái với nhau. Nếu như có gián đoạn thì lại không phải vô ký kia sanh và cũng không phải tiếp nhận huân tập, vì đã xả bỏ thọ mạng cho nên tánh không phải kiên cố. Do nằm nghĩa trên đã đầy đủ, tất nhiên có thể liên tục lẫn nhau tiếp nhận huân tập và bảo trì chúng từ [thọ huân trì chúng tương tục].

"Lại nữa Thọ đây chỉ tương ứng Dị Thục, tùy theo Dẫn Nghiệp trước kia chuyển hóa, không đợi hiện duyên, vì chịu lấy thể lực thiện ác chuyển

hiện, chỉ là Xả Thọ." (Thành Duy Thức Luận, quyển 3).

Nay lại giải thích Thọ tương ứng chính là nguyên nhân của Xả Thọ; Thọ tương ứng của Thức thứ tám cũng là tánh vô ký không phải thiện không phải ác. Đây là tùy theo chỗ tạo tác Dẫn Nghiệp ở quá khứ mà chuyển và lại thọ lấy quả báo hiện tại, và cũng không cần chờ đợi duyên hiện tại, chỉ là gánh lấy thể lực của nghiệp thiện ác từ quá khứ mà chuyển đi, cho nên hoàn toàn là Xả Thọ. Hai thọ Khổ và Lạc là do Quả Dị Thục sanh khởi, mà không phải Chân Dị Thục (Nhân), nhưng phải chờ đợi hiện duyên mới sanh khởi, cho nên không tương ứng cùng với Thức thứ tám.

"Lại nữa do Thức này, thường không chuyển biến, hữu tình luôn chấp làm nội ngã của mình, nếu tương ứng cùng Khổ và Lạc, lại còn có chuyển biến, thì chấp làm ngã sao yên ổn? Cho nên Thức này chỉ có tương ứng cùng Xả Thọ."

Hiện tại lớp thứ ba này giải thích nguyên nhân Xả Thọ tương ứng cùng với Thức A Lại Da; Tướng tổng thể của Thức này vĩnh viễn không có chuyển biến, cho nên Thức thứ bảy nương tựa chấp trước nơi Thức thứ tám làm nội ngã chủ thể của mình, giả sử nếu bảo rằng cùng nhau tương ứng Khổ Thọ hoặc Lạc Thọ, như thế khi Khổ Thọ thì không muốn chấp làm ngã, khi Lạc Thọ thì tăng trưởng mong cầu không muốn đoạn trừ và cũng chính bị luôn luôn chuyển biến vậy. Đã là luôn luôn chuyển biến, thế thì làm sao có thể đem nó ra chọn làm ngã chủ thể được? Cho nên Thức A Lại Da chỉ tương ứng cùng Xả Thọ mà thôi.

Người ngoài đối với bộ môn ba Thọ của Thức A Lại Da có hai vấn đề:

\* Hỏi 1: Tại sao Thức đây cũng là Dị Thục ác nghiệp?

Đáp: Xả Thọ không trái với phẩm vị khổ và lạc, giống như pháp vô ký, thiện và ác đều buông xả.

\* Hỏi 2: Tại sao Thức này không tương ứng cùng với các Tâm Sở Biệt Cảnh?

Đáp: Nguyên vì hành tướng của năm Tâm Sở Biệt Cảnh trái ngược lẫn nhau.

Năm Tâm Sở Biệt Cảnh là Dục, Thắng Giải, Niệm, Định và Huệ.

1.- Tâm Sở Dục tùy theo chỗ hy vọng những sự việc an vui mà chuyển biến. Thức đây tùy theo nghiệp lực quá khứ của nó mà chuyển biến, riêng người khác thì không có hy vọng gì.



HT Thắng Hoan

2.- Tâm Sở Thăng Giải là đem những sự việc nhận biết có thể giữ lấy, Thức đây hồ đồ mê muội, không nhận biết chỗ có thể giữ lấy.

3.- Tâm Sở Niệm chỉ là nhớ lấy rõ những sự vật đã từng học tập qua mà chuyển biến, Thức này mờ mờ yếu kém không thể ghi rõ.

4.- Tâm Sở Định là thường khiến Tâm chuyên chú vào một cảnh, Thức này đảm nhiệm vận chuyển tùy duyên, sát na chuyển biến.

5.- Tâm Sở Huệ chỉ là phân biệt chọn lựa những sự việc được mất mà chuyển, Thức này ẩn náu vi tế mờ tối không thể phân biệt hoặc chọn lựa.

Vì những lý do trên, Thức A Lại Da không tương ứng cùng năm Tâm Sở Biệt Cảnh. Ngoài năm Tâm Sở Biệt Cảnh trên, Thức thứ tám cũng không cùng tương ứng với mười một pháp Thiên, sáu Phiền Não Căn Bản, hai mươi Tùy Phiền Não. Nguyên vì các Tâm Sở đây đều là hữu ký (có thiện có ác) hoặc hữu phú (nhiễm ô) cho nên không thể cùng tương ứng với thật tánh vô phú vô ký không giống nhau của Thức A Lại Da. Đồng thời Ô Tác, Thùy Miên, Tầm, Tứ, bốn Tâm Sở Bất Định mặc dù cũng là tánh vô ký, nhưng nguyên vì chúng nó có gián đoạn mà tánh vô ký của Thức A Lại Da thì không gián đoạn, cho nên chúng không thể tương ứng với Thức A Lại Da.

## PHẦN II:

### ĐỊA VỊ CỦA THỨC A LAI DA NƠI TRONG BA TÁNH

Ba Tánh tức là Thiện, Ác và Vô Ký. Vô Ký lại cũng có thể chia làm hai: Hữu Phú Vô Ký và Vô Phú Vô Ký. Trong ba tánh này, Thức A Lại Da thì thuộc về loại nào? Nên biết Thức A Lại Da thì thuộc về Vô Phú Vô Ký, nguyên vì duyên của tánh Di Thực chỉ tiếp nhận quả báo của tánh Di Thực đồng thời cũng không tạo thêm nhân. Nếu như xen vào tạp nhập những pháp thiện ác và ô nhiễm thì lại không thể nhằm chắn cảnh lưu chuyển trong lục đạo sanh tử hoặc thành tựu diệu quả Niết Bàn. Thí dụ như Thức này đây đủ tánh thiện thì không thể lưu lạc vào ba đường ác, còn như đây đủ tánh ô nhiễm thì không thể đạt tới quả Niết Bàn. Lại nữa Thức này là thể của chỗ nương tựa thiện ác ô nhiễm, thiện ô nhiễm và ác ô nhiễm loại trừ lẫn nhau, chỗ nương tựa của chúng thiện ác ô nhiễm kia quyết định là tánh không phải thiện, không phải ác, không phải ô nhiễm, cho nên mới có thể thành lập. Lại nữa Thức này là tâm thức bị huân tập, thí dụ như thơm cực mạnh và hôi cực mạnh thì không thể tiếp nhận huân tập. Giả sử bảo rằng Thức này không tiếp nhận huân tập thì nhân quả nhiễm tịnh đều không thể thành lập. Cho nên nói rằng, Thức này chỉ là Vô Phú Vô Ký. Giờ đây lại giải thích thêm ý nghĩa Vô Phú Vô Ký:

\* *Phú*, gọi là pháp ô nhiễm, như tham, sân, si, v.v... có thể chướng ngại Thánh đạo, lại có thể che đậy tự Tâm, khiến nó không thuần thanh tịnh. Thức này không bị ô nhiễm, chỗ có pháp ô nhiễm chỉ ở nơi Thức thứ sáu và Thức thứ bảy, cho nên Thức thứ tám gọi là Vô Phú.

\* *Ký*, gọi là thiện ác, có quả ái (lạc) thì không có quả ái (khổ) và tự thể thù thắng có thể ghi nhận riêng biệt. Thiện thì có quả của khả ái và không phải thiện thì có quả không khả ái. Do sự thúc đẩy của thiện ác đã ghi nhận riêng biệt

mà có sự luân chuyển trong lục đạo. Thức đây thì không phải thiện ác, cho nên gọi là Vô Ký.

## CHƯƠNG VII: SỰ LƯU CHUYỂN CỦA THỨC A LAI DA PHẦN I:

### GIẢI THÍCH NGHĨA CỦA ĐOẠN VÀ THƯỜNG

"Thức A Lại Da là đoạn hay thường? Thức A Lại Da không phải đoạn không phải thường, nên gọi là Hằng Chuyển. Hằng, nghĩa là Thức này từ vô thi đến nay là một loại tương tục, luôn luôn không gián đoạn; là nơi thiết lập vững chắc Thủ Sanh [nơi sanh]; là tánh bảo trì chúng tử kiên cố khiến không cho mất. Chuyển, nghĩa là Thức này từ vô thi đến nay niệm niệm sanh diệt trước sau biến khác, nhân diệt quả sanh, không phải thường nhất; có thể chuyển Thức Di Thực thành chúng tử." (Thành Duy Thức Luận quyển 3).

Sự lưu chuyển của Thức A Lại Da là có gián đoạn hay là không gián đoạn? Đáp rằng: không gián đoạn và cũng không thường, chỉ là chúng tử của nó bị chuyển biến không gián đoạn. Nhân vì Thức này từ vô thi đến nay chính là tánh vô ký (một loại) không phải thiện không phải ác, luôn luôn tương tục không gián đoạn tạo tác vạn hữu vũ trụ tam giới, ngũ thú, tứ sanh, v.v... sanh tồn căn bản, mà đặc tánh của nó là chấp trì kiên cố tất cả chúng tử, khiến không bị tiêu mất, cho nên gọi là không phải đoạn. Làm sao bảo là không phải thường? Thường, nghĩa là không gián đoạn. Nguyên vì Thức này từ vô thi đến nay niệm niệm sanh diệt, trước diệt sau sanh, chúng tử không có thời khắc nào mà không ở trong sự chuyển biến, từ đầu đến cuối đều chịu sự huân tập của bảy Chuyển Thức, cho nên gọi là không phải thường. Giống như dòng nước chảy xiết, mặc dù xem giống như luôn luôn tồn tại, nhưng trong sát na trước sau đều không giống nhau. Thức này từ vô thi đến nay tùy sanh mạng bị lưu chuyển chìm đắm trong lục đạo không được thoát khỏi. Nhân duyên thuần thực thì quả sanh, khi quả sanh thì nhân diệt, như lửa đốt củi đã tắt, lại tạo tác tiếp thì nhân sanh. Khi nói quả sanh thì không phải đoạn, khi nói nhân diệt thì không phải thường. Không phải đoạn không phải thường chính là lý duyên khởi vậy. Cho nên nói Thức này luôn luôn chuyển biến như dòng thác nước chảy xiết.

## PHẦN II:

### PHÁ NGƯỜI NGOÀI VẤN NẠN

Quan hệ nơi đạo lý Thức A Lại Da không phải đoạn không phải thường của Luận sư Hộ Pháp đề xuất, dẫn đến bốn nhà Luận sư đưa ra ba vấn đề. (Chú thích 24). Bốn nhà tức là Nhất Thiết Hữu Bộ, Chánh Lượng Bộ, Thượng Toạ Bộ và Kinh Lượng Bộ. Nhất Thiết Hữu Bộ và Chánh Lượng Bộ chủ trương quá khứ, hiện tại và vị lai đều có thật. Các Bộ Phái khác vấn nạn rằng: "Quá khứ, vị lai dĩ nhiên không có thật, có thể cho là không phải thường, tại sao lại bảo không phải đoạn? Nếu như bảo không phải thường tức là có gián đoạn; đã có gián đoạn thì làm sao có thể cho là duyên khởi đúng lý?"

Luận sư Hộ Pháp đáp rằng: "Quá khứ, vị lai nếu là có thật, lẽ đương nhiên tạo nên không phải đoạn, mà không phải đoạn tức là thường và thường thì cũng không thành duyên khởi đúng lý."

Có Luận sư của Bộ khác phản bác rằng: "Làm



sao có thể sử dụng lỗi lầm của người khác mà phản bác, chủ trương của mình lại thành lập được sao?”

Luận Chủ trả lời rằng: “Nếu không tồi tà, khó mà hiển chánh. Nhân quả mà tôi nói là địa vị nhân trước đã diệt thì quả sau liền sanh, trung gian đều không ngăn cách, nguyên vì nhân quả không gián đoạn. Như hai đầu của một cái cân, thấp cao đồng thời gián đoạn, trình độ cũng giống như thế. Nhân quả đây tương tục như dòng nước chảy xiết, làm sao có thể bảo rằng quả khứ vị lai là có thật mà lại bảo nhân quả không gián đoạn?”

Luận sư Hữu Bộ chất vấn rằng: “Nhân tồn tại trước mắt là quả chưa sanh, vậy nhân này là nhân của ai? Quả tồn tại trước mắt thì nhân trước đã diệt, vậy quả nào cuối cùng là quả của ai? Đã không nhân quả thì ai là khởi đoạn và thường?”

Luận Chủ vẫn dùng chủ trương của Hữu Bộ để phản bác, cũng chính là dùng cái thuận của cái mâu công kích. Nhân đây phản vấn rằng: “Nếu như so sánh chỗ giảng của các ông, vị lai có thật, như thế quả báo vị lai sớm đã tồn tại, hiển tại khi gây nhân thì quả chính đã thường có rồi. Quả dĩ nhiên sớm đã có rồi thì cần gì phải đợi nhân thành thực? Nhân nếu như không có thì quả cũng không thành lập, nếu không nhân không quả thì làm sao có thể lia khỏi đoạn và thường?”

Luận sư Hữu Bộ giải thích để phản vấn Luận Chủ rằng: “Nhân quả vị lai mặc dù trước đã có thể, nhân quả chỗ tôi nhận định là căn cứ nơi sự tác dụng mà không căn cứ nơi thể. Chưa có tác dụng gọi là vị lai, đang tác dụng gọi là hiện tại, tác dụng đã hoàn toàn chấm dứt gọi là quá khứ. Hiện tại có nhân tác dụng thì quả tác dụng chưa sanh, ý nghĩa của nhân đã được thành lập và ý nghĩa của quả lại cũng được thành lập. Cho nên chỗ phản bác của ông không quan hệ nơi Tông của tôi.”

Luận Chủ lại phản bác rằng: “Thể dĩ nhiên đã là vốn có, tác dụng cũng là giống nhau, nhân là dụng không lìa thể. Nếu như nói vị lai thể và dụng tuy đều có đủ, vì duyên không hợp nên dụng không sanh khởi, cũng không phải là do nơi lý. Đã nói các pháp xưa nay đều có, chỗ duyên chờ đợi cũng phải vốn có; duyên đã đồng ý vốn có thì vị lai phải khởi tác dụng. Nếu như nói duyên v.v... cũng đồng ý vị lai không có thì không thể nói vị lai có tất cả pháp.” Do đây có thể xác định rằng nhân quả đều không phải có chân thật, đây mới là Đại Thừa Duyên Khởi Chánh Lý. Chánh Lý thật tại đây thâm diệu khó nói, chỗ nói nhân quả đều là thiết lập giả định.

Nhân quả là kiến lập như thế nào? Là quán sát pháp hiện tại có tác dụng hướng dẫn sẽ đến thì mới giả lập quả vị lai, còn đối với quả mà nói nhân là hiện tại. Lại nữa quán sát pháp hiện tại có hành vi báo thù đã qua thì giả lập nhân quả khứ, còn đối với nhân mà nói là quả hiện tại.

Cái gì gọi là Giả? Khi Thức duyên nơi pháp tướng hiện tại tìm xét nguyên lai sanh tướng của nó nói là nhân và gọi hiện tại là quả. Tìm xét pháp tướng hiện tại hành động suy cứu vị lai, ở hiện tại cho là nhân và ở vị lai cho là quả; thế nên gọi là giả. Trên sự thật, những pháp của quán sát không phải là nhân và cũng không phải không nhân, không phải là quả và cũng không phải là không quả. Ý nói nhân đây là tánh của nó lìa nơi ngôn thuyết, cho nên không thể xác định là nhân. Có



## SƯ VỀ NÚI

*Sư về núi trên lưng bao lúa  
mạch vừa khát thực đêm qua  
tắm áo chần cừu treo trên sườn núi  
tây tạng phát phơ những bài thơ*

*như mây như sương tắm ngực trần  
trường thiên gió lộng gió nghiệp tắm tắm  
sương nghiệp cãm cãm tan  
theo sớm mai chim chóc về làm tổ*

*trên tóc tai núi bỗng chìm thơ bỗng  
rơi xào xạc mùa thu mùa hạ rơi  
nhẹ nhàng từng té bào từng mạch  
máu bông lau vì vu nở trắng góc trời*

*không bóng người lữ cá bơi đi an  
nhiên vạn pháp an nhiên viên dung  
sát na hiện tiền sát na chu biến  
nhứt thiết pháp như bào ảnh*

*như càn thác bà thành tâm cảnh  
nhứt như sư biến hiện như gió  
gã nhà thơ thì vô tích sự.*

*thơ* LÝ THỪA NGHIỆP

thể là có công năng tác dụng tồn tại, cho nên không phải xác định là không nhân. Còn quả cũng là giống nhau. Đây là kiến lập chánh nghĩa của nhân quả. Có nhân nên không phải thường và có quả nên không phải đoạn. Vì thế nhân quả lưu chuyển của Thức A Lại Da thì cách xa hai bên đoạn và thường, chỉ phù hợp nơi trung đạo.

\* Chú thích 24: Phật Giáo Đại Tạng Kinh, tập 105, trang 82.

# THỜI GIAN

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

## I/ Tướng của thời gian

Thời gian là một hiện tượng bí ẩn nhất và cũng là sít sao nhất với cuộc sống mỗi người. Và liệu có cách nào để thoát khỏi thời gian của đời người đang trôi về cái chết? Chính vì câu hỏi này mà có con đường thực hành của Phật giáo để thực chứng lời nói của Đức Phật:

*“Cửa Vô sanh Bất diệt đã rộng mở cho chúng sanh*

*Hãy để cho ai có tai muốn nghe đặt trọn niềm tin tưởng”.*

Chương Quán Thời Gian trong Trung Luận của Bồ tát Long Thọ chỉ có 6 câu bắt đầu bằng:

- 1. Nếu nhân thời quá khứ  
Mà có hiện tại và vị lai  
Thì hiện tại và vị lai  
Phải có trong thời quá khứ.**

Nếu nhân có thời quá khứ nên có thời hiện tại và vị lai, thì thời hiện tại và vị lai đã phải có trong thời quá khứ. Thời hiện tại và vị lai đã có trong thời quá khứ thì đó là thời quá khứ, đâu cần phải gọi là hiện tại và vị lai? Thời hiện tại phải dựa vào thời quá khứ mới có, mới có thể đặt tên, và thời quá khứ cũng phải dựa vào thời hiện tại để có, để có thể đặt tên. Sự phân biệt giữa thời hiện tại và thời quá khứ phải nương dựa vào nhau. Dựa vào nhau mới hiện hữu, mới có tên nên không có hiện hữu tự mình, nội tại; hiện hữu ấy là duyên sanh, nương nhau mà có, không có tự tánh, vô tự tánh. Vô tự tánh tức là tánh Không, mà giả danh là một mặt của tánh Không.

Nhưng đây không phải là một quá trình lý luận biện chứng, vì có lý luận biện chứng cao cấp đến đâu cũng không thể vượt khỏi ý thức. Mà ý thức thì luôn luôn bị vây bọc trong bốn câu (tứ cú): có, không, vừa có vừa không, không có cũng không không. Mỗi chương của Trung Luận đều nói về Quán (pariksa), thế nên mỗi câu cần đặt dưới ánh sáng của thiền định (chỉ) và thiền quán (quán), như thế thì mới có thể vượt khỏi ý thức để nghĩa của tánh Không bật ra, hiển hiện.

Cái gọi là hiện tại là cái gì?

- 2. Nếu trong thời quá khứ  
Không có hiện tại vị lai  
Thì tại sao nói hiện tại vị lai  
Nhân quá khứ mà có.**

Hiện tại không có trong thời quá khứ, cũng

không nhân vào, không dựa vào thời quá khứ. Tương tự, hiện tại không có trong thời vị lai và cũng không nhân vào, không dựa vào thời vị lai. Hiện tại không trụ ở thời quá khứ, không trụ ở thời vị lai. Hiện tại không trụ ở đâu cả, hiện tại là không chỗ trụ, nên hiện tại là không có, là tánh Không.

### **3. Chẳng nhân thời quá khứ**

*Ắt không có thời vị lai*

*Cũng không có thời hiện tại*

*Thế nên không có thời hiện tại, vị lai.*

Một sự vật phải nhân vào, nương vào ít nhất một sự vật khác để hiện hữu. Thời hiện tại phải nương vào thời quá khứ để hiện hữu. Nhưng thời hiện tại không nhân vào thời quá khứ thì thời hiện tại cũng không hiện hữu.

Thời hiện tại và vị lai không nhân thời quá khứ mà có, hai thời ấy không nhân vào đầu cả, hai thời ấy không có chỗ trụ, nên không có ở đâu cả (vô sở hữu).

### **4. Thế nên do vì nghĩa ấy**

*Mà biết được hai thời kia*

*Cao, giữa, thấp, một, khác*

*Các pháp ấy đều không có.*

Do nghĩa muốn có thời hiện tại và vị lai thì hai thời này phải nhân vào thời quá khứ, nhưng sự nhân vào thời quá khứ này đã bị bác bỏ, nên không có thời hiện tại và vị lai.

Tóm lại sự phân chia, phân biệt ra ba thời là không đúng thật, ba thời chỉ là “giả danh” (chữ của ngài Long Thọ). Sở dĩ như vậy vì người bình thường chỉ sống trong thức phân biệt, cái này cao cái này thấp, cái này trước cái kia sau, cái này khác cái kia... Thêm vào sự phân biệt của ý thức lại có thêm mùi vị của cảm xúc, vui buồn, sướng khổ, vinh nhục..., rồi làm mạnh thêm sự phân biệt chủ quan ấy bằng những danh từ, động từ, tính từ... Tất cả tạo thành cuộc đời mà thường được gọi là sanh tử, một cuộc đời sanh tử nếu xét cho cùng chỉ có trong sự phân biệt không thật.

Những lý luận biện chứng của Trung Luận để người ta thấy ra sự thật: những sự vật và sự việc đều nương vào nhau mà có, không cái nào độc lập, hiện hữu tự mình và do mình. Chúng đều nương vào tất cả những cái khác mà có. Chẳng hạn thấy một sự vật trước mắt phải có ít nhất là con mắt, ánh sáng, đối tượng để thấy, ý thức biết phân biệt. Một sự vật phải nương vào mọi cái khác để hiện hữu, nó không có hiện hữu riêng, không có tự tánh để tự hiện hữu.



Đã thế nó chẳng có thể nhân vào, nương vào những cái khác, vì những cái khác cũng là không có tự tánh. Thiền quán sâu xa hơn nữa, chúng ta thấy trực tiếp tánh Không mà theo *Kinh Đại Bát Nhã* là không chỗ có (vô sở hữu), chẳng thể cầm nắm được (bất khả đắc), không có chỗ trụ ở (vô sở trụ).

Với chánh quán vô phân biệt như vậy, chúng ta sẽ đạt đến trí huệ thấy như thật, tức là thấy tánh Không của tất cả mọi sự. Khi ấy chúng ta sẽ giải thoát khỏi mọi mê mộng tạo ra sanh tử phân biệt không thật.

#### **5. Thời yên trụ chẳng thể đắc**

*Thời đi qua cũng chẳng thể đắc*

*Nếu thời chẳng thể đắc*

*Làm sao nói có tướng thời?*

Trực tiếp quán sát hình tướng của thời gian chúng ta thấy: không có thời gian yên trụ vì thời gian đi qua trong từng khoảnh khắc. Thời yên trụ chẳng thể đắc, chẳng thể có được.

Nhưng thời đi qua thì đi từ đâu và đi đến đâu khi thời hiện tại và vị lai không có (câu 3) và thời quá khứ không có để mà nhân vào, nương vào (câu 1, 2, 3). Thời đi qua chẳng thể đắc, chẳng thể có được.

Tướng thời gian chỉ là một chân lý quy ước, tương đối (thể thế), thế mà làm cho là chân lý tuyệt đối và tối hậu, đó là sai lầm trầm trọng, gây tai hại cho mình và người.

Thời quá khứ, hiện tại, vị lai là tánh Không, chỉ vì thức phân biệt cao thấp, trước sau, một khác mà tạo thành những thời gian phân mảnh, đó là sanh tử phiền não khổ đau.

Để thoát khỏi thức phân biệt phân mảnh giả tạo này, cần chánh quán thật tướng của mọi sự là tánh Không. Chánh quán ấy nếu thành tựu thì được gọi là Trí huệ Bát nhã.

#### **6. Nhân vật nên có thời**

*Lìa vật sao có thời*

*Vật còn không chỗ có (vô sở hữu)*

*Huống gì có thời gian.*

Ngày trong chương *Quán Thời* này, đã nói là “không có cao, giữa, thấp, một, khác” (câu 4), nghĩa là không có những vật phân mảnh, thế nên không có thời gian phân mảnh thành quá khứ, hiện tại, vị lai.

### **II/ Thật tướng của thời gian.**

Khi bác bỏ các tướng phân mảnh của thời gian, đưa chúng về vô tự tánh, vô sở hữu, bất khả đắc, tức là tánh Không, Trung Luận không nói tánh Không là không có gì cả, là một chủ nghĩa hư vô hoàn toàn. Trung Luận nói nhiều đến thật tướng của các pháp, Niết bàn, chư Phật. Chẳng hạn, chương XVIII *Quán Pháp*, câu 7:

#### **7. Thực tướng của các pháp**

*Tâm hành ngôn ngữ dứt*

*Không sanh cũng không diệt*

*Tịch diệt như Niết bàn.*

Niết bàn là sự thoát khỏi thời gian phân mảnh của sanh tử. Niết bàn là không có thời gian, đây là giải thoát. Vậy tìm kiếm Niết bàn không có thời gian này ở đâu?

#### **10. Chẳng lìa ngoài sanh tử**

*Mà có riêng Niết bàn*

*Nghĩa thật tướng như vậy*

*Sao còn có phân biệt?*

(*Quán Trôi* - Mở. XVI)



‘Thật tướng không có thời gian’ không lìa ngoài thời gian tạo thành sanh tử, bởi vì bản tánh của thời gian là tánh Không, là thật tướng không có thời gian. Bằng sự quán chiếu liên tục tính vô tự tánh, vô sở hữu của thời gian, người ta sẽ thấy ra, nhận biết ‘thật tướng không có thời gian’ của thời gian.

Chương XXV *Quán Niết bàn* nói Niết bàn và sanh tử không phân biệt, không có khác biệt.

#### **19. Niết bàn và thế gian**

*Không có chút phân biệt*

*Thế gian và Niết bàn*

*Cũng không chút phân biệt.*

#### **20. Bờ mé thật (thật tế) của Niết bàn**

*Và bờ mé thật của thế gian*

*Hai bờ mé như vậy*

*Không mấy may sai khác.*

Như thế Niết bàn ở khắp cả trong sanh tử, trong không gian và thời gian của bất cứ chúng sanh nào, nên cái không có thời gian ở khắp trong mọi thời gian của sanh tử. Cái không phân biệt ở khắp trong mọi phân biệt tạo ra thời gian. Cái không có thời gian và mọi thời gian phân mảnh, cái không phân biệt và mọi phân biệt đều “không mấy may sai khác”. Cái không có thời gian phải được tìm thấy ngay trong thời gian, cái không phân biệt phải được tìm thấy ngay trong mọi phân biệt, khi ta tìm thấy thật tướng tánh Không của chúng. Niết bàn phải được tìm thấy ngay trong sanh tử, vì Niết bàn chính là tánh Không của sanh tử.

Thật tướng của thời gian là một vị tánh Không, một vị không có thời gian, một vị Niết bàn. Hoặc dùng ngôn ngữ của văn hóa Tây phương, một vị “Hiện tại vĩnh cửu”.

# Cái khó khuyên tôi

NGUYỄN SIÊU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thầy dạy:

- Con phải tu. Con làm được thân người là khó. Ngày nay con đã được thân người, có nghĩa là con đã vượt qua cái khó. Nhớ nghe con, đừng xao lãng mà uống phí một đời làm người không đầu.

Đơn giản chỉ có bấy nhiêu mà cho đến hôm nay, chú vẫn chưa làm tròn lời dạy của Thầy, 60 năm về trước. Ngồi đây ôn lại chuyện mình. Ôn lại thời của tuổi cắp sách đến trường, ngồi suốt buổi nghe Thầy giảng bài tu tâm, sửa tánh. Súc cái bình. Rửa cái tâm. Đừng để rong rêu bám mắc.

*Tôi hành điệu dưới mái chùa xưa nhỏ nhỏ  
Quanh hàng dừa xanh rợp bóng mát thâm u  
Cứ mỗi chiều về vang vọng tiếng công phu  
Lúc sáng sớm ra đứng nhìn dòng sông chảy*

*Biết và nhớ tuổi đời mình quá đủ  
Tóc sương pha trên vầng trán hao gầy  
Ngồi tĩnh lặng trầm ngâm về tự thừa  
Ghềnh biển xanh mờ mịt tí chân mây*

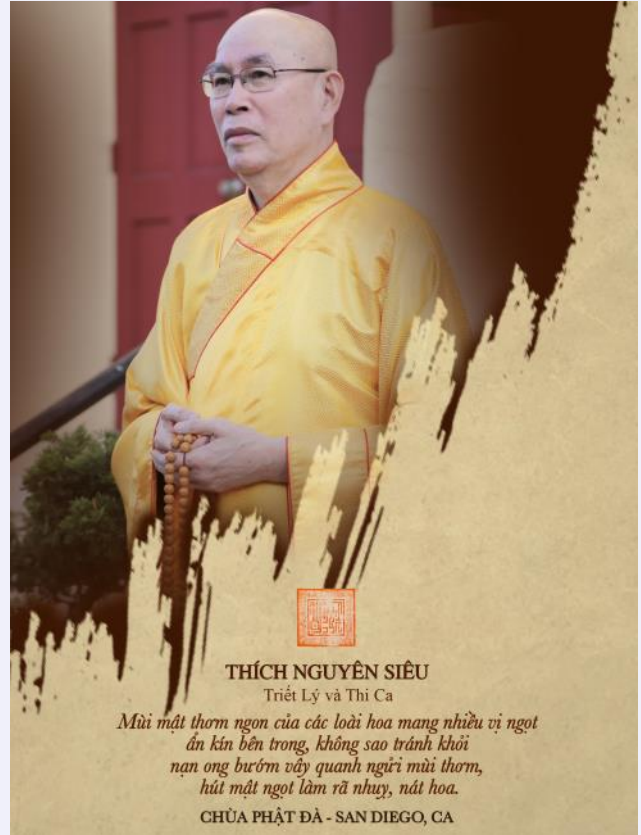
Bột phấn rớt xuống chân tường. Viên phấn mòn lụi dần đến ngón tay. Tuổi Thầy cũng lui dần về quá khứ. Tuổi hạc. Xương gầy. Gầy đến độ, giờ chỉ thấy đôi mắt sâu hoắc. Cái vầng trán cao hút. Đôi môi dầy. Cái cổ cao. Còn thân mình thì như lau sậy. Mong manh. Đẹp lép. Lau sậy có tư tưởng. Đôi mắt có cái nhìn. Đôi môi có tiếng nói. Đôi chân có bước đi. Nhưng bước đi không vững. Có tiếng nói, nhưng tiếng nói rơi tòm vào hồ thẳm. Cái nhìn, nhưng nhìn vào hư vô. Cuối đường hăm mất hút. Đó là những ảnh tượng của Thầy. Giờ thành hoang phế. Cũng vì, lưng Thầy thẳng, cổ Thầy cao. Thầy không cúi xuống. Cổ cao để che chở người. Lưng thẳng để không làm nô lệ. Mắt sáng để thấy chân thật và trán cao để giữ đầu không vỡ. Chỉ có bấy nhiêu mà tôi học hoài, học mãi, học đến vô tận. Những lời Thầy dạy trong Khóa Hư Lục, tôi luôn luôn nhớ mãi. Nhớ để thấy làm người là khó. Còn khó hơn nữa là sống sao nên người. Sống như Thầy là khó. Khó cái khổ của bậc Chân tu. Khó một đời ẩn nhẫn. Cái khó như là:

- "Chồn hoang còn nghe Bá Trượng nói pháp.  
Loài ốc sò vẫn biết hộ Kinh Kim Cang. Mười ngàn con cá nghe danh hiệu Phật được hóa làm con Trời. Năm trăm con dơi nghe tiếng Pháp thầy được làm Thần Thánh. Mãn xà nghe sám hối được sanh thiên. Rồng nghe Kinh mà ngộ đạo. Chúng là loài vật mà hay lãnh ngộ, huống là người sao chẳng hồi tâm?"

(Khóa Hư Lục – Tr. 161)

Một thứ Triết lý chuyển hóa. Chuyển hóa loài vật thành người. Chuyển hóa loài người thành Phật. Một cái khó dài miên man.

Thầy ngồi bên cạnh cái đèn hột vịt, ánh sáng



mờ mờ. Tim đèn nhỏ nhoi. Tỏa sáng nhẹ nhàng. Làm không gian lặng tờ.

Thầy dạy phải tụng kinh ngày hai buổi, để thắm đượm chùa không khí chốn thiền môn.

*Hương trầm nhẹ vờn vờn bên khung cửa sổ  
Có từng phút giây hiện hữu tự nơi lòng.*

*Con chim nó hót trên cành  
Theo lời chuông vọng từ trong cửa thiền  
Đáng ai chú tiểu nghiêng nghiêng  
Thành tâm sám hối nẻo phiên sạch tan.*

Quả thật là khó. Chính tôi khuyên tôi. Tập ngồi lưng thẳng. Tập đứng chân thẳng. Tập nói nhìn thẳng. Tập giữ tâm thẳng. Tâm không cong queo. Tâm như người thợ mộc đẽo gỗ làm bánh xe. Tâm như người nông phu dẫn nước vào ruộng. Tâm như người cầm cung bắn tên. Và tâm như người ngồi thiền giữ yên, tĩnh lặng. Tâm tịnh. Tâm không động. Tâm của người tu. Tâm thọ trì. Tâm phòng hộ.

Bao năm rồi. Tôi học. Tôi cứ bỏ vô túi đậy. Bỏ vô hoài mà không đậy. Đến bây giờ chú vẫn bỏ. Đến ngày mai vẫn cứ bỏ. Bỏ cái thiện vô túi. Bỏ

cái ác ra ngoài. Thiện ác đều bỏ. Chỉ khác nhau là trong, ngoài. Tôi học từ Thầy tôi là cái đó. Chỉ có học bỏ, mà bỏ hoài không xong. Sao nhiều thứ quá? Đường đời nhiều ngã quá. Đường tu nhiều ngã quá. Ngã tu Tứ Diệu Đế: Ngã Khổ. Ngã Tập. Ngã Diệt. Ngã Đạo. Ngã Tám: Bát Chánh Đạo. Ngã mười hai: Thập Nhị Nhân Duyên. Ngã 36 Phẩm Trợ Đạo. Tu có quá nhiều ngã. Đi không khéo sẽ lạc đường. Tuyệt xuống trần gian, mà cho đến bây giờ, vẫn luôn tìm về Bến Giác. Đường còn xa. Nhưng hướng sắp gần. Đường đã gần. Đường đang trước mắt. Hiện rõ cảnh núi đồi. Tháp chuông. Lối mòn. Bóng Thầy ngồi đó. Thầy ngồi bất động. Ngồi tự thừa nào. Từ thừa hồng hoang. Từ thời Oai Âm Vương Phật.

*Hoa khế trên triển đồi ngôi chùa cổ  
Đạm bông nhiều đơm cả quả yêu thương  
Mỗi sáng quét sân chùa hoa khế rụng  
Nghe lòng mình rụng rở thắm muối  
tương*

*Hương phấn hoa cau vương mùi thơm  
khế bưởi*

*Mái rạ la đà đun từng sợi khói lam  
Ngồi ru con Mẹ hát bài ca dân tộc  
Dân tộc này, quê hương ngàn dặm nước  
non*

Quét sân xong. Hương trầm thoang thoang. Nghe lòng mình thanh thản. Đó là cái khó. Giữ tâm an nhàn. Giữ tâm phát nguyện. Giữ lời thề xưa, bên sóng nước. Bên cánh đồng làng, chân đồi xanh tấp. Tương lai nhiều ước vọng. Ước vọng để được làm người. Làm người là khó. Bây giờ được làm người. Làm người phải tu.

*Ai tu từ đời này  
Siêng năng và cần mẫn  
Kết quả thật vẻ vang  
Sáng rực tựa núi vàng*

*Ai không tu đời này  
Lầm than vì lười biếng  
Khi tỉnh giấc mê man  
Ôm trọn đồng lừa tà.*

Ấy là cái khó, tự đời này đến đời sau. Lăn lóc vô lượng kiếp:

*"Một sớm chọt sậy tay, muôn kiếp thân  
người khó được."*

*"Cần phải mau gieo giống lành, chớ có  
khư khư cầu quả ác"*

*"Người người sớm tỉnh mỗi mỗi siêng tu"  
(Khóa Hư Lục. Tr. 328)*

Thầy ngồi bên cửa sổ, mắt dõi nhìn từ rặng núi xa. Bóng mờ. Sương khói. Ấn hiện theo văn tâm thức. Thầy rõ cuộc vô thường.

*Con mỗi đùn đất làm gò mới  
Con rắn nằm chặn cả lối đi  
Con người ta có đủ sân si  
Con ong hút mật làm gì cực thân*

Các thao tác của tất cả để mưu cầu sự sống. Sao không bình yên, khung trời bao la.

*(trích Triết Lý và Thi Ca, Nguyên Siêu)*



## TĨNH TỌA ĐÊM KHUYA

*Đêm khuya lặng lẽ tịnh an miền  
Sổ tức điều hoà thân tọa yên  
Quá khứ không tìm tâm định tĩnh  
Tương lai chẳng nghĩ ý tình chuyên*

*Quay về chánh niệm nương đèn tuệ  
Hướng đến chơn thiền tựa cột nguyên  
Nhân ngã thị phi mong rử bỏ  
Thanh bình hiển hiện phước lành duyên.*

## TẬP TU

*Niệm Phật Di Đà tâm tĩnh an  
Lặng nghe diệu pháp mãi tuôn tràn  
Mong lìa bến khổ quy đường giác  
Nguyện bỏ dòng đau hướng lối nhân*

*Lặng lẽ trì kinh hỷ lạc hiển  
Âm thầm tụng kệ não phiền tan  
Đêm ngày thanh thản vui niềm sống  
Chuyên hoá trần lao học đạo vàng.*

Tu Viện An Lạc, California

*thơ* TRÚC NGUYỄN  
- THÍCH CHÚC HIỀN



# CHÁNH KIẾN TRONG ĐỜI SỐNG CỦA NHỮNG NGƯỜI CON PHẬT

*HT. Thích Thái Hòa*

## TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Những người con Phật chơn chính, thì lúc nào và ở đâu, họ cũng thực hành pháp và chánh pháp trở thành đời sống của chính họ. Họ được nuôi dưỡng ở trong chánh pháp và họ vui sống trong chánh pháp mỗi ngày. Ta có thể nói về chánh pháp rất giỏi, vì ta đã có quá trình tích lũy những kiến thức về chánh pháp từ học đường, từ thư viện, từ các buổi hội thảo hay pháp đàm, nhưng thực hành chánh pháp để nhiếp phục phiền não nơi tâm ta, để tâm ta thực sự có giới, có định và có tuệ, khiến cho chánh kiến sinh khởi và có mặt ngay trong đời sống của ta, thì ta có thể chưa giỏi chút nào!

Ở trên trời dưới đất, ai là người có khả năng thấy pháp để nói, thấy pháp để thực hành và đã thực hành đúng như những gì mình đã thấy và đã nói? Người ấy không ai khác hơn là Đức Phật.

Phật là người có Chánh kiến, Phật là người hiểu Chánh kiến và Phật là người thể nhập với Chánh kiến, còn chúng ta tuy mang danh là Phật tử, nhưng là những người đang học về Chánh kiến, chứ chưa thể hiểu được rất ráo về Chánh kiến. Chánh kiến là do thực hành Giới Định Tuệ mà sinh khởi, chứ không phải do học hỏi hay tích lũy kiến thức Phật học mà sinh khởi. Chánh kiến là do đoạn tận vô minh, chấp ngã mà sinh khởi, chứ không thể sinh khởi từ những tư duy chấp ngã. Chấp vô ngã vẫn không phải là chánh kiến huống gì chấp ngã?!

Chánh kiến là phải thấy rõ sự thật về Khổ, thấy rõ sự thật về Tập, thấy rõ sự thật về Diệt, thấy rõ sự thật về Đạo.

Ai là người thấy rõ sự thật về Khổ? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Ai là người thấy rõ sự thật về Tập? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Ai là người thấy rõ sự thật về Diệt? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Ai là người thấy rõ sự thật về Đạo? Chỉ có Phật mới thấy rõ sự thật này.

Khổ thì ai cũng thấy, nhưng thấy rõ sự thật về Khổ, thì chỉ có Phật mới thấy, vì sao? Vì chỉ có Phật mới có Chánh kiến về Khổ, nên thấy.

Tập thì có nhiều vị thấy, nhưng thấy rất ráo của sự thật về Tập, thì chỉ có Phật mới thấy, vì sao? Vì chỉ Phật mới có Chánh kiến về Tập, nên thấy.

Diệt thì cũng có nhiều người chứng nghiệm, nhưng chứng nghiệm rất ráo sự thật về Diệt, thì chỉ có Phật mới chứng nghiệm, vì sao? Vì chỉ có Phật mới có Chánh kiến, nên chứng nghiệm rất ráo sự thật về Diệt. Đạo thì cũng có nhiều người thấy, nhưng thấy rất ráo sự thật về Đạo, thì chỉ có Phật mới thấy, vì sao? Vì chỉ Phật mới có Chánh kiến về Đạo, nên thấy.

Vì không thấy rõ sự thật về khổ, nên khi khổ

tới, ta rên rí, than khóc, khiếp đảm, khi khổ đi qua, chúng ta quên và chúng nào tật nấy, chúng ta vẫn tiếp tục cái phàm tục trong ta.

Nếu chúng ta thấy sự thật về khổ, thì vấn đề tu học của chúng ta đã tiến bộ rất nhiều, nhưng vì chúng ta không thấy sự thật về khổ, mà chỉ thấy khổ do các cảm giác bất như ý đem lại, nên các khổ thọ đi qua, chúng ta hết thấy khổ và chúng nào tật nấy, chúng ta vẫn tiếp tục cái nghiệp cũ trong ta.

Nếu thấy được sự thật về khổ và nuôi dưỡng thường trực cái thấy ấy, thì chúng ta hết khổ đã lâu rồi, nhưng vì chúng ta không thấy thường trực sự thật về khổ, nên không bao giờ chúng ta hết khổ. Đôi khi chúng ta lầm khổ là vui, lầm vui là khổ.

Thấy khổ, thấy tập khởi của khổ rồi, mà than thở cũng vô ích, cho nên khi thấy tập khởi của khổ rồi, thì ta phải hạ thủ công phu mà tu tập đạo để. Đạo để đã tu tập, thì diệt để trước sau gì cũng có mặt trong ta.

Chúng ta là đệ tử Phật, chúng ta quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng và thọ trì năm giới, tức là chúng ta muốn diệt tận tập để, để khổ để vĩnh viễn chấm dứt.

Cho nên, sự tu học phải có trạch pháp, phải có sự lựa chọn. Chính sự lựa chọn là một trong những yếu tố tạo nên Chánh kiến. Vì vậy trong chất liệu tạo nên người Phật tử, hoàn toàn không có chất liệu mê tín, không có chất liệu cực đoan. Vậy, chúng ta là Phật tử, chúng ta phải đào tạo thể hệ kế thừa sự nghiệp Phật tử của chúng ta là chúng ta phải đào tạo như thế nào?

Chúng ta phải đào tạo chính con cháu của chúng ta kế thừa truyền thống cao đẹp của chúng ta; chúng ta phải biết tạo cơ duyên cho những ai có cảm tình với sự tu tập chúng ta; và chúng ta phải biết thể hiện những gì tốt đẹp, cao quý đến những người chưa biết chúng ta là Phật tử, để cho họ có những cơ duyên hiểu biết về những gì cao đẹp của người Phật tử chúng ta, khiến cho họ nếu chưa đủ cơ duyên để theo chúng ta, thì họ cũng có thể yểm trợ chúng ta và nếu họ chưa có đủ cơ duyên để yểm trợ chúng ta, thì ít ra họ không gây trở ngại hay chống lại chúng ta.

Người Phật tử chúng ta hãy lưu ý, ngoài những nhân duyên liên hệ với chúng ta, không có ai chống đối chúng ta. Chống đối chúng ta, phần nhiều đi từ những người đã từng có nhân duyên theo ta và ủng hộ chúng ta, chứ không ai khác. Những người đi theo chúng ta, ủng hộ chúng ta, hoan hô chúng ta, mà không có chánh kiến, không thực hành chánh pháp, thì trước sau gì những người ấy cũng phỉ báng và chống lại chúng ta, chứ không ai khác. Đây là điều mà chúng ta



cần phải quán chiếu để thấy rõ sự thật trong từng nhân duyên của vấn đề. Thấy rõ sự thật nhân duyên của từng vấn đề như vậy, gọi là Chánh kiến. Nếu thấy mà không thấy rõ nhân duyên quả báo như vậy gọi là tà kiến. Khi một người bị rơi vào tà kiến, thì càng giải quyết vấn đề là càng sai vấn đề, càng nói là càng bậy, càng đi là càng lệch đường, càng đi là càng sai hướng, vì nhà ở hướng đông mà đi về hướng tây là không bao giờ về đến nhà được. Phật tử mà không có Chánh kiến thì làm sao thấy được ngôi nhà giác ngộ của mình để đi về? Phật tử mà sợ hãi sự tu học, thì làm sao mà đi tới được với ngôi nhà Phật Pháp?

Con cháu nghe nói về nhà cha mẹ, tổ tiên mà sinh tâm sợ hãi, thì không phải là con cháu trong gia đình nữa rồi. Cũng vậy, Phật tử nghe nói đến sự tu học mà sợ hãi, thì chắc chắn đó không phải là Phật tử.

Chỉ vì không có Chánh kiến, nên không nhận ra được đường tà nẻo chánh và vì do không thấy tà, nên không thể bỏ tà; không thấy chánh, nên không thể theo chánh.

Tà thì ở đâu cũng có và lúc nào cũng có, vấn đề là ta có thấy được đó là tà, thì ta mới từ bỏ được, chứ bảo thế gian đừng có tà, thì không còn là thế gian nữa. Vấn đề thế gian hay xuất thế gian là không quan trọng, mà quan trọng là thấy rõ sự thật về thế gian và xuất thế gian, để tu tập và tởi tà phụ chánh. Khi thấy rõ sự thật của tà, thì mình bỏ tà một cách nhẹ nhàng, bỏ tà như cắt bỏ ruột thừa mà thôi. Vì không thấy rõ tà, nên ta không tu tập rõ ràng và ta thường bị tà ma quấy rối.

Tôi nói giữa này có rất nhiều người tín ngưỡng Phật giáo, nhưng lại là rất ít Phật tử. Có tín ngưỡng Phật giáo, nhưng chưa hẳn là Phật tử; có nhiều người khoác áo nhà tu, nhưng trở thành những bậc chân tu không phải dễ dàng gì! Nếu nhiều Phật tử thì tà thuyết không thể xen vào được, nhưng mình chỉ là Phật tử giả danh, tu học không có Chánh kiến. Tôi nói trắng ra, nhiều tổ chức mang danh nghĩa Phật giáo, nhưng đào tạo những thành viên không đúng với phẩm chất Phật giáo. Họ đào tạo chạy theo danh nghĩa hơn là thực chất; đào tạo mang tính lý thuyết hơn là thực nghiệm, nên những hậu quả xấu đã xảy ra đến cho thời đại chúng ta có liên lụy đến Phật giáo và xã hội con người, điều đó nếu chúng ta có chút

trầm tĩnh và chiêm nghiệm giáo lý nhân duyên, nhân quả, nghiệp báo của đức Phật dạy là thấy ngay.

Là Phật tử, chúng ta không chống lại thế gian mà cũng không theo thế gian. Chống lại thế gian này thì lấy gì để tu? Cơm đâu mà ăn? Áo đâu mà mặc? Nhà đâu mà ở?...

Theo thế gian để có ngũ dục và hưởng thụ ngũ dục là phi Phật tử. Chống thế gian để có giải thoát là điều hoang tưởng, hoàn toàn không có trong Phật giáo và chạy theo thế gian để có giải thoát lại càng không có trong giáo lý Phật giáo.

Chúng ta hãy nhìn kỹ vào hoa sen để thấy, hoa sen có theo ai không? Hoa sen không theo bùn mà cũng không chống lại bùn. Hoa sen sống giữa bùn và sống với bùn mà không trở thành bùn và không bị bùn đồng hóa. Hoa sen sống với bùn mà vẫn là sen, đó mới gọi là hoa sen. Phật tử sống giữa thế gian và sống với thế gian, mà không phải là người đời và không bị người đời đồng hóa mà có khả năng đồng hóa người đời, bằng những tính chất Phật tử của mình, nên mới gọi là Phật tử quy y Phật Pháp Tăng và giữ giới đã phát nguyện.

Cho nên, đạo Phật có ngay giữa thế gian và ngay nơi thế gian mà xuất thế. Vì vậy, Chánh kiến là thấy rõ, xuất thế gian ngay ở nơi thế gian. Chánh kiến là thấy rõ ngay nơi Khổ đế, có Tập đế, Diệt đế và Đạo đế; thấy rõ ngay nơi Tập đế có Khổ đế, có Diệt đế và Đạo đế; thấy rõ ngay nơi Diệt đế có Đạo đế, để diệt khổ và khổ diệt và thấy rõ ngay nơi Đạo đế là Diệt đế, nên khổ diệt và diệt trừ hết thảy nhân duyên của khổ.

Cho nên, thấy cho rõ trong Khổ có Tập, trong Khổ có Diệt và trong Khổ có Đạo, cái thấy đó là Chánh kiến. Thêm nữa, thấy trong Tập có Khổ, tức là thấy trong nhân có quả, vì biết như vậy, nên không bao giờ tạo nhân xấu để có quả khổ. Biết trong quả có nhân, nên chấp nhận quả để chuyển hóa nguyên nhân, khiến nhân thiện sinh khởi quả vui. Thấy Tập khởi phiền não này có thể chấm dứt được, có thể đình chỉ được, có thể tu và thay đổi được, tức là thấy trong Tập có Diệt và trong Tập có Đạo, cái thấy ấy là Chánh kiến. Lại thấy trong Diệt có Khổ là nhờ có khổ này, ta mới đổi diện với nó, để tu tập và chuyển hóa. Diệt này do khổ mà khởi tâm tu tập, nhờ vậy nên có diệt; Diệt này do khổ vắng mặt mà có và diệt này đi tới bằng con đường nào? Đó là con đường của Đạo đế. Trong Đạo có Khổ, trong Đạo có Tập và trong Đạo có Diệt.

Nên, chúng ta tu tập là phải khổ luyện, phải thức khuya dậy sớm, phải cần mẫn nhiếp phục phiền não, nghiệp chướng nơi tâm ta với nhiều phương pháp khác nhau. Khi ăn cơm phải quán chiếu để nhắc nhở mình phòng hộ lòng tham, phòng hộ sự sân hận và tâm mù quáng. Khi tu tập, ta ăn cơm, ta phải biết cơm này là của ai và do đâu mà có, mình có xứng đáng để thọ dụng những thực phẩm này không, thọ dụng thực phẩm trong sự quán chiếu là để nuôi lớn ý thức trách nhiệm, lòng biết ơn và tâm từ bi của mình mỗi ngày. Tu tập như vậy là khổ luyện và nhờ khổ luyện cái tâm ý của mình như vậy, cho đến chỗ tâm ý thuần thực, thì các khổ nhân và quả tự diệt. Nên tu tập là phải biết ứng dụng phương pháp diệt khổ vào ngay trong đời sống, để cho các khổ nhân và khổ quả tự diệt.

Cho nên, ta ăn cơm ở trong ý thức chánh niệm tinh giác, trong ý thức trách nhiệm, biết ơn và từ bi, thì cái nghiệp tạo ra do sự ăn sẽ tự tiêu diệt. Ta ăn cơm với những ý thức như vậy, thì phước đức và hạnh phúc của ta sẽ được sinh trưởng và lớn mạnh trong chánh pháp.

Ta nên biết rằng, thành tựu cái ăn không phải dễ dàng. Trong cơ thể ta chỉ cần một bộ phận trở ngại, thì việc ăn của ta sẽ không thành tựu và nếu các bộ phận trong cơ thể ta không bị trở ngại, nhưng không có thực phẩm, không có người làm ra thực phẩm hoặc không có không khí, đất, nước, gió, lửa, mặt trời, mặt trăng, dòng sông... thì cái ăn của ta cũng không thể nào thành tựu được. Nên, ta ăn với ý thức tinh giác, ý thức trách nhiệm, ý thức biết ơn và tâm từ bi, thì cái ăn như vậy giúp ta tiêu hóa thực phẩm một cách nhẹ nhàng, có ý nghĩa và thăng tiến. Ta ăn như vậy là ăn trong Chánh mạng và được nuôi dưỡng bằng Chánh kiến.

Ta có biết các loài vật ăn cơm, hệ tiêu hóa của chúng phải cấu trúc như thế nào không? Nó không phải cấu trúc theo cơ thể sinh học đơn thuần, mà cấu trúc cơ thể liên hệ theo nhân duyên nghiệp báo. Cơ thể của nó chính là nghiệp báo của nó.

Gà, chim ăn thì bộ tiêu hóa của chúng được cơ cấu như thế nào? Cái gì cơ cấu? Nghiệp báo của chúng tự cơ cấu thân thể theo nhân duyên của chúng, để cho chúng có thể thích ứng với điều kiện sống của chúng, để tồn tại trong hệ quả nghiệp báo của chúng.

Nghiệp thiện và ác của loài nào thì sẽ tạo ra đời sống thích ứng cho chính loài đó, và khiến cho chúng có đủ điều kiện, để tiêu thụ nghiệp báo của chúng. Như vậy, nếu không có Chánh kiến, mình làm sao thấy được giá trị của một bữa ăn, công lao của người làm ra hạt gạo và nhân duyên nghiệp báo của mình trong lúc ăn? Nên, hạnh phúc của con người không phải chỉ có cái biết mà còn phải biết vận dụng cái biết vào trong đời sống hằng ngày của mình. Hạnh phúc của ta không phải là cái biết, mà là hoa trái của cái biết và biết hưởng thụ hoa trái của cái biết ấy, ngay trong đời sống của chính mình.

Nhờ có thực tập Chánh kiến, ta mới thấy được sự thật của từng vấn đề, và chỉ có Chánh kiến mới có khả năng giúp ta hưởng thụ hết được những gì ta đã có và đang có. Nếu thiếu Chánh kiến, ta sẽ phung phí sự sống của ta, ta phung phí những gì ta đang có và ta không có khả năng sống với nó một cách hoàn hảo và trọn vẹn.

Thiếu Chánh kiến là ta phung phí cuộc đời của ta như Bùi Giáng đã nói:

*"Nửa đời đã bỏ thân canh  
Nửa con nước bỏ tuổi xanh lên bờ  
Khổ đau về giữa bất ngờ  
Hoang liêu phố thị chân hờ hững đi".*

Ta có thể đã bỏ nửa đời, hai phần đời cho những mục tiêu vô ích. Ta đã bỏ hết cả cuộc đời cho sự nghiệp tích lũy tài sản và danh vọng, nhưng khi chết, thì ta không hề có một xu cắc nào mang theo được và không có một tên gọi cao sang nào bảo chúng cho ta thoát khỏi sự chết. Trong khi tu học, ta tạo phước đức cho tương lai của chính ta, thay đổi nghiệp chướng xấu trong quá khứ của chính ta, thì ta không chịu làm. Tu tập là để có Chánh kiến và nhờ có Chánh kiến khiến cho những nghiệp chướng xấu ác của ta thay đổi, khiến



## CÓ HƯƠNG

*Đêm rất thanh - và hoa rất hương  
Dù hoa tâm nguyệt cũng vô thường  
Bỏ quê từ thuở còn thơ ấu  
Một nỗi niềm xưa chạnh có hương*

*Trăng ngủ thiếp ngàn năm thiên cổ  
Bóng ai qua thất thủ đường về  
Hỏi chi dơi đậu cành treo ngược  
Đủ hiểu nhân tình ngập bóng mê*

*Sao đôi ngôi tận giải ngân hà  
Chạm tình khi chợt giấc mơ qua  
Giữa cơn đông thiếp như bùng dậy  
Mở cửa A Tỳ lại bước ra*

*Đêm vẫn đêm và hoa những hoa  
Chừng nghe rạo rục bóng quê nhà  
Có hương còn lấm chân bùn đất  
Tóc đã màu sương bật khóc òa*

*Thoảng tiếng quê xưa gà gáy sáng  
Lòng còn bi thiết máu xương rơi  
Hỡi ơi! Thân thể khi lìa xuất  
Bỏ trần gian - mượn gió về trời...*

Atlanta 9/2022

thơ XUYÊN TRÀ

ta có thể có được an bình ngay trong đời sống này và đời sống sau khi chết.

Nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh tinh tấn, khiến ta nỗ lực làm những gì cần làm; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh ngữ, khiến ta biết nói những gì cần nói; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh nghiệp, khiến ta hành động những gì cần phải hành động; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh mạng, khiến ta biết nuôi dưỡng những gì cần phải nuôi dưỡng; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh tư duy, khiến ta biết tư duy những gì cần phải tư duy; nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh niệm, khiến ta phải nhớ nghĩ đến những gì cần phải nhớ nghĩ và nhờ có Chánh kiến, ta mới có Chánh định, khiến ta an trú tâm vào những đối tượng cần phải an trú để nhiếp phục, soi chiếu và chuyển hóa hết thảy các loại phiền não nơi tâm.

Như vậy, chúng ta thấy Chánh kiến quan trọng như thế nào trong Bát Chánh Đạo và quan trọng như thế nào trong Phật giáo, trong đời sống tu tập của những người con Phật chúng ta.



# QUẢ BÁO CỦA VIỆC GÂY TẠO CHIẾN TRANH

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Gây tạo chiến tranh, giặc giã, xung đột, mâu thuẫn là một tập tính cố hữu của con người. Từ thuở hồng hoang cho đến hiện đại, nhân loại chưa bao giờ ngưng nghỉ các mâu thuẫn và xung đột giữa các cá nhân, sắc tộc, vùng lãnh thổ, quốc gia mà dường như nó đang diễn ra trên thế giới ngày càng quyết liệt và nặng nề hơn.

Có vẻ quan niệm “chân lý trong tay kẻ mạnh” đã thích ứng với nhiều người, đang là định hướng sống cho số đông nên chạy đua vũ trang, hiện đại hóa quân đội vẫn là ưu tiên hàng đầu của các nhà lãnh đạo cùng các thể chế chính trị. Và hậu quả là chiến tranh, khói lửa, bom đạn vẫn triền miên, ngăn được chỗ này lại bùng phát nơi kia, gây chết chóc thương vong vô số cho dân lành vô tội.

Dường như nhân loại từ xưa đến nay đành bất lực với thực trạng xung đột, chiến tranh, bắn giết. Đơn giản chỉ vì chấp thủ cái tôi, bản ngã; tham, sân, si là tập tính cố hữu của chúng sinh. Con người hiện đại hiểu biết và nhân văn hơn nhưng cũng không vượt thoát sự chi phối mãnh liệt của ba phiền não gốc rễ này. Đặc biệt là tham lam, muốn mình có được nhiều thứ. Khi lòng tham không thỏa mãn, tự động lòng sân hận phát khởi, thế là tranh chấp và bạo lực xảy ra.

*“Một thời, Phật ở tại thành Vương-xá... cho đến Tôn giả Đại Mục-kiền-liên giữa đường thấy một chúng sanh thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rọc lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy... cho đến Phật bảo các Tỳ-kheo:*

*Chúng sanh này, vào thời quá khứ, ở tại thành Vương-xá này, ưa thích chiến tranh, dùng đao kiếm chém giết người.*

*Vì tội này nên đọa vào địa ngục trải qua trăm ngàn năm, chịu vô lượng khổ.*

*Nay vì dư báo địa ngục này nên nó phải chịu cái thân như vậy, tiếp tục chịu đau khổ.*

*Này các Tỳ-kheo, như những gì Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đã thấy, là như thật không khác. Các ông cần nên ghi nhớ.*

*Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Đức Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.”*

*(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 514)*

Đạo Phật chủ trương hòa bình, lấy từ bi hóa giải hận thù, lấy sự xả bỏ để khắc chế tham ái. Chiến tranh, xung đột, bạo động là biểu hiện rõ ràng của tham lam, sân hận và si mê. Học theo Phật để buông xả thù hận, từ bỏ đao kiếm. Hai nhân tố cốt tủy mà Phật giáo có thể hiển tặng cho thế giới để hóa giải xung đột, thiết lập hòa bình chính là trí tuệ và từ bi.

Trí tuệ là thấy rõ “chân lý trong tay kẻ mạnh” chỉ là tạm thời. Không ai yếu bại hoài mà cũng chẳng ai mạnh thắng hoài. Tất cả đều vô thường và bị đổi thay. Mặt khác, khi dùng sức mạnh để đè bẹp đối phương, cai trị họ với bàn tay sắt máu sẽ tạo ra trường thù hận, nghiệp chướng nặng nề. Quả báo của việc gây chiến và tàn sát, giết chóc nặng nề phải đọa địa ngục nhiều kiếp. Khi mãn hình phạt thống khổ của địa ngục, tái sinh làm ngạ quỷ “thân thể to lớn mọc đầy lông, lông bén nhọn như dao, rọc lửa, trở lại cắt đứt chính thân thể, đau đớn tận xương tủy”.

Hình ảnh ngạ quỷ “lông tự cắt thân, đau đớn cùng cực” này ngoài ý nghĩa y báo khổ đau tương ứng với chánh báo giết hại còn cho thấy một sự dẫn dắt, trần trụi về những tội lỗi sát

hại của tự thân đã gây tạo trong chiến tranh. Các hội chứng tâm thần, ám ảnh, đau khổ của cựu binh bước về từ cõi chết minh chứng rất rõ điều này. Nên hãy thấy rõ bản chất khổ đau của xung đột dù thắng hay thua để yêu thương và tha thứ nhằm thiết lập hòa bình, an vui cho nhân loại và muôn cả loài.



Chiến tranh Ukraine — Ảnh minh họa

## **DÒNG SUỐI NHỎ**

*Tôi là dòng suối nhỏ  
Reo ca dưới mặt trời  
Uốn mình qua rừng vắng  
Lồng cuện lá thu rơi.*

*Tâm tư đời bé nhỏ  
Hương vọng về biển khơi  
Người vui tình ích kỷ  
Tôi say tình muôn nơi*

*Say trong nguồn sống mới  
Tin tưởng ở ngày mai  
Lòng vui khi định hướng  
Xe tiến hóa lên rồi*

*Tôi là dòng suối nhỏ  
Hòa hợp trong dòng đời  
Mang bao nguồn sinh lực  
Đi khắp nơi xa vời*

*Tôi là dòng suối nhỏ  
Chảy dưới mọi gấm trời  
Qua bao nhiêu rừng nội  
Nay đã về biển khơi.*

## **SMALL RIVULET**

I am a small rivulet  
Singing under the sun  
Bending myself through deserted forests  
Embracing the falling autumn leaves

The heart and mind of a meaningless existence  
Longing for the immense ocean  
People enjoy selfish love  
I am inebriated with universal love

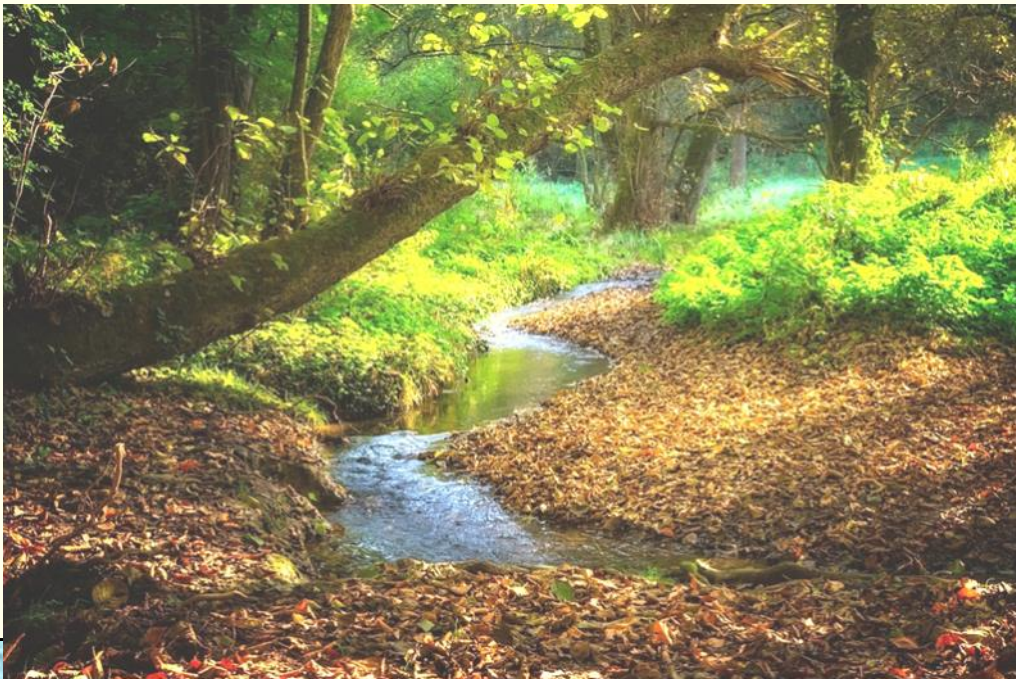
Enamored with a new source of life  
Trustful in the future  
Filled with joy once well oriented  
The vehicle for progress has already started moving

I am a small rivulet  
Mingled in the flow of life  
Carrying along so much energy  
To far away places

I am a small rivulet  
Running under all firmaments  
Through countless forests  
To finally come back to the immense ocean.

## **HUYỀN KHÔNG**

## **TÂM THƯỜNG ĐỊNH**



# CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: “Religion and Society” by S. RADHANKRISHNAN

HT. Thích Quảng Độ dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

## VIII. ÀO TƯỜNG CHIẾN TRANH

(tiếp theo kỳ trước)

Người ta tự hỏi phải lựa chọn đường nào đây? Một sự nô lệ nhục nhã trong đó chỉ có cuộc đời tối tăm, hoang lạnh và tàn bạo, một cuộc đời mà cái gì là lý tưởng, là tinh hoa đều bị cướp mất và không thể nào có sự tiến bộ tinh thần? Chiến tranh, mặc dầu khủng khiếp, là một cái kém ác hơn trong hai tội ác. Nó là một cách duy nhất mà nhờ đó chúng ta có thể bảo tồn được niềm tin ở các giá trị tinh thần trong con người. Người Hi Lạp đã có lí khi họ đứng lên chống lại Xerxes chứ không chịu làm nô lệ. Người Mĩ đã làm đúng khi họ chọn chiến tranh hơn là làm tội lỗi cho George đệ tam. Các nhà cách mạng Pháp đã làm một việc phải bằng cách đổ máu để đoạt lấy sự tự do tinh thần. Cũng thế, chúng ta có lí để lên án chủ nghĩa Đức Quốc Xã, có các cuộc chiến tranh chính nghĩa.

Những cuộc chiến tranh nào cũng được cả hai bên tham chiến coi là chính nghĩa. Vậy chính nghĩa ở đâu? Nếu chính nghĩa tràn lan tất cả thì những sự phân phối bất công về tài sản, cơ hội, nguyên liệu, đất đai, kinh tế và ảnh hưởng chính trị đều là đúng cả. Nếu chính nghĩa bao hàm trong sự tương xứng giữa tính chất quan trọng của một quốc gia và tài sản của quốc gia ấy, thì sự quan trọng ấy được chứng minh như thế nào? Có phải đó là dân số, sức mạnh, văn hóa và kinh nghiệm cai trị? Có một hệ thống pháp luật nào làm mục tiêu đấu tranh không? Chúng ta có chủ trương rằng không một quốc gia nào đưa thể giới đến vực thẳm chiến tranh chứng nào mà các cuộc điều đình, nghị hòa và trọng tài còn có hiệu lực? Chiến tranh chính nghĩa là chiến tranh giải phóng và tự vệ. Mục đích của các cuộc chiến tranh ấy là bảo vệ dân chúng để chống lại sự xâm lược ở bên ngoài mưu toan đặt ách thống trị lên đầu lên cổ họ. Còn chiến tranh phi nghĩa là chiến tranh xâm lược, nó nhằm mục đích cướp đoạt và nô lệ hóa các quốc gia khác. Những sự phân biệt này có thật rõ ràng không? Vấn đề hết sức phức tạp và những nguồn tin tức của ta thường bị các chính phủ đầu độc nên rất khó cho ta quyết định đâu là chiến tranh chính nghĩa. Rất khó mà phân biệt thật rõ ràng phải và trái, mỗi bên đều tự cho mình là



phải. Cuối cùng người ta đã phân biệt là nhiều chính nghĩa hơn và ít chính nghĩa hơn. Sự sai khác giữa kẻ xâm lăng và người tự vệ không được thực tế. Chúng ta không cần nghĩ rằng kẻ thù của chúng ta là những con quỉ nuốt sống con cái của chúng. Những kẻ tự vệ những cái mà trước kia họ cũng đã đạt được bằng sự xâm lăng. Họ đang bảo vệ cái nguyên trạng (Status quo) chứ không phải một xã hội mới công bằng. Quyền sở hữu sẽ vô nghĩa nếu không phải là một xã hội có pháp luật, và cái thể giới hỗn loạn không tôn trọng luật pháp. Chúng ta tin rằng nếu đê bẹp được người Đức và người Nhật thì tất cả sẽ đầu vào đấy. Không nên lạc quan và tự mãn như thế. Cuộc chiến tranh vừa rồi kết liễu, người Đức đã suy yếu và bị nhục, nước Đức bị buộc là thủ phạm đã gây ra thế chiến. Hải quân Đức bị chìm xuống đáy biển và lục quân thì giảm xuống chỉ còn là một lực lượng cảnh sát gồm 100.000 người. Nước Đức bị giải giới bằng lời hứa hẹn sẽ giải giới toàn diện mặc dầu không một cường quốc nào ở Âu Châu

có ý định giải giới. Những sự bồi thường chiến tranh bất công được quy định không những biến cái thế hệ có dính líu đến cuộc chiến thành những tên nô lệ mà cả con cái, cháu chắt của họ nữa. Nói theo ngôn ngữ của Sir Eric Geddes là: “*Chúng ta vất nước Đức cho đến khi những con gà con phải kêu lên*”. Nước Đức được bao bọc bởi một số tiểu bang. Saar trở nên một tiểu bang lập dưới sự hỗ trợ của Hội Quốc Liên, Rhineland bị chiếm đóng và Ruhr thì bị xâm lược. Tất cả những việc ấy đều được thực hiện theo nguyên lý sức mạnh là lẽ phải. Bất cứ một dân tộc kiêu hãnh nào mà bị đối xử như vậy thì cũng nhào xuống hố sâu tuyệt vọng và đón nhận động lực hủy diệt của Hitler và Đức Quốc Xã vốn chủ trương “*dù là cái gì đi nữa cũng còn tốt đẹp hơn tình trạng hiện tại*”. Hãy lấy trường hợp nước Nhật, nơi mà một dặm vuông có tới 465 người, trong khi Hoa Kỳ có 41. Hàng năm dân số Nhật gia tăng khoảng một triệu, mức sống hạ thấp dần và cuối cùng, Nhật chắc chắn phải đối diện với một thời kỳ chết đói. Viễn tượng ấy làm Nhật sợ, Nhật phải có nguyên liệu nếu không thì chết. Nhật thấy Nga tràn xuống Trung Hoa ở phía Bắc và phía Tây, Pháp có một Đế Quốc ở phía Nam Trung Hoa và Anh có một ảnh hưởng lớn tại khu vực sông Dương Tử. Người

Nhật không phải con quỉ dã man, nhưng là một dân tộc bình thường sợ rằng nếu họ không làm điều họ đang phải làm thì sẽ chết. Chúng ta căm ghét người Đức đã bức hại người Do Thái, nhưng Hoa Kỳ lại không làm như thế đối với người Nhật. Đạo luật Lê Ngoại còn đó, làm hàng triệu người bất mãn. Đức Quốc xã đang thi hành một chương trình kỳ thị chủng tộc mà kỹ thuật thực hiện chủ yếu mượn của một vài nước đồng minh. Ông Lloyd George yêu cầu chúng ta đừng phán đoán tác giả của điều ước Versailles bằng sự "Lạm dụng liền sau đó những điều khoản và quyền lực do một vài quốc gia đã thảo ra những điều luật ấy. Người ta không thể quyết định giá trị của một đạo luật bằng sự giải thích man trá những mệnh đề của nó bởi những kẻ tạm thời ở vào địa vị có quyền lạm dụng luật pháp và có quyền trốn tránh nghĩa vụ danh dự. Người ta không nên trách cứ những Điều Ước. Lỗi là tại những kẻ đã tạm quên những lời ước hẹn trang trọng của chính họ bằng cách lợi dụng một cách không danh dự cái ưu thế tạm thời của mình để đối xử bất công với những người tạm thời cô thế" [8]. Khi người Đức chịu đình chiến trên căn bản Mười Bốn Điểm của Wilson thì họ được những kẻ chiến thắng đối xử theo cách mà ông Lloyd George đã thuật lại như thế này: "*Người Đức đã chấp nhận những điều kiện đình chiến của chúng ta, như vậy họ đã thỏa thuận với phần lớn những điều kiện khắc khe ấy. Nhưng, cho đến nay, chưa một tấn thực phẩm nào đã được gửi đến nước Đức. Hiện giờ thì Đồng Minh là đấng tối cao, nhưng một ngày nào đó, kỷ niệm chết đói sẽ trở lại chống lại họ. Người Đức đang chết đói trong khi hàng trăm tấn thực phẩm đang nằm chờ ở Rotterdam để được chuyển chở sang Đức. Đồng Minh đang gieo rắc những mối hận thù trong tương lai, họ đang chôn chặt đau khổ không phải lên người Đức mà lên chính họ*" [9]. Chừng nào các quan niệm hiện tại còn hoạt động, thì vở tuồng như thế vẫn còn tiếp diễn trên sân khấu chiến tranh, chỉ những đảo kếp thì sẽ thay đổi.

Nhưng, chúng ta có thể luôn luôn tham chiến ngay cả khi chúng ta biết là chúng ta có chính nghĩa? Động cơ duy nhất chính đáng của chiến tranh là ngăn chặn bất công. Vì mục đích đó mà ta chấp nhận chiến tranh như một điều kém ác hơn trong hai điều ác. Nếu không có viễn tượng chiến thắng cầm chắc trong tay thì sự chống trả quân sự sẽ tăng thêm tội ác chứ không giảm bớt. Chúng ta đừng tin tưởng ở bạo lực, và hãy phán đoán chính nghĩa của ta bằng sức mạnh bạo lực đang sau chính nghĩa ấy.

Có một cái gì khủng khiếp hơn cả chiến tranh: sự giết chết tâm linh của con người. Một thế giới Đức Quốc Xã có thể có sự đoàn kết hơn bao giờ hết, nhưng đó sẽ là sự đoàn kết không hồn, giống như những xã hội của loài côn trùng. Mặc dầu những khuyết điểm, các nước Đồng Minh đứng lên để giành lại tự do cho con người, hòa bình cho thế giới và công lý cho những kẻ bị cướp đoạt trên thế giới. Tuy nhiên, hàng triệu người trên thế giới cảm thấy cả hai đều bám chặt vào đường lối cũ, và không màng đến công bằng của kẻ bị áp bức. Cả hai phe đang chiến đấu để bảo vệ hay cướp đoạt những thuộc địa và sẵn sàng chấp nhận sự khủng khiếp của chiến tranh để bảo toàn quyền lợi của họ.

Quan niệm của chúng ta về nhà nước cần phải được thay đổi. Quyền hành và bạo lực không phải là một thực tại chung cùng trong xã hội loài người. Một quốc gia là một đoàn thể sống trong một lãnh thổ được quy định với một chính phủ chung. Khi một quốc gia được coi là hùng cường hơn một quốc gia khác thì điều đó có nghĩa là dân cư của nước ấy, nhờ những sự thuận lợi lao đó, về dân số, vị trí chiến lược đó mà họ muốn những người đó làm. Ngày xưa, cá nhân nào có sức mạnh hơn người về thể chất sẽ làm chủ người yếu kém hơn, các quốc gia hùng cường cũng vậy, làm bá chủ các quốc gia nhỏ yếu. Trên nguyên tắc, điều này có khác gì người chồng đánh người vợ của hắn, một kẻ côn đồ bắt giữ một người ở góc phố và giật lấy túi xách của họ, hay một công nhân phá vỡ cuộc bãi công? Sự tin tưởng vào bạo lực đã trở thành một chứng bệnh đã phá hoại và hành hạ thế giới. Nó đã cướp mất nhân tính của ta. Một thế giới trong đó đầy đầy những khả năng tính chiến tranh thì thế giới ấy không đáng được cứu. Chúng ta hãy loại bỏ nền trật tự xã hội và thế giới ác mộng được duy trì bằng những loa phóng thanh, ánh đèn chóa mắt và chiến tranh định kỳ. Chiến tranh dựng lên một vòng luẩn quẩn độc ác, một nền hòa bình gượng ép bằng tra thù, sự bất mãn và lòng khao khát trả thù về phía kẻ thua trận, rồi lại chiến tranh! Đó là điều nhục nhã cho tất cả chúng ta, một kỹ thuật mới, một kỹ thuật cách mạng, phải được áp dụng. Về sự tranh chấp giữa hai gia đình Capulet và Montague, Mercutio bị giết trong trận quyết chiến, trước khi trút hơi thở cuối cùng đã kêu lên: "Một điều nhục nhã, khổ nạn cho cả hai gia đình các ngài." Cuộc tranh đấu giữa hai gia đình kinh địch ấy bị cắt ngang bởi một tình thương đã đập nát cái vòng thù ghét độc ác. Vào phút cuối cùng của tấu tuồng, Capulet nói: "Anh Montague ơi! Hãy nắm lấy tay tôi."

(còn tiếp một kỳ)

[6] Sir Edward Grigg: "Nếu tôi phải cầm vũ khí để chứng tỏ rằng sử dụng vũ khí là một tội trạng chống lại nhân loại, thì tôi tin rằng tôi cũng không hơn gì người hàng xóm của tôi sử dụng vũ khí chỉ để chứng tỏ rằng anh ta có thể sử dụng nó khác hơn tôi và vì thế có quyền cai trị tôi. Mục đích của hắn và của tôi, phương pháp của hắn và của tôi trở nên giống nhau y hệt: Tôi phải cai trị hắn bằng vũ lực nếu không thì hắn cai trị tôi". - The Faith of an Englishman.

[7] (1938), P. 405.

[8] Sự thật về những điều ước hòa bình, (1938), trang 6.

[9] The Truth about the Peace treaties (1938), pp. 294-5. Bá tước Von Brock Dorff Rantzau, nhân danh phái đoàn Đức phát biểu khi các điều khoản của bản thỏa ước được đệ trình, nhắc đến sự bạo tàn của chiến tranh, ông nói: "Những tội ác trong chiến tranh có thể không được tha thứ, nhưng người ta phạm phải trong lúc chiến đấu để giành chiến thắng, trong ý chí bảo vệ sự sống còn của dân tộc, trong sự nồng cháy của dự vọng làm tiêu tan lương tri của các dân tộc. Hàng trăm nghìn dân thường đã bị giết chết từ ngày 02 tháng 02 bằng sự phong tỏa, bị giết một cách cố ý thần nhiên, sau chiến thắng. Hãy nghĩ về điều ấy khi các ngài luận về tội ác và bồi thường" (p. 979).

# MỐI LIÊN HỆ GIỮA THẦY & TRÒ TRONG ĐỜI SỐNG THIỀN MÔN

*Thích Nguyên Hiệp*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong truyền thống Khổng giáo, quan hệ giữa thầy và trò được coi trọng hơn giữa cha mẹ và con cái; và người thầy được xếp vị trí chỉ sau nhà vua mà trên tất cả mọi hạng người trong xã hội. Khổng giáo đã nâng vai trò người thầy lên một tầm mức quan trọng, và qua lịch sử truyền thừa của mình, tinh thần đó đã được phản ánh một cách rõ nét.

Phật giáo không phân cấp kính trọng các mối quan hệ như Khổng giáo. Theo Phật giáo, mỗi quan hệ đều có tầm quan trọng riêng của nó, và một con người để hình thành nên nhân cách và tài năng hẳn có sự chi phối từ nhiều phía: cha mẹ, thầy giáo, môi trường xã hội và chính cả bản thân người đó.

Tuy nhiên, trong đời sống thiền môn, mối quan hệ giữa thầy và đệ tử là đặc biệt quan trọng và giữa họ luôn có sự tương tác lẫn nhau một cách sâu sắc. Người thầy giữ một vai trò vô cùng thiết yếu trong việc dẫn dắt những người bước đầu học đạo. Đối với một người mới xuất gia, giáo thuyết và những phương pháp tu tập đối với họ đôi khi khó hiểu và vì thế có thể dẫn đến việc hiểu và thực hành sai. Vì vậy, thầy là người có nhiệm vụ trong việc truyền trao sự hiểu biết đến đệ tử và hướng dẫn họ đi theo một đường hướng đúng đắn, từ nếp sống trong chùa cho đến việc thực hành lời dạy của Đức Phật. Nếu một người không có đủ khả năng (lẫn nhân cách) mà nhận hướng dẫn người khác thì tất yếu sẽ đưa đến kết quả tai hại. Trong truyền thống Phật giáo Tây Tạng, một người xuất gia tu học không thể thiếu một người thầy hướng dẫn, và người tu hành sẽ không bao

giờ thành công, có khi trở thành điên dại, nếu không có được một người thầy chân chính. Những điều tương tự như vậy cũng thường được phản ánh trong kinh điển: Có những vị sau khi nhận đệ tử, đã không có phương pháp dạy đệ tử cho thích hợp, khiến đệ tử không phát triển được đời sống tâm linh, để rồi khiến họ trở nên chán nản và quay trở lại đời sống thế tục. Thậm chí có những vị trưởng lão thời Đức Phật, đôi khi vẫn không nhìn thấy rõ được căn cơ của đệ tử, đã trao cho họ pháp môn không thích hợp, dẫn đến việc họ thực hành không có kết quả.

Người xuất gia khi mới vào chùa phải trải qua một thời kỳ tập sự. Trong thời gian này, họ vừa học tập kinh điển và vừa làm những công việc chấp lao phục dịch trong chùa, và đây cũng là thời gian họ được thầy mình đặc biệt quan tâm chỉ dạy. Có những vị thầy đã chọn những người mới vào tu làm thị giả cho mình, để qua đó dễ dàng thấy được nhân cách và căn cơ của người này để từ đó có phương cách giáo dục thích hợp. Còn người đệ tử trong thời kỳ tập sự xuất gia, khi được gần gũi bên thầy sẽ giúp họ có nhiều cơ hội trong việc học hỏi lời thầy dạy cũng như noi theo lối sống của thầy mình (thân giáo). Vai trò của người thầy trong chốn thiền môn như vậy rất thiết yếu, có thể tác động rất lớn đến việc hình thành nên nhân cách cũng như việc phát triển tâm linh của người đệ tử. Đối với những người xuất gia tuổi còn nhỏ thì sự tác động đó càng lớn hơn. Người đệ tử xuất gia ở một ngôi chùa mà ở đó việc cúng dường coi là công việc chính thì xu hướng của người đệ tử cũng ngã dần theo đó; còn một người xuất gia ở một ngôi chùa mà ở đó lấy việc tu tập làm trọng thì người đệ tử cũng sẽ có khuynh hướng đi theo con đường này. Nhưng mọi việc luôn có ngoại lệ, cũng có những đệ tử đã độc lập chọn lấy lối đi của mình mà không hoàn toàn bước theo dấu chân của thầy — bất kể lối đi đó có thể tốt hơn hay có thể xấu hơn!

Một điều rõ ràng rằng, trong một gia đình, những người con được nên người, thành danh phần lớn nhờ vào sự giáo dưỡng cũng như tình thương yêu của cha mẹ. Trong một ngôi chùa, người đệ tử, để hình thành nên một con người có đủ tài đức thì sự góp phần của người thầy cũng không nhỏ. Nhưng trong mối quan hệ hỗ tương, người đệ tử cũng có thể góp phần đem lại sự thành công cho thầy mình trong việc xiển dương Phật pháp. Một con người dù tài năng đến đâu, nếu không có được sự giúp sức của người khác thì vẫn gặp nhiều hạn chế trong công việc của mình. Bằng chứng dễ thấy là giữa Lục tổ Huệ Năng và ngài Thần Tú. Ngài Huệ Năng được



biết đến như ngày hôm nay tất nhiên là do tư tưởng siêu xuất của ngài, nhưng cũng không thể phủ nhận sự góp công của những vị đệ tử về sau, mà cụ thể là Thần Hội. *Pháp bảo đàn kinh* sẽ không được hình thành nếu không có những vị đệ tử tài giỏi tiếp nối. Ngài Thần Tú xuất hiện trong *Pháp bảo đàn* với một hình ảnh khiêm tốn cũng chỉ vì đệ tử của ngài đã không làm gì nên nổi để xiển dương đường lối của thầy mình!

Ngay cả Đức Phật, giáo pháp của Ngài được truyền bá cũng phải cần đến những vị đệ tử xuất sắc tiếp nối Ngài như A Nan, Ca Diếp, Ưu Ba Ly... trong buổi đầu, và về sau là ngài Long Thọ, Nagasena (Na Tiên), Thế Thân, Buddhaghosa (Phật Am), Huyền Trang... và ngay cả những đệ tử tại gia như Ashoka, Kanishka... Nhưng các vị ấy sở dĩ đã nhiệt tâm làm rạng danh thầy mình bởi vì họ đã nhận thấy được sự hữu ích trong những lời dạy của Đức Phật và kính phục đời sống phạm hạnh cao cả của Ngài.

Một người thầy tài giỏi không phải chỉ là người tìm cách thuyết giảng cho hay mà còn là người biết đào tạo nên được những đệ tử tốt. Những đệ tử xuất sắc, với tài năng và cách hành xử có đạo đức sẽ góp phần làm rạng danh thầy tổ và Phật giáo nói chung. Những ai đã từng đến nghe Đức Dalai Lama thuyết giảng hay thấy ngài ở các cuộc hội thảo sẽ nhận ra được điều này. Những vị đệ tử của ngài, cũng là những vị phụ tá, khi đứng bên cạnh ngài luôn tỏ một thái độ tôn kính hết mực và biểu lộ một thái độ khiêm cung đáng kính, dù họ đang là những viện trưởng của các học viện lớn của Tây Tạng, thông đạt nhiều vấn đề, thành thạo nhiều ngôn ngữ. Cách hành xử đó đã khiến cho những người chứng kiến vừa mến phục họ và vừa kính ngưỡng thầy của họ hơn.

Quan hệ thầy trò trong Phật giáo không chỉ là mối quan hệ trực tiếp giữa hai thế hệ kế tiếp mà còn là một chuỗi tiếp nối dài lâu, trải qua nhiều thế hệ. Điều này thể hiện rõ nét hơn nơi Phật giáo Trung Hoa, Nhật Bản và cả Việt Nam. Phật giáo Trung Hoa là sự kết hợp của nhiều tông phái, và sự truyền thừa của mỗi tông phái là một chuỗi nối tiếp chặt chẽ giữa thầy và trò. Trong Thiền tông, sự truyền thừa này có lẽ dễ thấy nhất. Ở đây sự truyền thừa không chỉ là sự tiếp nối mà còn là sự xiển dương tông phái của mình, làm cho lời dạy của người đi trước được rõ nghĩa và cũng làm thích ứng những lời dạy đó vào từng thời đại. Có những người thầy, có khi tên tuổi của họ được biết đến phải nhờ đến những người về sau.

Trong thời đại ngày nay (ở Việt Nam), sự ảnh hưởng của người thầy đối với đệ tử của mình ít nhiều không còn sâu sắc như ngày xưa, vì người đệ tử bây giờ hình như học tập ở thầy mình ít hơn học hỏi ở những người khác, và thời gian họ ở gần thầy cũng không còn được nhiều. Họ phải trải qua nhiều chương trình học, từ ngoại điển cho đến nội điển. Bên cạnh đó, có những người thầy nhiều khi nhận đệ tử nhưng thực sự đã không dạy được gì cho đệ tử. Đó là chưa nói đến những người nhận đệ tử trong khi tư cách làm thầy của mình không/chưa có. Như vậy, khoan nói đến việc đã dạy được gì cho đệ tử, những người



thầy như thế đã tác động xấu đến họ trong buổi đầu xuất gia, hình thành trong tâm hồn trong sáng của họ một hình ảnh không mấy đẹp đẽ về người đi trước.

Người xuất gia khi rời xa cha mẹ và đời sống gia đình thì ngôi chùa trở thành nơi nương tựa của họ, và người thầy vừa là thầy nhưng cũng vừa là cha mẹ của họ. Một khi ngôi chùa không thực hiện được chức năng tổ ấm tâm linh cho người xuất gia và người thầy không thể hiện được vai trò làm nơi nương tựa cho đệ tử vào buổi đầu thì tất yếu sẽ dẫn đến một hệ quả không mấy tốt đẹp. Nghĩ thế nào khi người đệ tử rời khỏi chùa của mình mà không chút quyến luyến, rời xa người thầy của mình mà cảm thấy vui mừng? Và không thể rằng, người đệ tử sau khi rời xa chùa đi học đã không muốn quay trở về khi khóa học kết thúc; cũng không thể rằng người đệ tử sống trong một ngôi chùa mà tâm hồn lúc nào cũng cảm thấy bất an, muốn tìm đến ở một nơi khác...

Chúng ta thường nghe nhắc nhiều đến lòng từ bi trong đạo Phật. Lòng từ bi nói một cách dễ hiểu là tình thương, một tình thương không tính toán, một tình thương không chỉ có nói mà còn phải thực hành. Cổ nhân thường khuyên rằng lời nói nên đi đôi với hành động, vì chỉ nói mà không hành động thì lời nói ấy chẳng có ích gì cả. Bảo rằng tôi thương yêu mọi người, thương tất cả mọi chúng sanh, trong khi không thương được những người thân cận, gần gũi bên mình thì lời nói ấy thật vô nghĩa. Tình thương, trong quan hệ giữa thầy và trò trong đạo Phật đóng một vai trò vô cùng ý nghĩa. Người xuất gia khi rời bỏ gia đình để vào chùa, đời sống của họ đã gửi gắm vào người thầy, ít nhất trong buổi đầu. Người thầy như vậy đã trở thành điểm nương tựa của người đệ tử. Nếu điểm tựa đó không vững vàng, không đủ âm áp thì người đệ tử sẽ bị chao đảo và có khi sẽ rơi ngã.

Ngày nay, khi mà đời sống của người xuất gia chịu sự chi phối và tác động lớn lao từ những điều kiện xã hội bên ngoài thì trách nhiệm của người thầy đối với đệ tử của mình càng lớn hơn. Người thầy nên chịu khó gần gũi đệ tử, chịu khó lắng nghe, và chịu khó giáo dục cho đệ tử có được một đời sống đạo đức căn

bản trong bước đầu trước khi gửi họ đi học ở một nơi khác. Người thầy không chỉ hướng dẫn cho đệ tử học hai thời công phu, dăm ba bài tụng... không thôi mà còn phải hướng dẫn cho đệ tử những chuẩn mực sống cơ bản. Người thầy không chỉ dạy đệ tử mỗi một việc "sự sư đệ nhi" là xong, mà phải thấy rõ trách nhiệm của mình đối với đệ tử, phải thấy được sứ mệnh của một người đi trước đối với người đi sau trong quan hệ hỗ tương truyền bá giáo pháp; phải thấy việc hướng dẫn, đào tạo đệ tử quan trọng hơn việc xây dựng chùa to Phật lớn, quan trọng hơn việc làm nhang, làm tượng và bán đồ chay hàng tháng, quan trọng hơn việc cúng đám cầu siêu, cầu an... Hoặc nếu không xem việc đào tạo con người có ý nghĩa hơn những việc kia, thì ít ra cũng nghĩ rằng nó là việc cần phải để tâm đến, đừng xem việc nhận đệ tử là để cho có người rót trà, bưng cơm cho mình.

Nhiều vị thầy có thể bỏ ra hàng tỉ đồng để xây dựng chùa chiền, nhưng lại không thể bỏ ra một phần trăm trong đó để lo cho đệ tử học hành; có thể tổ chức làm từ thiện hàng tỉ đồng để kiếm lấy những mảnh giấy "người tốt việc tốt", nhưng đệ tử đi học phải lây lất, hết xin tiền gia đình đến xin tiền Phật tử để trang trải cho việc học. Mọi việc làm tất nhiên đều cần thiết và có ý nghĩa riêng của nó, tuy nhiên cũng nên biết rằng mỗi khi việc giáo dục bị bỏ ngỏ, hay sự quan tâm đến giáo dục không được đầu tư đúng mức thì điều đó chẳng có gì hay ho. Việc giáo dục trong Phật giáo rõ ràng là quan trọng, nó không chỉ là việc đào tạo nên những con người có ích cho đời mà còn hình thành nên những con người biết gìn giữ và xiển dương giáo pháp của Đức Phật. Một khi người thầy quan tâm và giáo dục đệ tử đúng mực, thì tất yếu người đệ tử sẽ tỏ lòng tôn kính và sẽ có những hành động tích cực đối với thầy của mình cũng như đối với đạo pháp nói chung (tất nhiên có ngoại lệ).

Tre già măng mọc. Câu nói quen thuộc ấy nói lên sự tiếp nối tự nhiên của vạn vật trong vũ trụ. Người lớn rồi sẽ nằm xuống và trẻ nhỏ sẽ lớn lên; thầy rồi sẽ nằm xuống và trò rồi sẽ lên làm thầy. Nhưng để cho trò khi lên làm thầy có đầy đủ những phẩm chất của một người thầy thì ngay bây giờ họ phải được quan tâm và được giáo dục đúng mực. Măng rồi sẽ thành tre, nhưng trở thành một cây tre cong queo, còi cọc thì giá trị của nó có lẽ chỉ dừng lại ở chỗ làm củi, mà không có thể làm gì khác hơn!



## ĐẤT KHÁCH

*Trương phu mộng lớn bình thiên hạ  
Sao bạc đầu đất khách ôm trăng  
Chiều chiều chân núi bên sông võ  
Đâu dễ mộng tàn theo sóng tan*

*Đã thê quên em thời lãng mạn  
Ngày qua sông đỏ mấy mươi năm  
Giang hồ xuôi ngược nay tóc bạc  
Mới chợt nhớ về khóc cô nhân*

*Thì bạn tình ơi thôi đã lỡ  
Có thâu đèn ta chỉ của ta  
Dưới trời nguyệt ứa trên gươm lệ  
Đất khóc đời ta sương sớm mai*

*Nhà em bây giờ Đông hay Bắc  
Lung còng có chống gậy ngóng trông  
Có xừ ta làm sao về nữa  
Núi cao biển rộng với gươm cùn*

*Núi cao cao quá như ta mộng  
Biển rộng nào đâu có đò ngang  
Gươm xưa mài hết đời chưa bén  
Đất khách đành cam gửi xương tàn.*

thơ THƯƠNG TỬ TÂM

## GỌI THÁNG NĂM XƯA

Có những chiều ngòi man mác nhớ  
Phía ngày xưa thoáng kỷ niệm quay về  
Con châu chấu mùa thu thơ đi biệt  
Khói hoàng hôn thơ thần mái tranh quê

Nhớ khoảng sân bày trò chơi con nít  
Bông điệp vàng rắc hoa nắng lung linh  
Tiếng ve ran cất giọng gọi trưa hè  
Bay theo gió nồng nàn hương mít chín

Nhớ hoa khế rung rung thêm giếng cũ  
Tiếng gàu khua vọng gọi ánh trăng mờ  
Bầy đom đóm rong chơi vòm cổ tích  
Lối mòn xưa hóa cỏ dại bao giờ

Đâu thấy nữa dáng bà bên bếp ấm  
Mái ngói buồn bầy sẻ cũ về thăm  
Những rêu phong mưa võ vè xanh murót  
Gọi tháng năm xưa vọng khúc để trầm...

## NỎ LÁ

Rơi im... Một chiếc lá vàng  
Người ngồi đếm tuổi thời gian muện mản

Giữa đàng một chuyến quá giang  
Cùng là khách trọ trần gian. Cõi hờ...

Chim bay khuất dấu trời mơ  
Ai người lạc xứ còn ngờ chiêm bao

Ngoảnh nhìn sau trước. Trước sau...  
Một hình một bóng chìm vào lãng quên

Hỏi mình còn nhớ tuổi tên  
Vọng lời đá núi vang rền thiên thu

Lênh đênh một kiếp trầm phù  
Thương thay chiếc lá vụng tu lia cành...

## CHẠNH THƯƠNG MƯA NGUỒN

Chạnh lòng nhớ tháng năm xưa  
Mái nhà thơ ấu vông đưa trưa hè  
Gió lùa từng đợt sắt se  
Chập chồn khói mỏng phen tre bếp nghèo

Tảo tần mưa sạ nắng gieo  
Cha cười má hóp buồn đeo phận người  
Thăm mong mùa đặng tốt tươi  
Nhọc nhằn cây cấy đầu lời oán than

Sông quê dầu dãi nắng chan  
Người quê chân chất cơ hàn mà thương  
Cha còn khuya sớm gió sương  
Bóng trắng vời vợi cuối đường trông theo

Ngày về chân bước như reo  
Bên quê con nước eo sèo ngược xuôi  
Bóng cha dáng mẹ ngậm ngùi  
Giọt mưa chầm chậm rụng rơi về nguồn...

thơ TỊNH BÌNH





# GIỚI THIỆU “CHÁNH NIỆM – CHẤT LIỆU TỈNH GIÁC TRONG CUỘC SỐNG VÀ HỌC ĐƯỜNG”

của Htr. Tâm Thường Định Bạch X. Phở và Nhà báo Doãn Quốc Hưng

TUỆ SỸ

VĂN HÓA / GIÁO DỤC

Một người, do bất cẩn, gây ra tai nạn chết người. Người ta nói, người ấy hành động vô ý thức. Mỗi năm có vô số hành động vô ý thức gây tai nạn chết người như vậy trên khắp thế giới. Đó là chưa nói đến những tai hại nhỏ mà hầu như nhiều người trong chúng ta gây ra cho chính mình và cũng gây ra cho những người chung quanh mình không ít trong sinh hoạt thường nhật vì những hành động được nói là vô ý thức ấy.

Tuy vậy, nói rằng “vô ý thức” chỉ là một cách nói. Không có hành động nào, từ nói năng cho đến những cử động tay chân, mà không có sự tham dự của thức. Duy có điều, hỏi cái gọi là thức ấy là gì, thì từ các nhà thần học trong các tôn giáo, các nhà triết học, tâm lý học hay tâm học, não học, đều mơ hồ, dù các vị này có quả quyết “nó là gì” hay “nó như cái gì”, hoặc nó không là gì cả; những quả quyết ấy không hoàn toàn được chấp nhận một cách cách phổ biến. Vậy thì nói “thức là gì?”, đây không phải là câu hỏi mà chúng ta cần phải trả lời, nhưng cũng nên thận trọng khi áp đặt điều được nói là “hành động vô ý thức.”

Quả thực, một điều vẫn xảy ra hằng ngày cho mọi hành động của chúng ta mà ai cũng thừa nhận, đó là “mọi hành động hữu ích đều được hướng dẫn bởi phán đoán đúng.” Phán đoán đúng có nghĩa là nhận thức đúng. Nhận thức đúng, nếu nguồn thông tin được tiếp thu đúng. Nguồn thông tin đúng nếu các cơ quan nhận thức (căn-cảnh-thức) trong điều kiện tốt và không bị chi phối bởi những xúc cảm nguy hại (destructive emotions). Điều này có nghĩa là mọi nhận thức đều bắt đầu bằng sự giao tiếp nội và ngoại giới, và lộ trình nhận thức (the pathway of recognition) tiến đến giai đoạn quyết định là ký ức được truy xuất để nhận biết đối tượng đang được bắt nắm này là gì, là ai, và kế tiếp, tập trung trên đó để phán đoán: “ta sẽ/ phải làm gì?” Nếu phán đoán bị tác động bởi những xúc cảm nguy hại thì nó sẽ

dẫn đến hành động gây tai họa.

Trên đây tóm tắt lộ trình nhận thức dẫn đến hành động gây tai họa hay cho kết quả tốt đẹp như ý. Khâu quan trọng quyết định trong lộ trình này, nói theo dụng ngữ Phật học, đó là niệm, định, và huệ. Niệm trong đây, Pāli nói là sati,

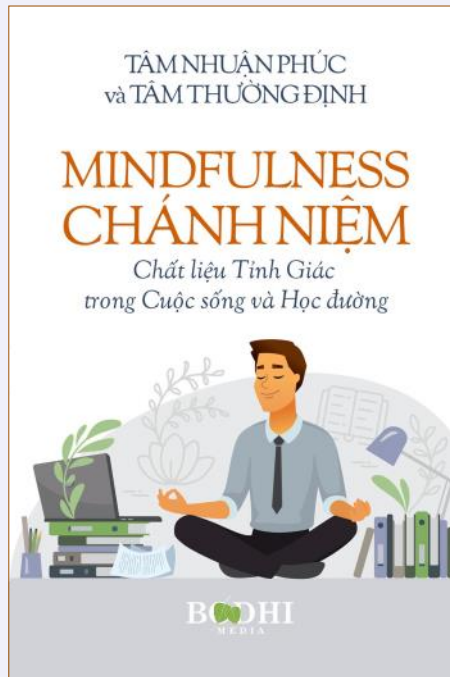
Sanskrit nói là smṛti, mà trong ý nghĩa tốt đẹp ta thường được nghe nói là chánh niệm. Điều mà trong tâm lý học học là ký ức (memory).

Không có nhận thức nào diễn ra với phán đoán và quyết định mà vắng mặt yếu tố ký ức. Với hành động hầu như phản xạ tự nhiên, cũng nên biết đó là ký ức ẩn súc (implicit memory). Những hành vi tức thời, làm rồi quên, cũng cần đến loại ký ức đang hành động (working memory). Khi mà những xúc cảm nguy hại tác động lên khả năng phán đoán, bấy giờ nó kích động các chức năng tâm lý, như là những phần mềm được cài sẵn trong bộ vi xử lý, tức thì tai họa lớn hay nhỏ sẽ xảy ra. Các chức năng này thuộc nhóm gây nhiễu loạn nhận thức mà cuối cùng trong số đó được kể là thất niệm, tán loạn, bất chánh tri; chúng làm đảo lộn quá trình phán đoán của nhận thức với những chức năng tâm lý tương ứng là niệm,

định, và huệ.

Cho nên, khi chúng ta nói, những hành động bất cẩn, hay những hành động vô ý thức, đây là muốn nói đến nhận thức bị tác động bởi xúc cảm nguy hại khiến kích hoạt các chức năng tâm lý thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Thất niệm, quên lãng quên khuấy điều ta đang làm, không nhớ ta đang làm gì. Nói rằng “Nó không biết nó đang làm gì”, câu nói này chính xác nên hiểu rằng “Nó quên nó đang làm gì.” Đây là nhận thức hướng dẫn hành động trong từng sát-na. Có thể nhà khoa học nào đo đạc thấy nó xảy ra trong 180 cho đến 200 mili giây. Nhận thức dẫn đến hành động tức thời này, với nhà tâm lý học hay nhà khoa học não, nó được gọi là ký ức đang hành động (working memory). Tất nhiên, nhiều



khi nhận thức được chi phối bởi những xúc cảm tăng ích (constructive emotions), mà yếu tố quan trọng trong số đó là bất phóng dật: không buông lung, không buông thả, không phóng túng. Như Đức Phật đã nói: Trong các loại dấu chân, dấu chân voi lớn nhất. Cũng vậy, trong các pháp thiền, không buông lung (bất phóng dật) là tối thắng.

Người thợ mộc hay thợ hồ thận trọng không buông lung, nghĩa là chú ý một cách khả dĩ gọi là vô thức, với kỹ thuật đang hành động, sẽ không gây tai họa cho mình và cho những người gần gũi mình. Cũng vậy mà, không buông lung cũng sẽ không gây tai nạn chết người.

Thế nhưng, không phải lúc nào nhận thức cũng khống chế được những cảm xúc nguy hại và hành động với các cảm xúc tăng ích. Có rất nhiều xúc cảm nguy hại, từ các nguồn thông tin ngoại giới, thông qua mắt, tai, các thứ, vượt ngoài tầm kiểm soát của ý, để cho tâm viên ý mã hoạt động buông lung qua lộ trình điên đảo của nhận thức: thất niệm, tán loạn, bất chánh tri.

Tập sách này, được viết bởi Bạch Xuân Phê, cũng với các cộng sự trong ngành giáo dục, bằng kinh nghiệm tu tập bản thân, cùng với kinh nghiệm hướng dẫn các đồng nghiệp, các học sinh của mình, cho đến những nạn nhân của bất công xã hội và ức chế dẫn đến cảnh tù tội; với những kết quả có được, giới thiệu để được chia sẻ với với những người mong muốn tự làm chủ xúc cảm bản thân trong giới hạn có thể và hướng giúp các thế hệ tương lai tự làm chủ bản thân, tự xác định hướng đi của chính mình, tự tìm thấy giá trị của sự sống trong hiện tại, để không dẫn đến những quyết định sai lầm tai hại.

Tập sách không phải tập hợp một mớ lý thuyết, mà dẫn dụng những ứng dụng cụ thể và những kết quả đạt được, hoặc lớn hoặc nhỏ, rất đáng khích lệ.

Đối với các huynh trưởng Gia Đình Phật tử, với tâm nguyện, với trách nhiệm tự nhận, ước mong hướng dẫn các đoàn sinh, các đàn em của mình, trưởng thành trong Chánh pháp; bằng nhận thức và hành động được tu dưỡng, được tài bồi, của Phật pháp trong nhiều năm, tập sách này là tư liệu tham khảo cần thiết để tăng trưởng nhận thức, phát huy những tinh hoa trong Phật pháp trao truyền cho các thế hệ đàn em, vì một xã hội hài hòa, an lạc, một dân tộc bao dung nhân ái trong một đất nước thanh bình.

Tiết Nhi đồng Việt Nam 2021  
Tuệ Sỹ



## TỊNH TÂM

*Suy tư trầm mặc mùa đông  
Gót chiều cúi mặt bão giông sa mù  
Lênh đênh sóng cuộn phù du  
Cuộc đời rong ruổi thực, hư, bi, hài*

*Sinh, tử qui luật an bài  
Trầm luân háng giọt mưa bay ta bà  
Vô thường mệnh kiếp sát-na  
Đêm buông bóng rưng, bóng ta dựa mình*

*Vườn duyên giác ánh tâm linh  
Xuôi cơn sóng gợn bình sinh mặt hồ  
Từ tâm giải nghiệp ban sơ  
Thân lành thanh thoát dạt bờ lạc an*

*Còn ta trong bóng thời gian  
Ngồi thiền, mắt nhắm lân tràng hạt thiêng.*

thơ NHẬT QUANG



# Con Ong và Duy Thức Học

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Sau thời công phu sáng, hành giả không đi kinh hành quanh khu chung cư như vẫn thường, mà lại pha một bình trà nhỏ, cầm cuốn tập ghi chú bài học và ngồi ngoài hàng hiên tịnh thất.

Hành giả muốn ôn bài trong lớp duy-thức-học Online tuần trước, vì chiều nay lại có chương trình học và nhiều phần Giảng-sư sẽ giải đáp thắc mắc nếu có học viên nào chưa thông suốt, trước khi học sang bài mới.

Mấy tuần vừa qua, học viên đã tuân tự học tới phần Tâm Vương và Tâm Sở. Cuốn tập ghi chú bài gần nhất là đại cương về Tâm Sở, gồm 51 Tâm Sở do ngài Thế Thân soạn. Đó là: 5 Biến hành tâm sở, 5 Biệt cảnh tâm sở, 11 Thiện tâm sở, 6 Căn bản phiền não tâm sở, 20 Tuỳ phiền não tâm sở và 4 Bất định tâm sở.

Học viên kém thông minh như hành giả, có thói quen ôn bài từ dưới lên trên (thay vì từ trên xuống dưới!) nên hợp một ngụm trà rồi lẩm nhẩm đọc 4 Bất-định tâm sở là:

Hồi  
Miên  
Tâm  
Tư

Phần này mang tên Bất-định tâm sở vì sự hoạt động của nó có thể là thiện, có thể là bất thiện, tùy theo trường hợp.

HỒI là hồi hận, ăn năn về việc gì đó. Tâm sở này thường làm chướng ngại Định, dù khi đó tâm sở là thiện hay bất thiện.

Tý dụ, chợt cảm thấy hồi hận vì đã lỡ lời, làm buồn lòng bạn. Đây là thiện. Nhưng chợt tiếc rẻ khi đi ngang vườn nhà hàng xóm, thấy hoa nở rộ đẹp quá, sao không ngắt vài bông về nhà chưng? Đây là bất thiện.

MIÊN là ưa buồn ngủ. Đêm là giờ ngủ. Ngủ đúng thời, là thiện. Đang nghe pháp, đang niệm Phật, tụng kinh mà ngủ là bất thiện.

TÂM là tìm tòi, tìm cầu. Tâm sở này thường làm cho thân tâm khó bình an nếu không biết giới

hạn những gì đáng tìm cầu mà cứ để tâm lan man "Nhất giả sinh bá kế!" bận rộn với trăm phương kế chọt khởi lên ...

TƯ là phân tích, tư duy. Tuy tâm sở này cũng có thiện và bất thiện nhưng đối với 3 bất định tâm sở kia thì Tư có phần tế nhị hơn, vì nhiệm vụ chính của Tư là giúp Tâm định giá trị của đối tượng sau khi Tâm tìm được đối tượng.

Bụi hoa tím, trước hàng hiên tịnh thất bỗng như linh động hơn khi một con ong từ đâu bay tới, đang lượn quanh những chùm hoa mới nở. Nó đảo ba vòng như người đi chợ, rà những mặt hàng đang bày trên kệ. Rồi nó đậu xuống một khóm hoa, chúi đầu vào một bông. Một lát, nó ngẩng lên, như đang tận hưởng vị ngọt từ mật hoa, và vẫn đậu ở vị trí cũ. Có lẽ hài lòng với hương vị, nó lại chúi đầu vào bông hoa kế bên, say sưa hút mật ...

Một cơn gió chợt tạt qua. Cơn gió khá mạnh, lay động cả bụi hoa, nhưng con ong không hề xao xuyến. Phút giây này, nó như chỉ chú tâm vào một việc là hút mật hoa. Gió thổi cứ gió, gió rồi sẽ qua, và mật hoa mới giúp nó no lòng.

Mấy phút trôi qua ... gió đã lặng ... và ong ngẩng đầu lên, nhìn quanh khóm hoa như gửi lời cảm ơn rồi mới nhẹ nhàng, rất nhẹ nhàng cất cánh, bay đi ...

Cuốn tập ghi chú bài học đã gấp vào hồi nào mà hành giả không hay, nhưng bài học về Bất Định Tâm Sở như không hề bị gián đoạn, với hoạt cảnh con ong hút mật hoa đã tình cờ diễn ra đúng chỗ, đúng thời.

Khi con ong bay vòng vòng và bắt được tín hiệu có nhiều khóm hoa quanh đây, có phải nó đang Tâm? Ong đã Tâm, và bắt được đối tượng là có nhiều bông hoa đang nở.

Có đối tượng rồi, ong đi tiếp tâm sở kế, đó là Tư. Con ong phân tích và tư duy rằng, hoa nở thì thế nào giữa nhụy cũng

có mật, không nhiều thì ít, cũng có thôi. Sau khi đã Tâm và Tư như vậy, nó kiểm chứng thực hành, là chúi xuống những nhụy hoa. Quả thật, nhụy hoa có mật mới khiến ong không rời, dù gió chướng có tạt qua.

Có lẽ, ở giai đoạn này, ong xử dụng tâm sở Tư, thêm chút nữa, là nghĩ rằng gió có tới chỉ làm lay động khóm hoa. Nếu vì sợ hãi, mất quyết tâm và tự tin mà vội buông nhụy hoa thì chính nó đã để cho gió phiền não bứt nó ra khỏi môi trường an lạc, ấm no, mà trở về sự lang thang đói khát!

Tịnh trạng này sẽ mất cả Tâm lẫn Tư!

Khi hút mật đủ no, con ong không hạ hê mà vỗ cánh bay ngay. Nó chập chập đôi cánh mỏng, la đà lượn quanh bụi hoa rồi mới vỗ cánh, bay đi. Điều này có khác chi thái độ của người thọ ơn, trân trọng và nhẹ nhàng cảm ơn người đã ban hạnh phúc cho mình trước khi tạm biệt.

Nhìn theo bóng con ong khuất dần sau mái tường cao, hành giả bỗng nhớ tới một lời Phật dạy: "*Này các Tỳ Kheo, khi đi khuất thực, hãy như những con ong, chỉ nhẹ nhàng hút chút mật, tạm no lòng mà không làm tổn hại bông hoa, cũng không để tâm tham nổi lên, nhận nhiều hơn nhu cầu là sẽ mắc nợ !...*"

Tách trà đã cạn mà niềm vui tràn đầy.

Xin đừng hỏi vì sao hành giả có thể tin rằng, ở một kiếp nào, hẳn là con ong đã từng được nghe lời Phật dạy, đã từng có mặt trong lớp Duy Thức Học và nuôi dưỡng những chủng tử từng thọ nhận để đúng thời, đúng cảnh vẫn an nhiên biểu lộ thực hành qua tinh thần Như-Thị trong Pháp Hoa Kinh.

Cám ơn ong đã cùng ôn bài, đặc biệt ở phần Bất Định Tâm Sở này.

*(Tào-Khê tịnh thất – Một thời khoá học Pháp)*

## TRỘM MÈN

Có tên trộm thật ngu si  
Vào nhà giàu có lấy đi ít hàng  
Toàn là gấm quý hạng sang  
Rồi còn vơ vét trên đường rút lui  
Một mền rách nát tả tơi  
Và quần áo cũ của người chủ gia  
Xong rồi mới chịu đi ra  
Dem hàng gấm quý bao qua ngoài cùng  
Áo quần, mền rách phía trong  
Gói thành một gói, cõi lòng thành thoi.  
Sau này đi khắp mọi nơi  
Hắn mang gói đó chẳng rời phút giây.  
Mọi người biết được chuyện này  
Đều chê cười hắn là tay ngu đần.

\*

Ở đời ai đã phát tâm  
Tin theo Phật Pháp chuyên cần tu thân  
Không nên trở lại sai lầm  
Tham lam danh lợi dương trần làm chi  
Để rồi Giới Luật phá đi.  
Nếu ai điên đảo nghĩ suy sai đường  
Giới thanh tịnh cứ coi thường  
Tất nhiên đức hạnh tổn thương nặng nề  
Khiến cho thiên hạ cười chê!

## TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa phỏng theo Kinh Bách Dụ)



## THE THIEF STEALS EMBROIDERED SATIN TO WRAP UP WORN CLOTHES AND RAGS

Once upon a time there was a thief who sneaked into a rich man's house to steal a piece of embroidered satin. He used it to wrap up such objects as worn clothes, rags and sundry effects. He was laughed at by the wise.

So are the stupid in the world who have faith in Buddhism, who practice good teachings and who do meritorious works. Because of their basic greed for gain, however, they break the pure commandments and lose their various merits. They are also laughed at by the people at large.

*Trích dẫn trong*

“SAKYAMUNI'S ONE HUNDRED FABLES”

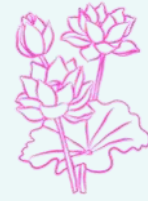
*dịch bởi*

TETCHENG LIAO



# Nhớ ơn Sư huynh Thích Thông Tạng

## THÍCH THÔNG ĐẠO



Hôm nay ngày 24 tháng 7 năm Nhâm Dần (21/8/2022), là lễ Chung Thất Đại đức Thích Thông Tạng, người Sư huynh thân kính và cũng là ân nhân của Thông Đạo. Như lời Sư huynh thường gọi Thông Đạo là Sư đệ và khiêm tốn xưng là Sư huynh, đệ xin thành kính tưởng niệm đến ân và nghĩa quý báu mà Sư huynh đã thương tưởng dành cho đệ.

Bảy tuần trước đây, khi đệ đang ở Việt Nam lo Tang lễ cho anh ruột là Trần Duy Lộc tại Huế thì Sư tỷ Thông Niệm điện thoại báo tin Sư huynh từ già dương trần! Đệ bất giác la lên một tiếng lớn! Thật hoàn toàn bất ngờ và đột ngột như sự ra đi của Sư phụ Tôn kính của chúng ta! Hỡi ôi! Còn nỗi đau nào lớn hơn nữa!? Vẫn biết vô thường không hẹn mà đến, nhưng mấy ai giữ được an định trước cảnh sinh tử biệt ly! Trước đó một tháng, Sư huynh còn dòn dã điện đàm với đệ, kể chuyện đang giúp tại chùa Vô Lượng Quang và khuyến tấn đệ tinh tấn tu học giới luật mà!

Sư huynh được Sư phụ thể phát xuất gia trước đệ hơn nửa năm, nhưng chúng ta cùng được Sư phụ cho thọ giới Sa di một lần tại thiền viện Trúc Lâm Đại Đăng ngày 18/11/2017. Huynh đệ chúng ta cùng chia sẻ bát canh rau, tô cháo oat meal, củ khoai hấp, ổ mì dòn dưới mái chùa với Sư phụ vào những lúc khó khăn nhất nhưng cũng đầy lòng tôn kính của tất cả đạo hữu xa gần!

Rồi ngày mùng 2 Tết Mậu Tuất (2018), trong khi tiếp khách đến chùa thắp hương đầu năm mới tại Freemont, đệ bị heart attack mà ngu si không biết, cứ tiếp tục nói chuyện với khách và vừa cảm nhận áp suất trên ngực tăng dần. Hôm đó Sư phụ đang hoăng hóa tại chùa Phật Bảo, Pennsylvania. Còn Sư huynh đi chợ về, mới chở đệ đến bệnh viện Kaiser, phải mất 2 giờ đồng hồ sau mới đến được phòng Cấp cứu! May mà con kịp thông tim, đưa 2 stents vào mạch máu bị nghẽn. Nếu Sư huynh không về kịp lúc đó thì sao hề?! Cho nên, dù Sư huynh không bao giờ nhắc đến, nhưng đệ lúc nào cũng nhớ ơn cứu mạng của Sư huynh!

Sau này Sư huynh được Sư phụ cho về Việt Nam theo học 3 năm tại trường Trung cấp Phật học Long An; thọ Tỷ kheo giới tại Đại Giới đàn Đại Đồng, Long An năm 2020 do Chư Cao Tăng Thạc đức hướng dẫn. Nhờ vậy mà khi trở về Hoa Kỳ, Sư

huynh có nhiều kinh nghiệm để đảm nhận nhiều Phật sự lợi đạo, ích đời.

Thời gian tu học tại Việt Nam, Sư huynh có phước duyên được Sư phụ liên lạc với Chư Tôn đức tại quê nhà để hỗ trợ Sư huynh. Sư phụ cũng đã 5 lần sai đệ đến ngân hàng America gửi tiền tài trợ tiếp vào tài khoản Sư huynh, giúp Sư huynh chuyên tâm tu học. Tấm lòng của Sư phụ đối với đệ tử thật ấm áp, bao dung và thầm lặng như vậy, rất ít người thâm cảm.

Trong tình Sư môn, Pháp lữ, huynh đệ, tuy sống xa nhau nhưng chúng ta cũng đã có những giờ phút đoàn tụ ấm áp dưới mái chùa Đại Bảo Trang Nghiêm do Sư phụ dày công gây dựng. Nhất là trong bảy Tuần thất Sư phụ: Sáng, trưa, chiều, tối, lúc nào cũng có Chư Tôn Thiền đức Tăng Ni đến thăm viếng, tụng kinh, tiến Giác Linh, niệm Phật, bái sám, Pháp thoại.

Huynh đệ chúng ta, cùng Sư tỷ Thông Niệm và quý đạo hữu đã cùng trì tụng và tìm hiểu ý nghĩa tất cả các bản Kinh do Sư phụ cẩn trọng dịch ra tiếng Việt, lễ bái 500 Lạy Bồ Tát Quán Thế Âm do Sư phụ chứng nghĩa Việt văn và đặt nhan đề sám pháp. Sư huynh Thích Thông Lý cũng rất cảm mến Sư huynh và tự tay chữa chứng đau lưng cho Sư huynh khi đến thăm Tinh xá Thiền Lâm, miền Nam California.

Đặc biệt, khi còn là cư sĩ, Sư huynh từng là người điều hành nhiều tổ hợp xây dựng nhà cửa. Do vậy, Sư huynh đã giúp nhiều chùa tại Hoa Kỳ sửa chữa cơ sở. Và, tất cả đều FREE! Đệ thường tán thán Sư huynh, năng lực xây dựng của Sư huynh chính là phương tiện thiện xảo, rất thực tế trong nếp sống thiền môn hàng ngày.

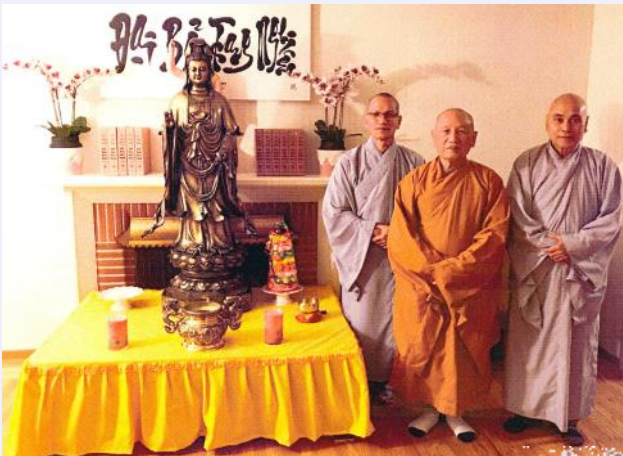
Tuy thời gian Sư huynh hoăng hóa chưa nhiều, 60 năm trụ thế, nhưng những đóng góp của Sư huynh cho đời, cho đạo thật vô cùng sâu sắc!

Tâm nguyện Sư huynh khi thọ Đại Giới là để tu, nhờ vậy mà dù bao chướng duyên ở đời vẫn không làm tâm Sư huynh xao xuyến, nản lòng. Đó chính là lời dạy bằng thân giáo mà Sư huynh đã gieo vào tâm khảm Sư đệ. Trên hành trình về bến Giác, đệ thật mang ơn Sư huynh nhiều lắm.

Sư huynh có duyên lành với Hòa thượng thượng Nhật hạ Huệ, Trụ trì chùa Duyên Giác, San Jose, nên Lễ tang Sư huynh đã được chùa Duyên Giác tổ chức trang nghiêm thanh tịnh tại nhà quán Oak Hill, San Jose trước đây. Hôm nay, chùa Duyên Giác cũng trang nghiêm tổ chức Lễ Chung Thất Sư huynh cùng Đại lễ Vu Lan Phật lịch 2566. "Tấc dạ chí thành thập phương cảm ứng", xin được thay thế Sư huynh, thành kính dâng lễ cúng dường Hòa thượng Trụ trì chùa Duyên Giác, Chư tôn Thiền đức Tăng Ni và tất cả quý Đạo hữu.

Thành kính Cầu nguyện Giác Linh Sư huynh, Đại đức Thích Thông Tạng Cao đẳng Phật quốc. Chân thành Phân ưu cùng Tang môn Pháp quyến và Quý Đạo hữu.

Tân Tỳ kheo Thích Thông Đạo, 21/8/2022.





# HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT  
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa ACE Áo Lam thương mến,

Hôm nay NHÓM ÁO LAM (NAL) xin kể các bạn nghe một câu chuyện rất ý nghĩa về Bồ thí.

Thuở xưa, khi đức Phật ngụ tại tinh xá Kỳ viên nước Xá Vệ, ngài kể chuyện về vua Trời ĐẾ THÍCH thưa hỏi 4 câu hỏi về Phật pháp.

Ngài kể rằng trong một kỳ tu học của chư Thiên, ở cung trời Đao Lợi có 4 câu hỏi mà các ngài không tìm được câu giải đáp; cả vua Trời ĐẾ THÍCH cũng chưa tìm ra câu giải đáp thoả đáng.

Vì vậy, vua Trời Đế Thích mới cùng với chư Thiên đến tinh xá Kỳ viên, yết kiến đức Phật và trình lên ngài 4 câu hỏi như sau:

1. Trong các vị hiền tặng, vật gì quý nhất?
2. Trong các hương vị, mùi vị nào thơm ngon nhất?
3. Trong các sự vui mừng, điều gì hoan hỷ nhất?
4. Tại sao sự diệt tận mọi tham ái là công đức tối thượng?

Đức Phật đáp:

"Này chư Thiên,

1. Chánh Pháp là tặng phẩm quý giá nhất
2. Pháp vị là hương vị đậm đà nhất
3. Pháp hỷ là niềm hoan hỷ cao cả nhất
4. Diệt tận mọi tham ái là công đức thù thắng nhất vì đưa đến quả vị Thánh A La Hán."

Rồi đức Phật nói lên bài kệ sau đây:

*"Pháp thí quý hơn mọi bồ thí  
Pháp vị thắng hơn mọi hương vị  
Pháp hỷ vui hơn mọi hoan hỷ  
Ái tận vượt khỏi mọi đau khổ."*

(Kinh Pháp Cú, kệ 354)

Chư Thiên vui mừng, tán thán. Vua Trời Đế Thích bạch Phật:

"Bạch đức Thế tôn, bồ thí Pháp là quý báu nhất, sao chúng sanh còn chưa được thọ hưởng hết? Con kính xin đức Thế Tôn thọ hứa khả cho mọi loài chúng sanh đồng hưởng lợi lạc cao quý này."

Đức Phật liền cho tập hợp tất cả tỳ kheo lại, cùng hồi hướng công đức đến tất cả pháp giới chúng sanh.

Kể từ đó, nghi thức hồi hướng được thực hành sau mỗi khóa lễ chính thức trong chùa.

Thưa Anh Chị Em thương mến,  
Câu chuyện Phật Pháp ngắn ngủi này cũng cho chúng ta vài phút suy tư đầy ý nghĩa:

- 1) Cho dù là "ông Trời" mà không hiểu điều gì

đó trong Phật pháp thì cũng phải hỏi cho rõ mới giải đáp cho người khác;

2) Chúng ta học tập lòng TỐT của vị Trời Đế Thích: khi mình được lợi lạc thì nghĩ đến những người khác, muốn họ cũng được lợi như mình.

Thân mến kính chúc ACE hưởng một mùa Trăng tràn hương TƯ BI.

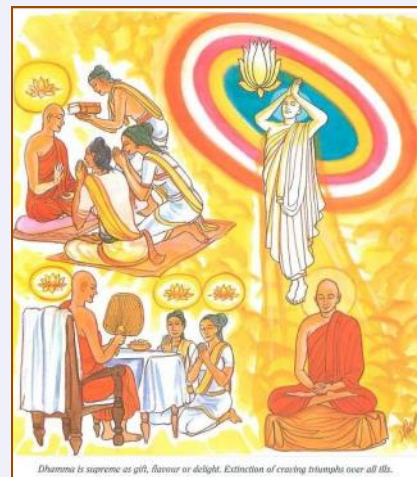
Trân trọng,

**Nhóm Áo Lam**

\* Bàn thêm về ý nghĩa "**Hồi hướng công đức**":

Trong nghi thức tụng niệm của Thiền môn có 3 đoạn thi kệ được gọi chung là "**HỒI HƯƠNG**" ở cuối thời kinh. 1) Hồi hướng công đức tri tụng kinh chú (Phúng kinh công đức); 2) Hồi hướng vãng sinh Tịnh độ (Nguyện sanh Tây phương...), và 3) Hồi hướng tổng quát (Nguyện đem công đức này...). Với thời kinh dài, các chùa tụng đủ cả 3 đoạn hồi hướng; với thời kinh ngắn gọn hoặc chỉ tụng đoạn 3 là "Nguyện đem công đức này, hướng về khắp tất cả..."

Chữ "**Công đức này**" bao gồm tất cả các việc phước thiện được tạo ra hoặc được thọ nhận sau một thời kinh, sau một buổi hội họp hòa hợp, hoặc cuối một bữa ăn tịnh tâm chánh niệm tại chùa. Khi được ăn chay ở chùa, huynh trưởng và đoàn sinh GDPT cũng đọc đoạn hồi hướng này với 2 ý nghĩa: 1) cảm ơn và xin hồi hướng công đức của quý Thầy-Cô và đàn-na thí chủ đã cung cấp, chia sẻ bữa ăn chay tại chùa; 2) trong ngày sinh hoạt tụng kinh, học giáo lý, thọ trai trong chánh niệm... của GDPT tại chùa, nếu có được chút công đức gì thì cũng xin cảm ơn và hồi hướng đến tất cả chúng sinh, nguyện đồng thành Phật đạo.



*Dhamma is supreme as gift, flavour or delight. Extinction of craving triumphs over all ill.*

# TRANG SỬ MỚI CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

*Huỳnh Kim Quang*

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Ngày 1 tháng 9 năm 2022, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã công bố việc thành lập Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) và Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương đã cung thỉnh Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ làm Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN. Đây không những là một tin rất hoan hỷ đối với cộng đồng Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước, mà còn là bước ngoặt mở ra trang sử mới của GHPGVNTN.

Thật vậy, kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2018, khi Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ (1928-2020), Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN, ra quyết định giải tán toàn bộ nhân sự của Viện Hóa Đạo cho đến nay về mặt điều hành Phật sự của Giáo Hội xem như bị ngưng trệ hoàn toàn. Nhiều Tăng, Ni và Phật tử có lòng với GHPGVNTN đã canh cánh nỗi lo lắng cho sự sống còn của Giáo Hội này, đặc biệt trước hoàn cảnh sa sút về mặt đạo đức và tâm linh của xã hội Việt Nam. Chính trong tâm trạng đó nên khi nghe được công bố việc thành lập Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ được cung thỉnh làm Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN thì Tăng, Ni và Phật tử đều thở phào nhẹ nhõm và hoan hỷ vô cùng, dù có lẽ mọi người đều thấy được việc phục hoạt GHPGVNTN sẽ còn rất nhiều chướng duyên trong tình trạng của một đất nước bị độc quyền đảng trị và các tổ chức tôn giáo độc lập đều gặp phải vô vàn khó khăn với chính quyền.

Nhưng có lẽ có người không hiểu duyên khởi từ đâu mà Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ có thể đứng ra dựng lại Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và được Hội Đồng này thỉnh cử vào ngôi vị Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống

GHPGVNTN, một vai trò lãnh đạo tối cao của Giáo Hội khi ngôi vị Tăng Thống khuyết tịch.

## **“Vô khả nại hà”**

Không phải tự nhiên mà Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ tự mình đứng ra triệu tập chư vị Giáo phẩm để thành lập Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ trong cương vị là người phụng thờ Quyết định ủy thác điều hành Viện Tăng Thống từ Đức Đệ Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ mới có thể làm được việc này. Dù là đã được Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ ủy thác điều hành Viện Tăng Thống vào tháng 5 năm 2019, nhưng Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ chưa được cung thỉnh vào ngôi vị chính thức nào trong Viện Tăng Thống, cho nên từ đó đến nay Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ vẫn xem mình như là một “binh pháp Tỳ-kheo.” Danh vị Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN là ngôi vị chính thức đầu tiên mà Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ được Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương cung thỉnh vào ngày 21 tháng 8 năm 2022 tại Chùa Phật Ân, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau đây là một số sự kiện đã diễn ra từ năm 2018 đến nay liên quan đến vai trò của Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đối với GHPGVNTN.

Trong Công Bố của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN ngày 1 tháng 9 năm 2022 có viết rằng:

*“Tự thế bị tổn thương, cùng với tác động ngoại tại bởi những thông tin nhiễu loạn, sự phân hóa nội bộ càng lúc càng trầm trọng, cho đến lúc, vô khả nại hà, đức Đệ ngũ Tăng thống đã ban hành quyết định lịch sử: giải thể toàn bộ nhân sự và đình chỉ mọi hoạt động Viện Hóa Đạo,...”* (1)

Bản Công bố dùng chữ “vô khả nại hà,” có nghĩa là không còn cách nào khác ngoài việc phải làm như vậy để cứu lấy sinh mệnh của GHPGVNTN trước cơn khủng hoảng thập tử nhất sinh của Giáo Hội này từ sau năm 1975.

Đó là Quyết Định số 12 do Đức Đệ Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN, ban hành vào ngày 25 tháng 11 năm 2018, mà trong đó Điều 4 và Điều 5 viết như sau:

*“Điều 4: Giải tán mọi nhân sự và chức vụ trong Ban Chỉ đạo Viện Hóa Đạo nhiệm kỳ 2018 – 2020 quy định trong Giáo chỉ số 18 do Viện Tăng Thống ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2018.*

*“Điều 5: Trong thời gian chờ Viện Tăng Thống triệu tập Đại hội bất thường GHPGVNTN công cử nhân sự mới cho Viện Hóa Đạo, tạm ngưng mọi hoạt động của Viện Hóa Đạo cùng mọi nhân sự Ban Chỉ đạo quy định trong Giáo chỉ số 18 do Viện*



*Tăng Thống ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2018.” (2)*

Đến ngày 12 tháng 5 năm 2019, Đức Đệ Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ, lúc đó đã về tịnh dưỡng tại Chùa Từ Hiếu, Quận 8, Sài Gòn, ra Giáo Chỉ số 19 cung thỉnh Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đăng lâm pháp tịch vào hàng Trưởng Lão Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương Viện Tăng Thống.” Trong Giáo chỉ số 19, Điều 1 viết rằng:

*“Cung thỉnh Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đăng lâm pháp tịch trong cương vị thành viên hàng Trưởng Lão Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương Viện Tăng Thống.” (3)*

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, Đức Đệ Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ ra Quyết Định Số 14 “ủy thác quyền điều hành Viện Tăng Thống” cho Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ. Trong Quyết Định số 14, Điều 2 và Điều 3 viết rằng:

*“Điều 2: Thỉnh cử Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ thay Tôi đứng đầu vào vị trí của Viện Tăng Thống, bảo đảm tiếp tục sứ mệnh của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong tương lai. Tôi hoàn toàn tin tưởng và ủy thác trọng trách này cũng như trao toàn quyền cho Hòa Thượng Tuệ Sỹ điều hành mọi hoạt động của Giáo Hội.*

*“Điều 3: Bất cứ lúc nào, khi hội đủ điều kiện thuận duyên, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ thay mặt Viện Tăng Thống triệu tập Đại Hội Bất Thường để bầu cử nhân sự mới cho tất cả các chức vụ trong Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.” (4)*

Ngày 7 tháng 4 năm 2020, tức là ngày 15 tháng 3 năm Canh Tý, Hòa thượng Thích Tuệ Sỹ đã cung kính phụng thừa sự ủy thác của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống. Trong lời khâm thừa Quyết Định của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống ủy thác quyền điều hành Viện Tăng Thống, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã cung bạch như sau:

*“Khâm thừa Quyết định của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống, tôi Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ tự xét chướng thâm huệ thiếu, nhưng Tổ giáo nghiêm, vô khả nại hà, nay phụng phục đề đầu phụng chỉ.*

*“Song le, hiện tại, tôi thân cung luy nhược, tứ đại bất hòa, chinh e trọng nhiệm khó thành, vậy nay kính thỉnh Hòa Thượng Thích Nguyên Lý hiệp trợ, đồng nhiếp tâm bảo trì Tổ ấn, khâm thừa ủy thác, y giáo phụng hành.” (5)*

Trong lời khâm thừa này, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cũng sử dụng cụm từ “vô khả nại hà” để nói lên tình huống không thể chối từ sự ủy thác của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống để điều hành Viện Tăng Thống, vì sức khỏe của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống đã suy yếu và ngày viên tịch của ngài không còn bao lâu, và vì sinh mệnh của GHPGVNTN cũng nằm ở tình trạng như ‘chỉ mảnh treo chuông’.

Ở đây, cũng xin nói thêm một sự kiện là sau khi trở về Chùa Từ Hiếu, Quận 8, Sài Gòn, để an dưỡng, Đức Đệ Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ đã quán chiếu sâu thẳm vào thực trạng mà ngài gọi là “lao xuống vực thẳm ô nhiễm hủy diệt” của GHPGVNTN, ngài đã tự nhận lãnh trách nhiệm lịch sử trước “uy đức của Lịch đại Tổ Sư” về sự khủng hoảng của Giáo Hội, nên trong Tâm Thư số 15 được công bố vào ngày 26 tháng 3 năm 2019, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ đã viết một cách thống thiết như sau:

*“Tôi, Sa-môn Thích Quảng Độ, trong cương vị*

*lãnh đạo tối cao của Giáo Hội, tự nhận trách nhiệm lịch sử này trước uy đức của Lịch đại Tổ Sư, và cũng trong trách nhiệm lịch sử này, với ý hướng kịp thời ngăn chặn bánh xe phân hóa không lao xuống vực thẳm ô nhiễm hủy diệt, tôi đã quyết định, bằng Quyết định số 12/TT/VTT/QĐ, Phật lịch 2562, Saigon ngày 19 tháng 10 âm lịch Mậu Tuất (tức 25/11/2018), đình chỉ mọi hoạt động của Giáo hội, để Tăng-già có thời gian thể hiện bản thể thanh tịnh và hòa hợp, làm nơi quy ngưỡng vững chắc cho bốn chúng hòa hợp đồng tu, hòa hợp hành đạo và hóa đạo, phụng sự Dân tộc và Đạo pháp, trong lý tưởng phụng sự hòa bình dân tộc và nhân loại.” (6)*

Tuy nhiên, tại sao phải duy trì và phục hoạt GHPGVNTN? Để trả lời cho câu hỏi này, chúng ta cần nói đến thực trạng của Phật Giáo Việt Nam trong nước và vai trò của GHPGVNTN đối với sinh hoạt tôn giáo, văn hóa, đạo đức và tâm linh của xã hội Việt Nam từ trước tới nay.



### **Thực trạng của Phật Giáo Việt Nam**

Trong bản Công bố của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN ngày 1 tháng 9 năm 2022, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ, Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống, đã nêu ra thực trạng tổng thể mà trong đó bốn chúng đệ tử Phật đang đối mặt trên bình diện thế giới cũng như tại Việt Nam:

*“Cộng đồng bốn chúng đệ tử Phật, trong hiện tại, hành đạo và hoằng đạo giữa các cộng đồng dân tộc trong một thế giới đang bị bao phủ trong hận thù, nghi kỵ, điên đảo tranh chấp quyền lực, danh vọng, lợi dưỡng. Trong một thế giới đảo điên, với sự phổ biến chóng mặt của các phương tiện truyền thông toàn cầu; xoay vần giữa những nhiễu loạn thông tin, trí ngu đồng đẳng, thực giả khó phân, chánh kiến tà kiến không phân biệt, Phật thuyết, ma thuyết đồng giá. Và, trong một đất nước trải qua 20 năm chiến tranh huynh đệ tương tàn, dù được biện minh hay lý giải bằng bất cứ lý luận gì: vì một xã hội tiến bộ được định hướng theo ý thức hệ gì, duy tâm, duy vật hay duy linh các thứ, thì thực tế không thể phủ nhận đối với ai còn đủ lượng tri để nhìn lại lịch sử dân tộc, hòa bình và thống nhất đã đẩy dân tộc dẫn sâu vào hận thù, nghi kỵ kéo dài trên nửa thế kỷ vẫn chưa có dấu hiệu hòa dịu. Trong một thế giới như vậy, một đất nước như vậy, chúng đệ tử Phật, trực tiếp hoặc gián tiếp, có ý thức hay không ý thức, dễ bị cuốn hút trong vòng xoáy của danh vọng và lợi dưỡng, đã minh giải những giá trị chân*



thật được tác thành bởi Minh và Hành xuất thế bằng những giá trị thể tục; từ nơi đó khoét sâu và làm vỡ cộng đồng hòa hiệp mà đức Thích Tôn đã thiết lập bằng Pháp và Luật thiện thuyết.” (xem chú thích 1)

Bản Công bố nói rõ trong thế giới “điên đảo tranh chấp quyền lực, danh vọng, lợi dưỡng,” và trong một đất nước “dấn sâu vào hận thù, nghi kỵ kéo dài trên nửa thế kỷ vẫn chưa có dấu hiệu hòa dịu,” đã dẫn tới hệ quả tất yếu là “chúng đệ tử Phật, trực tiếp hoặc gián tiếp, có ý thức hay không ý thức, dễ bị cuốn hút trong vòng xoáy của danh vọng và lợi dưỡng...”

Điều này là một sự thật không thể chối cãi trong thực trạng của Phật Giáo Việt Nam trong nước hiện nay. Thượng Tọa Thích Thanh Thắng là vị Tăng sĩ thuộc thế hệ trẻ lớn lên tại Việt Nam, người có nhiều bài viết phản ánh những biến chất của Tăng, Ni và những bất ổn của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam trong nhiều năm qua, trong một bài viết gần đây được đăng trên trang mạng Thư Viện Hoa Sen có tựa đề “Hạnh Giáo Hạo Đại” (đọc ngược là ‘háo danh hại đạo’), đã viết như sau:

*“Nay hướng đi của Phật giáo lại nhuộm màu của cai trị thế tục, hành xử kiểu quyền hành, dọa nạt. Toàn bộ cơ chế hành chính chạy theo ngành dọc, tạo ra các nhóm lợi ích, đua chức, chạy quyền, nhìn chúa thấy lợi, lạm dụng chữ phước...”*

*“Thế chế toàn trị, Phật giáo cũng trở thành công cụ phục vụ thế quyền, xum xoe nịnh bợ, sắp đặt nhân sự nhằm tranh giành mỗi lợi, từ đó đánh mất đạo tình, rời xa nhân nghĩa... Kề này cây thế làm được, kề kia bắt chức làm theo, đến nỗi tuổi tác đã cao cũng vẫn ham danh háo lợi.” (7)*

Thầy Thích Thanh Thắng nói đến việc “Phật giáo cũng trở thành công cụ phục vụ thế quyền,” là một thực tế bởi vì Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam là thành viên của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, một tổ chức ngoại vi của Đảng CSVN, từ lúc mới thành lập đến nay và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tôn Giáo Chính Phủ. Một bằng chứng cụ thể mới đây về việc Ban Tôn Giáo Chính Phủ đã can thiệp vào sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam từ nhân sự đến chính sách được hé lộ ra ánh sáng nhân vụ truyền chuyển Thầy Trúc Thái Minh, trụ trì Chùa Ba Vàng tại tỉnh Quảng Ninh vào làm Phó Ban trị sự GHPGVN tỉnh Quảng Bình, mà hai bản tin của Đài Á Châu Tự Do (RFA) phát đi hôm 23 và 25 tháng 8 năm 2022 đã cho thấy rõ. Bản tin của RFA ngày 23 tháng 8 năm 2022 viết như sau:

*“Đức Thích Trúc Thái Minh, trụ trì chùa Ba Vàng, tỉnh Quảng Ninh, đã được phân công đảm trách phó ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2022-2027, kiêm Trưởng Ban Phật giáo quốc tế tại Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Quảng Bình lần thứ IV vừa qua.”*

*“Ông Trần Đức Thủy - Trưởng Ban tôn giáo tỉnh Quảng Bình xác nhận thông tin trên với truyền thông Nhà nước trong ngày 23/8.”*

*“Ông Thủy đồng thời cho hay, việc bổ nhiệm người ở địa phương khác vào Ban trị sự Giáo hội Phật giáo của tỉnh là rất bình thường. Thẩm quyền luân chuyển bổ nhiệm do Sở Nội vụ và Ủy ban tỉnh quyết định và đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam phê duyệt.” (8)*

Nhưng một ngày sau đó, thì ông Trần Đức Thủy đã phải lên tiếng đính chính rằng việc bổ nhiệm Thầy Trúc Thái Minh là do GHPGVN quyết

định không phải Sở Nội Vụ và Ủy ban tỉnh quyết định. Bản tin Đài RFA ngày 25/8/2022 viết như sau:

*“Ban tôn giáo tỉnh Quảng Bình lên tiếng đính chính việc Đại đức Thích Trúc Thái Minh, trụ trì chùa Ba Vàng (Quảng Ninh) được bổ nhiệm làm phó Ban trị sự Phật giáo tỉnh Quảng Bình không phải do Sở Nội vụ, Ủy ban tỉnh quyết định mà do nội bộ Giáo hội Phật giáo Việt Nam lựa chọn, thực hiện.”*

*“Thông cáo báo chí thanh minh sự việc trên được Ban Tôn giáo tỉnh Quảng Bình phát đi vào tối ngày 24/8 chỉ một ngày sau khi ông Trần Đức Thủy, trưởng Ban tôn giáo tỉnh này xác nhận với truyền thông rằng trụ trì chùa Ba Vàng, tỉnh Quảng Ninh, đã được phân công đảm trách phó ban trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Quảng Bình nhiệm kỳ 2022-2027, kiêm Trưởng Ban Phật giáo quốc tế tại Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Quảng Bình lần thứ IV vừa qua.”*

*Ông Thủy, cùng lúc đó, xác quyết thẩm quyền luân chuyển bổ nhiệm trụ trì chùa Ba Vàng do Sở Nội vụ và Ủy ban tỉnh quyết định và đã được Giáo hội Phật giáo Việt Nam phê duyệt.” (9)*

Thực ra, chính quyền VN không nên đính chính vì có đính chính thì cũng vô ích, bởi lẽ mọi người đã biết rõ rằng GHPGVN trực tiếp chịu sự chỉ đạo của Ban Tôn Giáo Chính Phủ.

Điều này rất dễ thấy vì chỉ cần nhìn vào cái khẩu hiệu “Đạo pháp, Dân tộc, Chủ nghĩa xã hội” đi kèm với danh xưng của GHPGVN thì ai cũng thấy rõ là Giáo Hội này là công cụ của chính quyền. Gắn chặt “Chủ nghĩa xã hội” theo sau “Đạo pháp, Dân tộc” thì chỉ biến “Chủ nghĩa xã hội” thành một cái đuôi nặng nề xấu xí làm cho “Đạo pháp, Dân tộc” không thể thăng hoa, tiến bộ và hướng tới tương lai tươi sáng được! Đó là sự gán ghép rất khiên cưỡng, rất nghịch lý và rất trái đạo lý nữa. “Chủ nghĩa xã hội” là một chủ nghĩa, một ý thức hệ đã lỗi thời, bị chính nơi khai sinh ra nó là nước Nga đào thải từ cuối thập niên 1980s. Trong khi Đạo pháp là con đường khế lý và khế cơ để giúp con người giác ngộ vô minh và vượt thoát khổ đau đã tồn tại và phát triển trên 2,600 năm trên khắp thế giới và hơn 2,000 năm tại Việt Nam. Còn Dân tộc Việt Nam đã có mặt và tồn tại trên lãnh địa mà ngày nay là nước Việt Nam, với nền văn hiến trên 4,000 năm.

Trong Tâm Thư gửi đến chư Tăng, Ni và đồng bào Phật tử trong và ngoài nước vào ngày 24 tháng 9 năm 1992, Đức Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang, lúc đó là Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, đã kêu gọi:

*“Hãy bỏ khẩu hiệu “Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội,” vì Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ và sẽ tiếp tục không bao giờ tôn thờ, hoặc làm công cụ tuyên truyền cho bất cứ một chủ nghĩa chính trị nào.” (10)*

Nói như thế không có nghĩa là GHPGVNTN không có thiện chí muốn làm việc với Nhà nước và nhân dân VN để “xây dựng đất nước theo truyền thống Phật giáo, dân tộc.” Trong Đơn Xin Cứu Xét Nhiều Việc gửi cho các nhà lãnh đạo Đảng và chính quyền VN vào ngày 25 tháng 6 năm 1992, Đức Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang, lúc đó là Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN đang bị quản thúc tại Quảng Ngãi, đã viết như sau:

*"Giáo Hội chúng tôi muốn làm việc với Nhà nước và nhân dân, để xây dựng đất nước theo truyền thống Phật giáo, dân tộc. Nhưng không thể làm việc được, hoặc làm việc trong sự điều khiển của một chế độ, còn xem tôn giáo là kẻ thù và những nhiều tay kiểm soát can thiệp nội bộ tôn giáo chưa từng có trong lịch sử tôn giáo tại Việt Nam!"* (xem chú thích 10, tr. 131-32)

Ở các nước tự do, dân chủ trên thế giới ngày nay, tôn giáo đã được tự do hành đạo với quyền tự quyết đối với mọi hoạt động của mình mà không bị thể chế chính trị điều hành đất nước buộc phải trở thành thành viên của bất cứ cơ thể chính trị ngoại vi nào. Tất nhiên, để có được sự tự do này, người dân ở các quốc gia đó cũng phải đánh đổi bằng sự tranh đấu và hy sinh lâu dài. Chẳng hạn, những người di dân từ Anh Quốc và Châu Âu đầu tiên đến Tân Thế Giới do kinh nghiệm đau thương mất tự do tôn giáo ở quê nhà nên đã thiết lập một thể chế chính trị điều hành quốc gia với quyền tự do tôn giáo được tôn trọng triệt để.

Nhờ vậy, các tôn giáo mới có thể tự do phát triển và nhà nước cũng không bị ảnh hưởng hoặc thao túng bởi các thế lực tôn giáo. Tại Miền Nam Việt Nam sau pháp nạn năm 1963 cho đến trước năm 1975, các tôn giáo cũng có được tự do hành đạo. Chính vì thế, GHPGVNTN đã có thể phát huy một cách có hiệu quả tiềm năng sẵn có của một Đạo Phật Việt có mặt hơn hai ngàn năm trên đất nước để góp phần vào việc xây dựng và phát triển xã hội qua nhiều lãnh vực như văn hóa, giáo dục, đạo đức, tâm linh, v.v...

Trong bối cảnh của đất nước và Phật Giáo Việt Nam như thế thì sự tiếp tục có mặt và phát triển của GHPGVNTN là điều cần thiết.

### **Tại sao phải phục hoạt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất?**

Chỉ trong khoảng trên dưới nửa thế kỷ, kể từ phong trào chấn hưng Phật Giáo vào đầu thập niên 1930 đến đầu năm 1975, dù trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn vì chiến tranh, Phật Giáo tại Miền Nam cũng đã nỗ lực phi thường để mở ra một trang sử mới với những thành quả sáng chói mà trải qua nhiều thế kỷ trước đó chưa làm được. Trong khi đó, Phật Giáo tại Miền Bắc dưới chế độ Cộng Sản hầu như không còn sinh hoạt được nữa. Phật Giáo tại Miền Nam đã tạo được một sức mạnh đoàn kết Tăng già và cư sĩ thuộc các tông phái khác nhau để bảo vệ Đạo Pháp vượt qua cơn pháp nạn năm 1963. GHPGVNTN sau khi được thành lập vào đầu năm 1964 đã tạo ra nhiều thành tựu lịch sử, mà cụ thể nhất là đẩy lùi được tệ nạn mê tín dị đoan lan tràn trong các sinh hoạt Phật Giáo trước đó; chế định lại các nghi lễ thống nhất và cách thờ Phật tại các chùa; phục hồi lại quy củ của sinh hoạt Thiền môn mà cụ thể nhất là việc thực thi các nghi quỹ giới luật; xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục Trung Tiểu Học Bồ Đề trên toàn quốc; đồng lúc là Viện Đại Học Vạn Hạnh chỉ trong 9 năm đã trở thành một trong những Đại Học tự thực có uy tín hàng đầu trong nền giáo dục tại Á Châu. Tất cả những thành tựu đó đều nhờ vào nỗ lực tự thân và tự quyết của Tăng, Ni và Phật tử mà không phải lệ thuộc vào bất cứ thế quyền nào. GHPGVNTN do vậy là Giáo Hội dân lập đúng nghĩa. Qua đó, chúng ta thấy rằng nếu Phật Giáo Việt Nam có cơ hội tự quyết

định vận mệnh của mình thì từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay đã chắc chắn có được những bước phát triển ngoạn mục, với nội hàm của một Đạo Phật truyền thống hơn hai ngàn năm.

Trong bản Công bố của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN được phổ biến hôm 1 tháng 9 năm 2022 có viết rằng:

*"Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất không phải là một hiệp hội thế tục, do đó, không tự đặt mình dưới sự chỉ đạo của bất cứ quyền lực thế tục, không là công cụ bảo vệ sự tồn tại của bất cứ xu hướng chính trị, của bất cứ tổ chức thế tục nào; không hành đạo, hoằng đạo theo bất cứ định hướng ý thức hệ nào; duy chỉ một định hướng duy nhất: Thập phương Bạc-già-phạm nhất lộ Niết-bàn môn; một cứu cánh duy nhất là giải thoát."* (xem chú thích số 1)

Trong đoạn trích trên từ bản Công bố, Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN đã minh định rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa về định hướng và cứu cánh mà GHPGVNTN đã, đang và sẽ đi tới. Đó là *"duy chỉ một định hướng duy nhất: Thập phương Bạc-già-phạm nhất lộ Niết-bàn môn; một cứu cánh duy nhất là giải thoát."*

Định hướng duy nhất của GHPGVNTN là vào cửa Niết-bàn của mười phương chư Phật. Cứu cánh duy nhất của GHPGVNTN là giải thoát sanh tử khổ đau. Đó là mục tiêu tối hậu mà người con Phật nhắm tới trên con đường tu tập và hành đạo. Nếu không thì mọi hành hoạt sẽ trở thành phi Chánh Pháp.

Điều này đã được chứng minh rất rõ trong bản Công bố của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN ban hành ngày 1 tháng 9 năm 2022, đề cập tới danh xưng của hai Hội Đồng Viện Tăng Thống: "Pháp Tòa Hoằng Pháp và Pháp Tòa Hoằng Giới."

*"Cơ cấu lâm thời của Hội Đồng Viện Tăng Thống gồm hai Hội đồng, mệnh danh là Pháp Tòa Hoằng Pháp và Pháp Tòa Hoằng Giới, đứng đầu bởi một vị Thượng Thủ, điều hành bởi một vị Điển Tòa."*

*"Pháp Tòa Hoằng Pháp hướng dẫn nội dung và các phương tiện thuyết giáo y chỉ nguyên tắc Khế lý và Khế cơ."*

*"Pháp Tòa Hoằng Giới y chỉ Tì-ni tạng duy trì kỷ cương và cương lĩnh của Tăng-già, giáo giới và xiển minh ý chỉ Phật chế Tì-ni tạng, hành sự chất trực, nhu nhuyễn; hoằng dương giới đức và truyền thụ giới phẩm cho bốn chúng đệ tử, gồm xuất gia và tại gia."* (xem chú thích số 1)

Đọc hai chữ "Pháp tòa," người viết bài này có cảm giác thật ấn tượng và sự nhớ đến hai chữ "Pháp tòa" thường được nhắc đến trong các Kinh điển. Cũng từ điều này làm cho người viết có suy đoán rằng Hiến Chương GHPGVNTN có thể cũng sẽ được tu chỉnh với cách dùng từ ngữ mang đầy ý nghĩa Đạo Pháp.

Trong bản Công bố của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương GHPGVNTN cũng đã nhấn mạnh đến hoạt động của Giáo Hội như sau:

*"Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương thể hiện bản thể thanh tịnh hòa hợp của Tăng-già, làm sở y cho bốn chúng đệ tử hành Đạo và hóa Đạo, tác Như Lai Sử, hành Như Lai sự."*

*(xem tiếp trang 55)*



# TAM VÔ LẬU HỌC LÀ GÌ?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

## I. DẪN NHẬP

Tam Vô Lậu Học là môn học thù thắng gồm: Giới, Định và Tuệ trong đạo Phật. Lậu có nghĩa là những chất nhờn bẩn, ô uế, tượng trưng sự phiền não, khổ đau xâm chiếm tâm người chưa biết tu tập. Ngược lại, Vô lậu là tâm trong lành, sáng suốt, không bị phiền não trói buộc. Lậu cũng có nghĩa khác là rơi rớt, lưu lại, sót lại. Vô lậu thì không. Như vậy Vô Lậu Học là môn học giúp hành giả được tự do tự tại, đoạn tận mọi phiền não khổ đau, không còn rơi rớt trong luân hồi sanh tử.

Tam Vô Lậu Học phát xuất từ bài kinh đầu tiên Đức Phật giảng dạy cho năm anh em tôn giả A-Nhã Kiều-Trần-Như tại Vườn Nai. Đó là kinh "Chuyển Pháp Luân" gồm hai bài pháp thoại Tứ Diệu Đế và Vô Ngã Tướng.

Nội dung Kinh Tứ Diệu Đế nói về bốn chân lý. Chân lý thứ Nhất là thực trạng đau khổ của con người gọi là Khổ đế. Chân lý thứ Hai là truy tìm nguồn gốc gây ra thực trạng phiền não gọi là Tập đế. Đế thứ Ba, chấm dứt toàn bộ nguyên nhân gây ra khổ đau gọi là Diệt đế, trải nghiệm an lạc hạnh phúc, cao nhất là Niết-Bàn. Niết-Bàn không phải là cảnh giới hay một nơi chốn. Niết-Bàn là thái độ sống, với trạng thái tâm thanh tịnh, an lạc, khi toàn bộ khổ đau và nguyên nhân tạo ra khổ đau đã đoạn tận. Gần nhất cũng có thể hiểu Niết-Bàn là trải nghiệm trạng thái tâm bây giờ và ở đây. Muốn trải nghiệm Niết-bàn hay Diệt đế, hành giả phải tu tập thực hành theo đế thứ Tư là Đạo Đế.

Đạo đế gồm tám nhánh tu tập, có thể chia thành ba nhóm. Đầu tiên là nhóm Trí Tuệ gồm Chánh tri kiến, Chánh tư duy. Nhóm thứ Hai là Giới đức hay Đạo đức bao gồm Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng. Nhóm thứ Ba là Thiên Định gồm Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Hành giả tu tập, thành tựu Bát Chánh Đạo tức thành tựu Tam Vô Lậu Học: Giới, Định, Tuệ có nghĩa là hành giả đã chứng nhập quả vị giải thoát hoàn toàn, không còn bị trói buộc trong Tam giới nữa.

## II. GIỚI VÔ LẬU HỌC

Giới nguyên gốc từ tiếng Phạn là "Sīla". Tà dịch là Giới có nghĩa là phòng bị, răn cấm, câu thúc. Giới ở đây, nói cho đủ là giới luật, nghĩa là những điều răn cấm không được làm. Những điều răn cấm không được làm đó là những điều sai quấy, trái ngược với tự nhiên, trái với đạo đức. Vi phạm giới luật, ảnh hưởng ngoài thân là làm rối loạn trật tự cộng đồng, đoàn thể. Hậu quả bên trong là tâm không được an ổn bởi những lo âu phiền não vì những hành vi xấu ác mà mình đã gây ra. Giới luật trong nhà Phật không phải chỉ là luật lệ ngăn cấm, mà nên hiểu giới luật như là phép rèn luyện, không sai phạm một lĩnh vực nào

là được tự do ở lĩnh vực đó. Cho nên phát triển giới hay giữ giới là có những ý nghĩ, hành vi xây dựng, đồng nghĩa với những việc làm thiện lành, đạo đức, lợi mình, lợi người.

Giới Vô Lậu Học là môn học nhằm vào kỷ luật bản thân hành giả, bằng cách rèn luyện tuân thủ những giới luật do Đức Phật chế tác để phòng ngừa tội lỗi, tránh những hành động trái pháp, kiềm hãm dục vọng (tham, sân, si), hướng đến việc hành trì tu tập với mục đích tiến dần đến quả vị giác ngộ.

Trong nhà Phật, thời gian 12 năm đầu kể từ khi Đức Phật thành lập Giáo đoàn, đời sống Tăng già hoàn toàn thanh tịnh, chư Tăng luôn sống trong lời Phật dạy "Chư ác mạc tác; Chúng thiện phụng hành; Tự tịnh kỳ ý; Thị chư Phật giáo", nghĩa là hằng ngày luôn suy nghĩ những điều thiện, nói những lời lành, làm những việc lành, ngăn chặn những ý niệm xấu ác, ngăn chặn những lời nói hung dữ, không làm những hành động hại người hại vật. Nói chung là tu tập giữ ba nghiệp thân, khẩu, ý luôn được thanh tịnh, trong sáng. Về sau, trong Tăng đoàn xuất hiện nhiều hiện tượng vi phạm đời sống phạm hạnh, nên Đức Phật thiết lập Giới bốn, nhằm mục đích xây dựng Tăng già hưng thịnh, Chánh pháp trường tồn. Khi lập thành giới, Đức Phật nêu ra mười lợi ích để cho thấy tầm quan trọng của các học giới như sau: (\*)

1. Giúp Tăng chúng được cực thịnh.
2. Giúp Tăng chúng được an ổn.
3. Giúp điều phục người ương ngạnh, cứng đầu.
4. Giúp các thiện Tỷ-kheo được sống an ổn.
5. Giúp chế ngự các lậu hoặc ngay trong hiện tại.
6. Giúp chặn đứng các lậu hoặc trong tương lai.
7. Giúp đem lại tịnh tín cho những người không tin.
8. Giúp tăng trưởng tịnh tín cho những người đã có lòng tin.
9. Giúp diệu pháp (Chánh pháp) được tồn tại.
10. Giúp giới luật được chấp nhận.

Tùy theo căn cơ chúng sanh và tùy thuộc sự phát tâm thọ lãnh giới pháp của từng người, mà Đức Phật thiết lập khác nhau.

- **Giới tại gia:** Phật tử tại gia như Cận sự nam, Cận sự nữ thọ lãnh ngũ giới, Thập thiện giới, Bát quan trai giới, Bồ-tát giới.

- **Giới xuất gia:** Dành cho hàng xuất gia. Có 5 hội chúng: Sa-di và Sa-di-ni thọ trì 10 giới và 22 hay 24 oai nghi. Thức-xoa-ma-na giữ 4 giới căn bản, 6 học pháp, 292 hành pháp. Tỷ-kheo thọ 250 giới. Tỷ-kheo-ni thọ 348 giới. Còn giới Bồ-tát, cả Phật tử tại gia và tu sĩ xuất gia đều có thể lãnh thọ gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh, gọi là thông giới.

Giới trong Giới-bổn Ba-la-đề-mộc-xoa, gốc từ văn Pāli là Patimokkha, văn Sanskrit là Prātimoksa, có nghĩa là Biệt giải thoát hay Xứ Xứ giải thoát và Tùy thuận giải thoát.

Biệt giải thoát là giữ giới phần nào sẽ được giải thoát phần đó. Tùy thuận giải thoát là giải thoát tùy theo pháp hành trì của hành giả đưa đến quả hữu vi hay vô vi.

Mặt khác giới được chia thành Thông giới và Biệt giới. Thông giới là giới Phật tử tại gia hay xuất gia đều được thọ lãnh.

Biệt giới chỉ có tự thân nhận thọ, khi hình tướng mất thì giới cũng mất. Khi nói đến Bồ tát giới tức đề cập tới Tam-tụ-tịnh giới gồm 3 nhóm như sau:

- **Nhiếp luật nghi giới (Biệt giải thoát luật nghi):** Gồm các giới của tại gia và xuất gia. Đó là ngăn cấm các điều ác, phát khởi các điều lành.

- **Nhiếp thiện pháp giới:** Là người chuyên tâm hành trì các việc thiện, xem việc thực thi các thiện pháp là hình thức hành trì giới.

- **Nhiều ích hữu tình giới:** Lấy việc làm lợi ích cho tất cả chúng sanh là việc trì giới.

Cụ túc giới (đại giới) là biệt giới chỉ dành riêng Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni. Giới Tỷ-kheo về phần rộng thì vô lượng, phần trung thì ba ngàn oai nghi, phần lược thì 250 giới. Tỷ-kheo-ni cũng thế, chỉ khác phần lược là 348 giới.

Tóm lại, hành giả tại gia hay xuất gia đều có bốn phạm học hỏi thông suốt những giới luật và giữ giới mình đã thọ lãnh bằng hai cách:

- **Chi trì:** Không làm những điều ác mà trong giới kinh cấm không cho làm.

- **Tác trì:** Nên làm những điều thiện mà trong giới kinh ấn định phải làm.

Về vấn đề vi phạm giới: Một người bị cho là phạm giới, khi người ấy hội đủ ba điều kiện. (1) Có ý vi phạm. (2) Chuẩn bị để phạm. (3) Vi phạm cụ thể bằng hành động. Trong ba điều kiện bị buộc tội vi phạm có hai điều thuộc về phần tác ý của tâm. Cho nên ngoài việc giữ giới tướng (do Đức Phật chế tác) thọ lãnh, vấn đề đặt nặng là giữ giới thể, tức là tu tập giữ ý thức được thanh tịnh, rời xa các ác pháp, bắt thiện pháp, buông bỏ tham ái, sân hận và chấp thủ... thì cuộc sống được an lạc hạnh phúc trong hiện tại và tương lai.

### III. ĐỊNH VÔ LẬU HỌC

Định tiếng Pāli là Samādhi. Người Trung Hoa dịch là "Tam muội". Định mang nhiều ý nghĩa như: Tập trung (concentration); làm cho vững chắc, không dao động (make firm), sự tĩnh lặng (tranquillity); sự yên lặng (calmness), trạng thái tập trung sâu (a deep concentration state). (\*\*)

Trong Trung Bộ Kinh 1, có hai định nghĩa về Định.

**Bài kinh số 30:** Định là "Nhất tâm" (P: Cittass' ekaggatā: mental one-pointedness) cũng có nghĩa là "Nhất niệm" (một niệm). Đây là trạng

thái tâm đồng nhất với đối tượng, nơi đó không có Ý thức hiện hữu, mà chỉ có "đơn niệm biết" (a single thought of awareness). Nghĩa là tâm hoàn toàn yên lặng không dao động (wavering) bởi các đối tượng ngoài giác quan.

**Bài kinh số 36:** Định được xem là "trạng thái tâm thuần nhất" (P: Cetaso ekodi: unity of the mind). Đây là trạng thái tĩnh lặng của tâm (a state of mental tranquillity) hay trạng thái không hai của Ý thức (A nondualistic state of consciousness). Trong đó nội tâm thiền gia không còn Tâm Tứ, là trạng thái tâm không còn chú ý (tâm) và bắt dính (tứ) theo đối tượng.

Định nói cho đủ là Thiền Định (Samādhi Bhavanā). Thiền Định là phương pháp thực tập để chuyển đổi quán tính dao động của Vọng tâm sang quán tính yên lặng sáng suốt không lời gọi là Chân tâm. Khi tâm hoàn toàn định tĩnh, yên lặng vững chắc mà vẫn có nhận thức biết không lời

thì gọi là Định hay Chánh Định. Chánh Định là chi thứ tám trong Bát Chánh Đạo tương đương với tầng Định cao nhất trong bốn tầng Định mà Đức Phật đã trải nghiệm và thành đạo.

Định Vô Lậu Học là môn học về thiền định. Là phương pháp thực tập tâm chuyên chú vào một đối tượng, quán sát đối tượng ấy để phát sinh ra tuệ. Đối tượng để tu tập Thiền Định thì được gọi là đề mục. Có nhiều đề mục để thực tập. Tu tập Thiền thì có hai loại: Thiền Định, giúp tâm vắng lặng, cô lập lậu hoặc và Thiền Quán là quán sát đề mục với cái biết trống rỗng như thật, nhằm phát huy trí tuệ.

Thực tập thiền Định có hai bước: Bước một là Chánh niệm, bước hai là Chánh định. Chánh niệm tiếng Sanskrit là "samyaksmirti", tiếng Pāli là "samasati". Chánh niệm có nghĩa là nhận biết đúng đắn, rõ ràng như thật về một đối tượng nào đó. Cũng có thể hiểu người có Chánh niệm là người làm chủ được tâm mình trong bất cứ lúc nào. Nói cách khác trong mỗi hành động, thiền giả đều có niệm biết rõ ràng (tỉnh thức) về việc mình đang làm như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn uống, mặc quần áo, nói năng, nhìn, ngó. Ngay cả lúc im lặng, nhắm mắt, cũng biết rõ những gì xảy ra quanh mình hay trong thân tâm mà không dính mắc, chạy theo. Đó gọi là Chánh niệm tỉnh giác. Tóm lại Chánh niệm là thấy biết mọi thứ đang diễn ra như chúng đang là.

Muốn thực hành Thiền Chánh Niệm (để đến Chánh Định) trước hết người tập phải xử dụng Trí Năng tỉnh ngộ để tu tập. Trí Năng tỉnh ngộ giữ vai trò chú ý, chú tâm vào một đề mục thiền để cột tâm lại không cho tâm tán loạn.

Thí dụ như tu tập đề mục Anapānasati Samādhi (Định Niệm Hít Vào Thở Ra). Ban đầu hành giả chú ý nói ra lời "Tôi biết tôi thở vào" khi hít không khí vào. "Tôi biết tôi thở ra" khi thở không khí ra. Đây là hành giả xử dụng "đơn niệm biết có lời", nghĩa biết mình đang nói ra lời, nhưng

chỉ với một nội dung thở vào thở ra mà thôi. Kết quả không có niệm nào khác chen vào, tâm được yên lặng, kinh nghiệm Định nhưng không vững chắc. Thuật ngữ gọi đây là trạng thái của Thiền Chỉ (Samatha Bhavana). Giai đoạn này là giai đoạn tầm (Vitakka/sự nói thầm trong đầu) tắt Tứ (Vicāra/đối thoại thầm lặng hay lẩm bầm trong đầu không ngừng). Tâm là do thiền gia tự nói ra có công năng không để những vọng tưởng nói thầm qua lại từ trong ký ức khởi lên là Tứ.

Bước kế tiếp là giữ Chánh Niệm về sự thở vào thở ra, bằng cách thầm nhận biết không lời về hơi thở vào ra đó. Hơi thở dài (thầm) biết hơi thở dài. Hơi thở ngắn (thầm) biết hơi thở ngắn. Hơi thở nặng nề (thầm) biết hơi thở nặng nề. Kết quả ngôn hành (Tâm Tứ) yên lặng, hành giả kinh nghiệm Định Không Tâm Không Tứ.

Bước thứ Ba, Tỉnh thức biết không lời rõ ràng đầy đủ về những gì đang xảy ra trên thân, trong thân (thân, thọ, tâm, pháp) hay những gì xảy ra xung quanh (ngoại thân) trong hiện tại bây giờ và ở đây, mà tâm hoàn toàn yên lặng không dính mắc. Tầng định này gọi là Chánh Niệm Tỉnh Giác.

Trong giai đoạn này trạng thái tỉnh thức biết không lời mà thiền giả đã đạt được trong bước thứ Ba từ từ trở thành Nhận thức biết không lời. Tâm thức thiền giả rơi vào trạng thái bất động. Chút dính mắc trong tâm với trạng thái an lạc cũng biến mất (xả). Nhận thức không lời càng lúc càng tỏ rạng. Hành giả chìm sâu vào định không đối tượng. Hơi thở rơi vào trạng thái yên lặng từng chớp, gọi là tịnh tức. Tầng thiền này được gọi là "Định Bất Động" vì cả ba hành: Ngôn hành, Ý hành và Thân hành hoàn toàn yên lặng. (\*\*\*)

Bây giờ tâm của thiền gia sáng suốt như tấm gương. Trong kinh mô tả trạng thái tâm này: "định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, ngoài lý luận, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh..." Đây là cơ hội tốt nhất chuyển sang thiền Quán, nghĩa là quán sát đề mục để phát sinh Tuệ. Tuệ này là thấy rõ thực tướng của đề mục, nhận ra đặc tính vô thường, khổ, vô ngã cùng sự sinh diệt của đối tượng để không còn dính mắc hay chấp trước với những gì xảy ra trên đời.

Theo Phật giáo Nguyên Thủy, hành trì thiền Quán (Vipassanā/Thiền Minh sát) để phát huy trí tuệ có 4 đề mục. Thân, Thọ, Tâm, Pháp. - Thân hành xứ: Lấy thân thể làm đề mục thiền định. Quán thân nơi thân. - Thọ hành xứ: Lấy thọ làm đề mục thiền định. Quán thọ nơi thọ. - Tâm hành xứ: Lấy tâm làm đề mục thiền định. Quán tâm nơi tâm. - Pháp hành xứ: Lấy pháp làm đề mục thiền định. Quán pháp nơi pháp.

Theo Phật giáo Phát triển, thực tập thiền định là dùng trí Bát Nhã quán chiếu các pháp như: năm uẩn đều không (ngũ uẩn giai không); nhân vô ngã, pháp vô ngã ... Thiền gia thấu đạt Tánh Không, liễu tri các pháp, tâm an trú trong Định, trí tuệ Bát Nhã bùng sáng. Phương pháp tu thiền Định này là dựa vào kinh Kim Cương, Lăng Nghiêm, Viên Giác, Hoa Nghiêm v.v...

"Tối thượng thừa thiền" thuộc về Thiền Tông, là phương pháp dạy thiền của Tổ Bồ Đề Đạt Ma dành cho các bậc thượng căn, thượng trí qua chú trương: "bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ chân tâm, kiến tánh thành Phật". Người đại trí chỉ cần nghe một câu nói, một bài kệ hoặc cử chỉ thích hợp là khai thị được Tánh giác của họ,

làm cho họ ngộ đạo tức khắc, không cần phải giảng giải nói năng dài dòng.

Tóm lại, Định Vô Lậu Học là môn thiền Định căn thiết và quan trọng vì trong trạng thái Định, lậu hoặc, kiết sử, tùy miên, tham, sân, si... bị cô lập. Ba nghiệp thân khẩu ý được thanh tịnh không tạo nghiệp mới, giúp cho thân tâm thiền giả được giải thoát khỏi phiền não khổ đau.

Tuy nhiên, trong đạo Phật, Định không phải là mục tiêu chính, mà chỉ là cái cầu để bước tới Tuệ. Nhưng muốn Tuệ phát sáng, thiền gia nhất định phải thông qua Định để phát triển năng lực vững chắc, hầu khai triển tiềm năng giác ngộ, tức Phật tánh. Như vậy Định một mặt là phương tiện cơ bản để đạt được Tuệ tức giác ngộ, mặt khác Định là tác nhân đào thải tận gốc tập khí hay lậu hoặc đưa đến giải thoát.

#### IV. TUỆ VÔ LẬU HỌC

Tuệ Vô Lậu Học hay Huệ Vô Lậu Học là môn học thứ ba trong Tam Vô Lậu Học. Danh từ Tuệ thường đi chung với từ Trí gọi là Trí Tuệ hay Trí Huệ. Trí Huệ trong giáo lý nhà Phật còn gọi là Bát Nhã. Bát Nhã là Hán ngữ dịch từ tiếng Panna (Pāli) hay Prajna (Sanskrit) có nghĩa là sự phát sáng của trí hiểu biết sau khi tẩy sạch dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Trí tuệ khác với trí thức. Trí thức hay kiến thức là trí hiểu biết của người thế gian. Người trí thức được xem là người thông minh vì có sự hiểu biết rộng rãi. Những sự hiểu biết đó đến từ bên ngoài được tích lũy từ gia đình, trường lớp, rút tĩa từ kinh nghiệm thành công hay thất bại trong đời sống. Cái biết này hay nhận thức này, được xem là cái biết hay nhận thức của thế gian hữu hạn thuộc về tục đế.

Trí tuệ vô lậu trong đạo Phật là trí nhận thức biết, phát xuất từ bên trong tâm của các bậc thiền gia tu tập ba môn Giới-Định-Tuệ mới có. Tu giới để chấm dứt ác hạnh hiện hành. Tu tập Thiền Định để cô lập tất cả những chủng tử tùy miên tham sân si gọi chung là lậu hoặc ẩn tàng trong tâm. Những chủng tử này sẽ dễ dàng trôi lên khi tâm hành giả xao lãng thất niệm. Chỉ có Tuệ phát sinh trong Định mới có thể diệt những chủng tử phiền não vô minh này. Khi vô minh phiền não bị đoạn diệt không còn dư tàn thì mới giải thoát vĩnh viễn khổ đau, chứng được Niết-Bàn.

Trí tuệ Bát Nhã có hai cấp bậc:

**1) Thấp là Trí :** Tiếng Pāli là Nāna, tiếng Sanskrit là Jnāna. Tiếng Anh là Insight. Trí này là trí hiểu biết về Phật Pháp do học hỏi từ các bậc Thầy hay từ trong tam tạng kinh điển. Sự hiểu biết này, tuy có mùi vị đạo nhưng vẫn còn thuộc về kiến thức Phật học, bởi do học từ kiến thức của người khác.

Thí dụ: Chúng ta nghe các bậc Thầy giảng về Chân lý Tứ Diệu Đế. Chúng ta hiểu rõ về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nên nói chúng ta đã đạt được: "Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí" hay chúng ta đã "tuệ tri về Khổ đế, tuệ tri về Tập đế, tuệ tri về Diệt đế, tuệ tri về Đạo đế".

Tuệ tri hay tuệ trí này không phải chúng ta tự biết mà do chúng ta học từ người khác, nên vẫn bị xem là tục đế. Nhưng vì chuyên học và ghi nhận những Nhận thức của Đức Phật chứng ngộ nên tạm xếp là "Tục đế Bát Nhã" để phân biệt với kiến thức thế gian là tục đế.

**2) Cao hơn Trí, là Tuệ (Bát Nhã):** Panna

(P); Prajna (Skt), tiếng Anh là wisdom, là trí huệ tự phát do công phu tu tập thể nhập thiền Định. Thể nhập có nghĩa là qua dụng công thực hành kết quả "Ta và đối tượng là một" (nhất tâm). Nhưng muốn đạt được Huệ phải đi từ Trí, nghĩa là phải học hỏi từ bậc Thầy rồi thực hành thiền Định để kinh nghiệm Thân chứng, Tâm chứng và Trí chứng. Trí tuệ này là trí tuệ siêu vượt (transcendental wisdom). Có nhiều tên gọi khác như: Huệ Bát Nhã, Huệ Tự Phát hay Phật tánh hoặc tiềm năng giác ngộ, Chân Như v.v... được xếp là "Chân đế Bát Nhã".

### V. TẠM KẾT

Tùy theo căn cơ của chúng sanh mà Đức Phật có nhiều phương thức, nhiều pháp môn hướng dẫn đệ tử tu tập để đạt quả vị giải thoát tối hậu, nhưng với pháp môn nào người tu tập cũng phải thực hành nhuần nhuyễn Tam Vô Lậu Học: Giới-Định-Tuệ. Vì Tam Vô Lậu Học có công năng đưa hành giả qua bờ giác ngộ thoát khỏi vòng tục lụy luân hồi sinh tử./.

### THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền thất; July 26-2022)

#### Tài liệu tham khảo:

(\*) Tăng Chi Bộ Kinh 3B, tr.73)

(\*\*) "Tương Ứng Giới Định Huệ và Bát Chánh Đạo" (Sách: "Trên Đường Về Nhà" tr. 101-122). Tác giả Thích Nữ Hằng Như. Published by Ananda Viet Foundation (2020). Amazon tổng phát hành.

(\*\*\*) Theo giáo trình giảng dạy của cố Hòa Thượng Thích Thông Triệt.



### SẮC TỨC KHÔNG

*Đá vàng năm tháng chẳng hao mòn  
Tâm Thiền bất động chẳng đổi dời  
Cửa Thiền rộng mở cho mọi giới  
Phật Pháp trường tồn với núi sông  
Mặc cho gió dậy cát bụi tung  
Tâm vẫn bình an trước nẻo đời  
Địa ngục, thiên đường cảnh đâu khác  
Một khi tỏ ngộ sắc tức không.*

### VÀNG TRẮNG CHÂN TÁNH

*Cửa Thiền dẫn bước lối vào  
Hành trình đã định hướng nào ta đi  
Chân Tâm, Phật Tánh diệu kỳ  
Mười phương, ba cõi không gì cao hơn  
Đầy kho của báu chân thường  
Kinh Phật soi sáng cõi đời tôi tìm  
Người tu tâm ý thiện lành  
Nư hoa sen nở trong đầm ngát hương  
Trở về bốn tánh Tâm Chơn  
Là trở về với cội nguồn Đại Bi  
Buông bỏ dục lạc hữu vi  
Cũng không nhân-ngã, sân si, oán hờn  
Từ lâu ta sông ọ hò  
Giờ tỉnh ngộ thấy lòng vui dâng trào  
Tâm ta, tâm Phật khác nào  
Ba ngàn thế giới không ngoài Tâm đây  
Núi sông, cảnh vật, trời mây  
Thấy từ trong hạt bụi này mà thôi  
Tâm thân tứ đại tạm thời  
Phật Tâm bất diệt, bất sinh muôn đời  
Vi vu tiếng sáo lưng trời  
Vàng trắng Chân Tánh sáng ngời chiếu soi.*

thơ **DIỆU VIÊN**



# ĐỐI PHÓ VỚI DỊ ỨNG

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Các nhà chuyên môn y tế cho hay cứ 5 công dân Canada (tức là khoảng 8 triệu người) thì một người bị bệnh. Ngoài ra, có tới 80% người hen suyễn cũng rơi vào "bệnh phiền phức" này. Tại Hoa Kỳ, cũng có tới 60 triệu nạn nhân như vậy, với 10% dị ứng theo mùa và 10% dị ứng thường xuyên với bụi bặm hoặc lông chó lông mèo.

Dị Ứng là một phản ứng khác thường của cơ thể đối với một tác nhân nào đó để tự bảo vệ.

Nghiên cứu cho hay khi một chất lạ xâm nhập cơ thể và gây ra các phản ứng, thì khi tái tiếp xúc với chất này, cơ thể cũng có thể lập lại những phản ứng khác thường đó, đôi lúc làm con người rất khó chịu.

Ý kiến khác cho rằng dị ứng là một sự nhận nhầm căn cước. Ở người không bị dị ứng thì khi hít phải phấn hoa, cơ thể coi như vô hại, bỏ qua. Nhưng ở người bị dị ứng thì cơ thể lại coi chúng như kẻ gây hấn, phản ứng lại bằng cách tiết ra histamine. Histamin tác động lên mũi, mắt miệng, gây ra triệu chứng khó chịu. Cũng có ý kiến cho rằng dị ứng là bệnh của nếp sống mới ngày nay. Con người càng văn minh, càng vệ sinh sạch sẽ, ít tiếp xúc với cát bụi, chất gây dị ứng thì càng dễ bị dị ứng. Cứ nhớ lại, ở Việt Nam mình khi xưa, sống giản dị, đâu có mấy ai bị cái bệnh "quái quỷ" này. Ngoài ra, sự thay đổi khí hậu với hầm nóng toàn cầu do công kỹ nghệ gây ra thì con số những hạt phấn gây dị ứng từ cỏ cây hoa lá cũng nhiều hơn trong không khí.

Năm 1904, bác sĩ Nhi khoa Clément Von Pirquet ở nước Áo đã dùng chữ "Allergy" để chỉ hiện tượng này. Allergy là sự kết hợp của hai từ gốc Hy Lạp: allos có nghĩa là khác và ergos là

phản ứng. Allergy là một phản ứng khác hay "dị ứng".

Tác động dị ứng có ba thành phần tham dự:

- Tác nhân gây dị ứng đến từ bên ngoài cơ thể (thí dụ phấn hoa);
- Chất kháng thể (IgE) ở trong người; và
- Hóa chất trung gian Histamin.

Kháng thể hiện diện trong máu như một thành phần của hệ miễn nhiễm để chống lại các tác nhân gây hại cho cơ thể xâm nhập từ bên ngoài.

Histamin do chính tế bào của cơ thể tiết ra như một cách để tự bảo vệ khi có một chất lạ xâm nhập. Việc tạo ra histamin hoàn toàn tự nhiên và trong đa số các trường hợp đều có lợi trong việc bảo vệ sức khỏe. Tuy nhiên, có nhiều trường hợp mà sự nhạy cảm của cơ thể vượt quá mức cần thiết, chính chất histamin này sẽ gây ra những triệu chứng khó chịu cho con người.

Trong dị ứng theo mùa, tác nhân là phấn hoa của một số cây cối, cỏ dại hoặc mốc meo, bụi bặm trong nhà mà con người có thể hít vào qua mũi.

Tại Canada cũng như Hoa Kỳ, dị ứng xảy ra vào những thời gian đặc biệt.

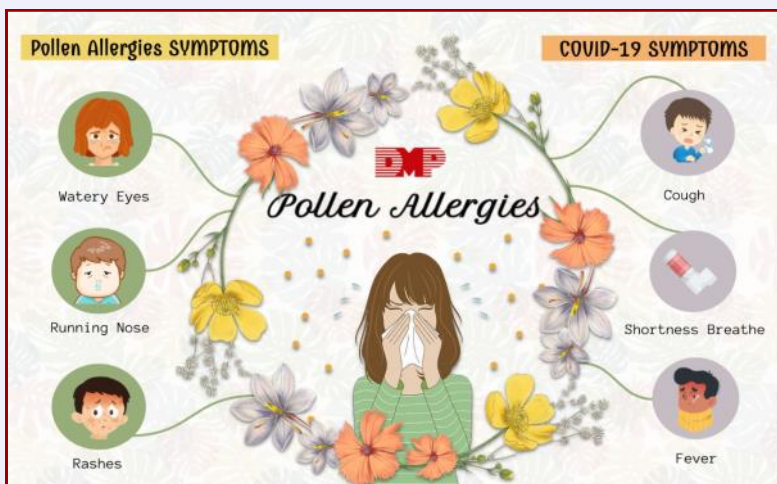
- Vào mùa Xuân, từ tháng 4 tới tháng 5 thì do phấn của các cây như sồi cổ thụ (oak), liễu thướt tha (willow), thông cao vút;
- Mùa Hạ, từ cuối tháng 5 - giữa tháng 6 thì phấn cỏ dại hoặc cỏ Phần Hương (ragweed);
- Tới mùa Thu, từ giữa tháng 8 - 10 thì do lông chó mèo, mốc meo trong buồng tắm, dưới chậu rửa chén bát hoặc những con mạt (mite) bám vào màn cửa, thảm nylon.

Coi vậy, ta thấy phấn hoa thay phiên nhau "hành hạ" con người. Thời gian trong ngày mà phấn bay bồng nhiều nhất trong không gian là từ mờ bình minh lúc 5 giờ tới 10 giờ sáng. Thời tiết ẩm với những cơn mưa hoặc tuyết lạnh làm giảm đáng kể số lượng phấn hoa của các thảo mộc này.

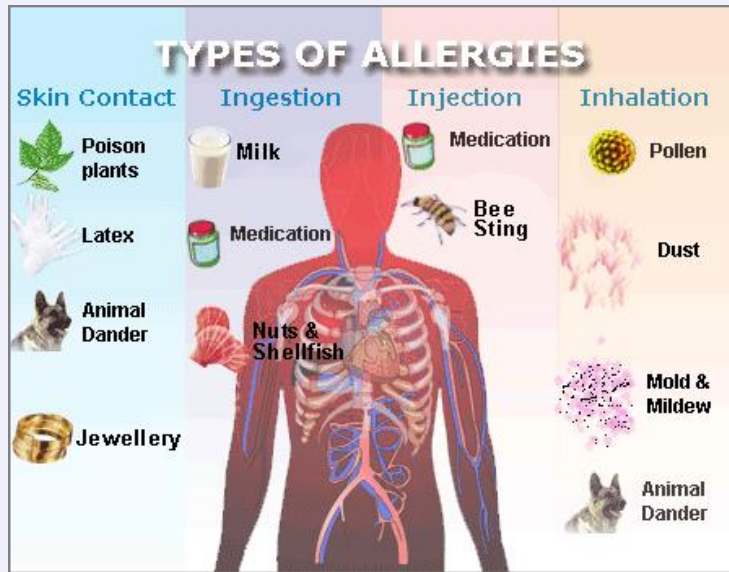
Dị ứng thời tiết và cảm lạnh có một số dấu hiệu triệu chứng tương tự như nhau. Cũng chảy nước mắt, nước mũi, hắt xì hơi, mệt mỏi, nhưng xét kỹ thì có nhiều điểm khác nhau.

Trước hết dị ứng do những hạt phấn hoa hoặc mốc meo gây ra còn cảm lạnh lại do hàng trăm con virus. Virus có thể lan truyền từ người bệnh sang người lành khi tay bắt mặt mừng, ôm vai, mi má, hôn môi nhưng dị ứng thì hầu như những ai mắc cảm với kháng nguyên là người đó lãnh đủ.

Khi hít phải phấn hoa dấu hiệu xuất hiện tức thì, kéo dài cả nhiều tháng, còn cảm thì vài ba ngày sau mới bắt đầu hành hạ và dăm bữa nửa



tháng sau là bye bye tạm biệt, hẹn gặp kỳ sau. Cảm có thể thấy vào bất cứ thời điểm nào nhưng thường xuất hiện vào mùa Đông giá lạnh, người người "giao lưu", tụ họp. Còn dị ứng thì quanh năm hoặc theo mùa nhưng mùa Đông ít hơn vì phần hoa giảm. Tuy nhiên lúc này lại nên "đề cao cảnh giác" với mấy trư "nội thù" là mốc meo, bụi mạt trong buồng tắm không thoáng khí hoặc tại nhà kho, mặt thảm.



đang được áp dụng, nhưng công hiệu khiêm nhường và cần được chích nhiều lần trong tuần, kéo dài cả dăm bảy năm, khá tốn kém. Bệnh nhân được thử coi xem dị ứng với chất gì, được chích chất đó với số lượng bắt đầu rất ít rồi tăng dần. Mục đích là để cơ thể làm quen với chất đó, đổi thù thành bạn. Ngoài ra, hiện nay các khoa học gia cũng đang thử một loại thuốc chống dị ứng đưa vào lưỡi, thay vì chích. Hy vọng

Dấu hiệu cũng có vài điểm khác nhau: Cảm Lạnh ho nhiều, rát họng, đôi khi nóng sốt, nhức mỏi cơ bắp nhưng dị ứng lại ít ho, không bao giờ gây sốt hoặc đau nhức nhưng mi mắt viêm vài tây điều, ngứa ngứa, dàn dụa lệ tuôn, còn mũi thì dầm dề sụt sụt nhớt dãi trong veo chứ không vàng khè nhiễm trùng như cảm lạnh.

### Chuyện uống thuốc thường xuyên để "tăng sức đề kháng cơ thể"

Thuốc dị ứng được cho là thuộc nhóm chống histamin (antihistamin).

Histamin là chất cơ thể sản xuất khi bị allergy với mục đích bảo vệ thì lại là chất gây ra các dấu hiệu phiền phức cho nạn nhân ở mắt ở da, ở mũi như đã nói ở trên đây. Thành ra uống antihistamin chỉ là để chặn tác dụng của histamin, giảm thiểu các phiền phức này chứ không phải là để chữa bệnh dị ứng cũng như không có khả năng tăng cường tính miễn dịch.

Tại Canada cũng như Hoa Kỳ, thuốc chống histamin như diphenhydramine được bán tự do, không cần toa của ông bà bác sĩ, nhưng cần để ý cách dùng và tác dụng ngoại ý, như ngủ gật buồn ngủ, không tập trung làm việc được hoặc dễ dàng gây ra tai nạn khi lái xe tự động. Thuốc là hóa chất lạ đối với cơ thể. Kê lạ ở lâu trong nhà mà lại gia tăng thường xuyên thì cũng gây ra nhiều tác hại, nhất là với người tuổi cao hoặc kém sức khỏe. Nên hỏi ý kiến bác sĩ trước khi dùng nếu bị cao áp nhãn (glaucoma), cao huyết áp, bệnh tim, tiểu tiện khó khăn vì sưng niệu tuyến hoặc khó thở, hen suyễn.

Ngoài ra, bác sĩ cũng có thể cho dùng thuốc xịt mũi để giảm nghẹt cũng như bảo vệ màng mũi với các chất gây dị ứng.

Vì chỉ chữa các phiền phức do histamin gây ra cho nên thuốc chống histamin không được dùng trước khi bị bệnh. Và thuốc này cũng không chữa dứt dị ứng được. Đã bị dị ứng là hầu hết coi như tới mùa là bị bệnh, không ai "lớn lên là hết" ngoại trừ một số nhỏ các cháu bé. Khi tái phát thì dị ứng lại trầm trọng hơn.

Chắc các bạn cũng đã nghe về việc chích ngừa dị ứng. Đây cũng là một phương pháp trị liệu

thuốc sớm được sản xuất.

Tiền đây thì tôi xin mách vài mẹo vặt cho quý độc giả đang bị dị ứng thời tiết hành hạ:

- Mỗi ngày, theo dõi mức độ phấn hoa trong không khí do sở khí tượng địa phương báo cáo.
  - Coi chất gây dị ứng như những phần tử bất hảo, hãy tránh xa và không để chúng tới gần. Cố thủ trong nhà vào thời điểm mức độ phấn hoa cao nhất trong ngày. Nhà ở có máy điều hòa không khí, quạt trần, cửa lớn cửa nhỏ đóng kín.
  - Nếu cần ra ngoài làm vườn, mang khẩu trang có lớp lọc phấn, bụi.
  - Lái xe hơi, mở máy lạnh, quay các cửa kính lên cao
  - Nhà ở thoáng khí, lau chùi buồng tắm nhà bếp, loại trừ mốc meo, bụi mạt trên thảm, màn cửa. Thay thảm với sàn gỗ, sàn nylon.
  - Chó mèo nuôi trong nhà cần được tắm gội thường xuyên, không cho vào buồng ngủ.
  - Lâu lâu rửa mũi với dung dịch nước muối sinh lý, để làm sạch niêm mạc.
  - Làm vườn đừng dụi tay lên mắt lên mũi.
- Rửa tay sạch sẽ trước khi vào trong nhà. Đừng phơi quần áo, mùng mền ngoài trời...

Ngoài ra, xin mách cho quý độc giả hay là, hàng năm tại Hoa Kỳ, Hội Asthma & Allergy Foundation cũng đưa ra một danh sách những thị trấn tương đối "thân thiện" hơn về dị ứng, chẳng hạn Portland, Seatles, San Diego. Vùng cao nguyên tương đối ít bị dị ứng hơn là ở thung lũng đồng bằng, nơi khí hậu ẩm ướt tốt hơn là nơi khô ráo, gần biển cũng vậy. Thành ra mình có thể hành động như dân du mục hoặc bầy chim chốn rét, thay đổi chỗ ở để giảm thiểu hậu quả của dị ứng.

Và, không biết có nên "tư vấn" quý độc giả điều này. Số là cách đây ít lâu, có một số nghiên cứu "báo cáo" là phụ nữ nhiều con ít rủi do bị dị ứng thời tiết. Đông con có khi lại hết dị ứng mà lại có tiếng líu lo riu rít của con trẻ, vui cửa vui nhà.

**Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức**



# Nhớ đất

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nửa đời xiêu lạc, thím về. Hỏi thím đã đi đâu, thím đi nhiều lắm, tới biển, tới rừng, qua biết bao con sông, nhìn biết bao là cảnh đẹp... Nhưng sao lại về? Nhớ đất. Trời, đất mà nhớ gì, ai để ý đâu mà nhớ.

Vậy thì nhỏ có bao giờ lên đên trên chợ nổi quê mình chưa? Những buổi chiều tà, chợ nổi diu hiu bập bênh đầu hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, độ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xối nồi cơm nghi ngút khói, những người đàn ông xếp bằng ngồi trên mũi ghe vãn những điều thuốc to đùng bằng đầu ngón chân cái, phì phà nhà khói lên trời. Những đứa trẻ con ngồi tênh hênh trên mũi ghe câu cá chốt, cá mè.

Nhỏ phải sống trên ghe thím vài năm mới được, sống trên chiếc ghe dài bảy thước ngang hai thước mới thấy buồn chán. Nhỏ phải coi mấy đứa con nít dưới ghe, mỗi lần ghé bến tụi nó lại chạy te te lên bờ, cuống quýt rượt đuổi nhau, những đôi chân trần trụi thoàn thoắt nhảy trên cái bến gỗ ghè đất. "Mày phải biết cái cảnh trồng nùm niu ít bụi hẹ, ít cây rau thơm, vài cây ớt ồm nom trong cái khạp bê mới hiểu thím nhớ đất cỡ nào."

Thím biết biển rồi, trời ơi, biển rộng hải hùng luôn. Thím cũng biết rừng, đầu phải đấm

dừa nước có chút tann này đâu, rừng đước, rừng tràm kia con ơi, ở trong đó có khi nè, có cộp nè, có chim về làm tổ sát dưới đất. Nhưng thím lại thêm nhiều thứ lắm, thêm cái hơi ấm khi đi ngang qua bồ lúa (cái thời thím nhỏ xíu, thím chuyên chui vô kẹt bồ lúa ngủ trốn đòn), thím thêm cái mùi nước đá của con kiến vàng mỗi lần ra mé ao hái chanh, hái tắc, rồi đấm mùng tơi bò rộp trên mái lá lợp che hàng lơn nước, khoảng sân cá rô lóc lảng lừ khi bắt đầu mùa mưa tới, bày cọn nít nhà thím dọc sinh lằm đằm đi bắt cá lên, và những hạt lúa còn sót lại hồi mùa trước âm ỉ nút mầm, chen đất lên xanh muốt? Nhớ nói thím sướng là đứng núi này trông núi nọ, là mơ thấy đang chèo mũi trên một chiếc ghe đi trong đầm địa sương sớm. Còn thím, hồi ở dưới ghe thím lúc nào cũng chiêm bao thấy lớn tồng ngồng rồi mà còn chạy xấp xải trên cánh đồng, tay kéo con điều lộng gió.

Con không biết sao, những ai sinh ra lớn lên, lấy vợ, lấy chồng trên ghe mới quen, mới không nhớ đất, chớ thím từ đất ra đi mà, thím không thèm, không nhớ sao được.

Nhưng sống trên chợ nổi lâu vậy lên bờ cũng nhớ, con người ta kỳ cục thiệt. Những âm thanh ồn ả buổi sớm, diu hiu buổi chiều. Tiếng ti vi ghe này đồn "bông hoa nhỏ", trên chiếc ghe khác, ai đó dò cái đài khọt khẹt tìm chương trình ca cải lương. Vợ chồng cãi nhau, trẻ nít xúm lại đánh bài tiến lên, đứa ngồi đứa quỳ, mặt đầy lọ nghe. Gia đình này gia đình kia sao gần gũi như ở chung nhà vậy. Bên này ăn cơm với mắm chưng nghe rõ ràng ghe bên kia mùi cá chốt kho sả ớt, bữa cơm tự nhiên ngon kỳ cục. Đám đàn ông bên những bữa rượu sương sương tùm trên mũi ghe ca vọng cổ. Giọng đàn lời ca

vừa buồn vừa mát, trong lao động có nghỉ ngơi, trong nỗi cơ cực cũng có khi vui sướng, nhưng không hiểu làm sao thím vẫn nghĩ về đất, con à.

Bây giờ thím lên bờ thiệt, thím làm gì hả, thím vét lục bình dưới mấy cái đĩa để cho cá vô ở, thím vừa đào thêm mấy cái hòng ao để mưa xập xoài vầy, cá tử ruộng lóc vô cho đẻ. Thím xin rơm về trồng rau, đó, mấy luống bạc hà vừa bắt rễ, coi ngon lành hôn? Bạc hà bắt phân rơm như thím bắt vô đất, tươi tốt bắt ham. Thím vừa ngâm giồng xong, cha, hôm rồi nghe mưa đầu mùa gõ tình tang xuống cái máng xối, thím không ngủ được, lòng nó bồi hồi làm sao đâu á, như hồi xưa, thím nằm tính coi khoảng mấy trận mưa nữa thì giúc giồng cho kịp xuống đồng đất vừa chớm dẻ. Chỉ chừng năm bảy ngày nữa, ra sau vườn thím coi, lúa nó lên nhu nhú xanh cái màu đẹp dễ sợ luôn cho mà thấy. Rồi tự nhiên trong thím có lại cái cảm giác tim đập thậi thậi thậm thích mỗi lần nghe giá lúa lên xuống, vậy là thím quen được rồi, quen với đất được rồi. Thím còn tính lên giồng trồng đu đủ với gừng, Tết tới sẵn của nhà thím chia cho hàng xóm ngàò mút dẻo ăn lấy thảo...

Con nghe thím nói con ngán quá trời. Có đất cực thân thêm chớ sướng gì thím?

Trời, nói tới cỡ đó mà con còn chưa hiểu, thím bệnh mà, bệnh "mê đất", hiểu hông? Không hiểu hả, vậy thì thím nói câu này cho gọn, cả đời thím chỉ thêm cái hồi nằm xuống, thím được nhắm mắt bình yên trong mảnh-đất-của-mình.

(nguồn: facebook.com/nhavannguyenngoctu)





# CHÁNH NIỆM VÀ NIỆM PHẬT

*Đồng Thiện*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Một đám đông Mỹ-Mễ-Mít làm việc chung với nhau, ngày nào cũng đùa giỡn rần rật, chơi khăm rồi cười sảng sặc, tán dóc đủ thứ chuyện trên đời, từ chính trị cho đến chuyện súng ống tràn lan, giá xăng tăng... Nhưng nhiều nhất và thường xuyên nhất vẫn là chuyện bóng cà na và chuyện đàn bà.

Y cũng là một tên tích cực trong nhóm, thậm chí còn nổi trội về những trò gây cười. Y là tay nghịch ngâm và có nhiều ý tưởng mới, hễ y ra tay hay góp lời là cả đám cười hả hê. Những lúc câu chuyện trở nên thô tục quá thì y giạt mình nhớ lại vấn đề chánh niệm nên ngưng nói. Giữ chánh niệm không phải là dễ, nhất là khi ở trong một môi trường mọi người đều thất niệm hay không biết chánh niệm là gì. Quả thật những chuyện đùa, chuyện sắc dục nó hấp dẫn và dễ dãi hơn là chuyện chánh niệm.

Chánh niệm là giữ ý niệm đúng đắn (theo tiêu chuẩn Bát Chánh Đạo) mọi thời, mọi nơi. Chánh niệm thường được giải thích là biết một cách rõ ràng những gì mình nghĩ, nói và làm, sống trọn vẹn trong từng phút giây hiện tại, không hồi tiếc quá khứ, không hy cầu tương lai... Tuy nhiên làm người mà sống được chánh niệm trọn vẹn mọi lúc mọi nơi thì khó lắm, để mấy ai làm được? Giả sử làm được thì thành thánh cả rồi!

Một ngày hai mươi bốn giờ, một tuần bảy ngày, một tháng trung bình ba mươi ngày, một năm ba trăm sáu mươi ngày, một đời trong vòng trăm năm. Nếu ai giữ được chánh niệm toàn thời gian thì vị ấy chẳng phải là người nữa mà là bậc thánh quả Arahán rồi. Làm người mà giữ được chánh niệm thì khó lắm, nếu những vị xuất gia ở trong chùa thì còn tương đối dễ vì cảnh chùa thanh tịnh không bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp quấy nhiễu. Các căn không phải va chạm tiếp xúc với sáu trần, bởi vậy mà dân gian mới bảo:

*"Thứ nhất là tu tại gia  
Thứ nhì thu chợ thứ ba tu chùa"*

Ở đây chỉ nói về mức độ khó và dễ của việc giữ chánh niệm, ở chùa tương đối u nhã thanh tịnh hơn cảnh đời nên dễ sống tinh thức và chánh niệm hơn ngoài đời. Còn chuyện tu cao thấp ở chợ ở chùa thế nào thì vốn quá rõ ràng không cần phải nói nữa! Chỉ có những bậc đồng môn, tinh tấn, quyết chí mới có thể bỏ chợ vào chùa.

Thời gian hai mươi bốn giờ trong ngày, chỉ cần giữ được chánh niệm chừng hai mươi phần trăm thời gian ấy đã là khá rồi. Công việc bận rộn nhọc khó mà giữ được chánh niệm. Công việc cần phải tính toán suy nghĩ, phải tập trung tâm ý để làm việc thì cũng khó mà giữ chánh niệm; lúc ấy chỉ còn lo hiệu quả công việc chứ tâm ý đâu nữa mà tinh thức với chánh niệm. Sống ở đời thân xúc chạm, tâm nghĩ tưởng tán loạn, lo lắng, yêu ghét, thích chán... lắm thứ. Bởi vậy phải có đạo tâm, tín

tâm mới có thể cố gắng để sống tinh thức và chánh niệm.

Những lúc cả bọn tụ lại để giỡn, nói xàm y cũng biết là mình đang thất niệm nhưng vì mình là phàm phu nên chấp nhận và tặc lưỡi cho qua, để rồi nhiều khi quán xét lại những gì mình nói, làm thì sanh hối; tuy thất niệm nhưng vẫn còn nghĩ đến chánh niệm nên cũng hạn chế bớt phần nào chứ không để nói cho sướng miệng. Không dùng những từ quá thô tục và chỉ đùa những vấn đề vô thường vô phạt để giảm bớt khẩu nghiệp của mình.

Giữ chánh niệm phụ thuộc rất nhiều vào hoàn cảnh sống. Những lúc lên chùa hay đang ở đạo tràng là lúc dễ giữ chánh niệm nhất vì chùa vốn thanh tịnh lại gần thầy, gần Phật (dù là tượng hay tranh). Ở trong một tập thể tốt, biết đạo... thì dễ giữ chánh niệm hơn là ở trong một tập thể xấu và không có ai có tín tâm. (Tuy nhiên ở chùa cũng có trường hợp một số người thất niệm, dù đến chùa vẫn toàn nói chuyện thị phi, chính trị, thậm chí tranh giành ảnh hưởng ở chùa...). Khi mình ở một mình cũng sanh dễ duôi và ý niệm tà vạy hơn là ở trong tập thể. Vì khi ở trong một tập thể thì có thể vì sĩ diện, vì ý thức mà tự hạn chế những lời nói hay việc làm tà niệm ấy! Giữ chánh niệm trong lúc lái xe rất quan trọng: lái xe thì biết mình đang lái xe, không thể vừa lái xe vừa gởi tin nhắn, xem phim hay làm thêm bất cứ việc gì khác, vì vừa vi phạm luật vừa thất niệm, chỉ cần một tích tắc thôi là có thể gây ra tai nạn. Lái xe trong thất niệm với cái tâm vô thường thay đổi quá giập hay quá vui cũng đều dễ dẫn đến tai nạn như chơi.

Ngôn ngữ và lời nói là phương tiện giao tiếp giữa con người với nhau, tiếng nói là sự rung động của không khí tạo ra làn sóng âm thanh, nó vô hình vô tướng nhưng có sức mạnh kinh khủng, gây ra hiệu quả lớn làm cho ta có thể thấy tận mắt ngay trong hiện đời. Cũng một lời nói thiếu chánh niệm có thể gây ra thảm cảnh máu chảy đầu rơi, sát thân, diệt tộc... Tuy nhiên cũng một lời nói nhưng ngược lại, có thể làm cho người khác lên hương, mang lại phúc lộc. Có những lời nói thiếu chánh niệm có thể khiến người khác đau khổ, thậm chí tự tử, hoặc khiến người nghe phải tề độc: "Sống để bụng chết mang theo". Người có địa vị càng cao thì hậu quả hay kết quả của lời nói càng lớn. Hàng ngày chúng ta thường thất niệm nên thường nói cho sướng miệng, một hiện tượng tràn lan và có ảnh hưởng sâu rộng hiện nay là những nhóm hài nhảm nhí, toàn chữ bới, nói xàm, diễn tục... rất nhiều người trong chúng ta bị ảnh hưởng một cách vô thức, ảnh hưởng đến giới trẻ, gây nên nhận thức lệch lạc. Rất nhiều người xem chữ như là một loại "văn hóa chữ" và cho đó là đẳng cấp, là hơn người mà không biết rằng đó là sự thất niệm lớn, đang tạo khẩu nghiệp nặng

nề. Khi mình thất niệm thì thường nói cho đã cái miệng, chuyện bẻ xé ra to, khi sự việc qua rồi thì sanh hối lỗi, tiếc nuối nhưng tiếc thay lời nói đã găm vào tâm người nghe, khó mà xóa bỏ hay rút lại, thậm chí không thể xóa được.

Hiện nay với sự phát triển cao độ của khoa học kỹ thuật, sự bùng nổ thông tin, công nghệ điện toán... đã đem lại sự tiện ích lớn lao cho con người. Mình có thể ngồi nhà làm việc hay liên lạc với bất kỳ ai ở thế gian này, có thể vui chơi, giải trí, học tập.... Và với một lượng kiến thức khổng lồ giúp chúng ta giải đáp được mọi thứ, tuy nhiên mặt trái của nó cũng ghê gớm lắm: vô số tin giả, tin độc hại, thuyết âm mưu, những cái xàm xí nhảm nhí... Người thất niệm rất dễ chạy theo những thứ ấy, xem rồi bình loạn hoặc đăng những điều quấy quá. Bản thân bút giả cũng thất niệm nên sa đà vào những trang web đen, phim xấu. Khi tỉnh ra thì lại hối hận, sám hối nhưng rồi lại sa vào vết cũ, cứ như thế đã nhiều lần. Vì thế nên mới nói khi ở một mình dễ thất niệm hơn sống trong tập thể, nếu đó là tập thể tốt lành, tinh thức... Khi sống chung một môi trường có người có tín tâm, có người tinh thức thì mình cũng có nhiều cơ hội để giữ vững chánh niệm. Những khi ở một mình, tuy cũng nhớ về chánh niệm, nghĩ đến giới và sự thanh tịnh... nhưng cái ma lực hấp dẫn rù quên của những cái links bậy bạ rất dễ làm cho thất niệm và dễ tặc lưỡi cho qua.

Kinh nghiệm của bản thân bút giả khi niệm danh hiệu Phật rất có hiệu quả trong việc giữ chánh niệm, thông thường y vẫn niệm thầm danh hiệu Phật ở nơi làm việc (trừ những lúc tập trung làm hay tán gẫu, đùa giỡn). Niệm danh hiệu Phật, giữ danh hiệu Phật trong tâm trí, trụ vào danh hiệu Phật để tâm mình tạm thời không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Khi trụ vào danh hiệu Phật tức là có chánh niệm, sống trong chánh niệm vì lúc ấy cũng tạm thời không còn vướng vào những tà niệm, vọng niệm của tài, sắc, danh, thực, thụ.

Một chút mở rộng: Phật giáo nam truyền và Theravada cho niệm Phật là niệm đức hiệu chứ không phải niệm danh hiệu, đó là niệm: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiên Thế, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự, Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật giáo nam truyền và Phật giáo Theravada không niệm danh hiệu Phật A Di Đà mà là niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm thiên, niệm thí... cho đến niệm tử. Khả năng vị cực đoan bài bác Phật A Di Đà và pháp môn Tịnh Độ. Họ cho là phương pháp ấy không phải chánh pháp, không phải do Phật Thích Ca dạy. Bút giả cũng từng nghi ngờ và niềm tin lung lay nhưng rồi trong quá trình sống đã nhận được nhiều lợi ích từ việc niệm Phật, trụ tâm vào câu Phật hiệu cho nên đã vượt qua được sự nghi ngờ ấy và quyết chí giữ vững việc niệm Phật. Khi mình niệm Phật, nghĩ Phật, nhớ Phật, tưởng Phật thì ấy là cái niệm chánh, cái niệm tịnh. Niệm Phật cũng chính là sống trong chánh niệm vậy.

## MÀU THỜI GIAN

*Ngày mở ra bằng chiếc lá xanh non  
lan hồ điệp bên hồ vừa nở  
cọng cỏ màu hồ phách  
ngân vang tiếng dương cầm tím  
động mảnh vụn thời gian  
đầy hương thạch thảo  
tràn trên vai áo.*

*Mùa đã chín  
mây nụ hồng cảm trong bình sứ  
khô từ bao giờ  
hạnh phúc thật nhỏ nhoi  
ranh giới giữa hai bờ hư, thực  
vắt vẻo qua dòng sông  
thao thức.*

*Chiều vờ tiếng  
ly cà phê không đường chọt đắng  
môi cánh gián  
vụng dại một thời đi tìm  
trôi dăng dăng phương nào  
thành vết sẹo dài  
hằn sâu hình lưới kiếm.*

*Lãng dăng vòm mây xanh  
hoa kèn hồng dạo quanh thành phố  
đường chim bay chấp chới  
gió đi lạc trái chiều  
Màu thời gian về đâu  
Sao bỏ em ở lại một mình.*

*thơ* TÔN NỮ MỸ HẠNH



## MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

# BÚN BÌ CHAY

(VNAC) - Bún đặc sản miền Nam thì nhiều lắm, và bún bì chay là một trong những thức ăn dân dã có một không hai, thường thức một mình hoặc trong những buổi họp mặt đông người đều vui cả.



### Nguyên liệu:

- 2 miếng đậu hủ
- 1 củ sắn nhỏ
- 1 củ khoai tây
- 3 lọn bún tàu nhỏ
- 1 muỗng canh thính gạo rang

### Gia vị:

- 1/2 muỗng cà-phê bột nêm chay
- 3 tép tỏi băm nhuyễn

### Nước mắm chay:

- 1/2 chén nước dừa hoặc nước lọc
  - 1 muỗng canh đường
  - 1/2 muỗng canh nước mắm chay nguyên chất hoặc nước tương
  - 1/2 muỗng cà-phê muối
  - 1 muỗng canh nước cốt chanh
- Pha đều, sau đó thêm ớt băm, tỏi băm tùy thích. Băm nhuyễn ớt (thay vì giã hoặc xay), để ớt nổi trên mặt nước mắm chay, sẽ đẹp hơn.

### Thực hiện:

1. Đậu hủ cắt lát mỏng, chiên vàng, vớt ra để ráo dầu, thái sợi.
2. Khoai tây gọt vỏ, rửa sạch, bào sợi rồi chiên vừa vàng, vớt ra để ráo dầu.

3. Củ sắn gọt vỏ, rửa sạch, cũng bào sợi rồi chiên sơ, vớt ra để ráo dầu.

4. Bún tàu ngâm nước cho mềm, trụng nước sôi khoảng 1 phút, vớt ra nhúng vào tô nước lọc, rồi vớt ra để cho thật ráo nước. Sau đó đem cắt ngắn khoảng 5cm (2 inches). *Chú ý, trụng bún tàu sao cho vừa chín, còn giòn, nhưng không bị sống. Nếu trụng mềm quá sẽ bị nhão, mất độ giòn cần thiết cho món bì.*

Trộn đều tất cả vào cùng với 3 tép tỏi băm nhuyễn, 1 muỗng canh thính gạo rang và 1/2 muỗng cà-phê bột nêm chay, là mình được món bì chay thơm ngon.



Món bún bì chay ăn với rau thơm cắt nhỏ, dưa leo (có thể thêm giá sống và đậu phộng rang giã nhỏ), cùng với nước mắm chay chua ngọt mang hương vị đặc trưng miền Nam nước Việt thân yêu.



VŨ QUỲNH

<http://www.vietnamanchay.com/2014/10/bep-chay-thanh-nhe-bun-bi-chay-vu-quynh.html>

# Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



## ÔNG THẦY

Thời buổi nhiễu nhương, pháp nhược ma cường, mệnh quốc suy suyển, vận pháp hủ hao. Ma vương và ma quân gây mưa gió bão giông, đã thế còn cho người thổi lửa và đục đày toan đánh đắm con thuyền. Người nhị tâm thì lại muốn giặt lá. Ông thầy gầy gò như lau sậy, trí huệ như biển lớn, tâm lượng như hư không phải đứng ra tiếp nối truyền thừa chèo chống.

*"Thập phương Bạc già phàm, nhất lộ Niết bàn môn... Không đặt mình dưới bất cứ hiệp hội, chỉ đạo, quyền lực thế tục, xu hướng chính trị hay ý thức hệ nào..."*

Ông thầy, ngày xưa vốn đã từ chối ra đi để ở lại lo cho tứ chúng. Ông thầy như một vị kim cang, lại như ngọn hải đăng giữa đêm trường. Người làng Vực xưa nay vốn hay chống báng, chụp mũ, mạ lỵ không chừa một ai. Thế mà với ông thầy thì hầu như chưa có một lời đàm tiếu nào. Thế mới biết đức cao quý thần cũng kính chứ đừng nói chi đến hạng phàm phu tục tử. Trong đám người ấy có kẻ còn vịnh:

*Sư tử sậy lau thân thái hư*

*Tuệ minh nhật nguyệt tỏ chơn như*

*Sĩ khí kim cang không thể hoại*

*Tâm lượng bao dung mãi đại từ.*

Thiên hạ còn xưng tụng ông thầy:

**TUỆ NHƯ LẠI TỬ THÔNG KINH QUÁN SỬ  
ĐẠI BI VỊ TỬ CHUNG ĐƯƠNG THẬN HỘ PHÁP THỌ  
ẤN PHỤC QUANG TĂNG THÔNG VIỆN**

**SĨ ĐẠI TRƯỞNG PHU LIỆU TRIỆT CẨM  
THI VÔ UY ĐỘ QUÂN SANH NHẤT TÂM PHÙ GIA  
TRUYỀN ĐĂNG TỈNH TÂN THỊ NGẠN AM.**

## RỐT RÁO HƠN

Ngày lễ độc lập vui quá, pháo bông tung bùng, quốc ca rộn ràng, khắp nơi người ta ăn uống ca hát hoặc đi chơi xa. Trong buổi tiệc BBQ có kẻ bông đùa nhắc chuyện tuyên ngôn độc lập:

"Mọi người sinh ra đều bình đẳng, ai cũng có quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc..."

Một anh Phật tử tham gia:

- Điều này Phật đã nói và làm từ hai mươi lăm thế kỷ trước.

Nhiều người hỏi có chứng cứ gì không thì anh ta đọc một đoạn kinh Suy niệm về nghiệp:

"Không phải dòng dõi thọ sanh mà một người thấy hèn hay cao quý, chính hành vi tạo tác mới khiến sự đi biệt trong đời..."

Một vị khách dự tiệc cãi:

- Ấy chỉ là bình đẳng sanh chứ nói gì đến tự do đâu?

Anh ta lại nhắc lời Phật:

"Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn."

Và rồi đức Phật còn dạy:

"Chớ có vội tin vì đó là sách vở, vì truyền thống, vì số đông tin, vì thầy ta... hãy tự kiểm nghiệm và hãy tự tu chứng để giải thoát... Tự thân làm hải đảo, lấy giáo giới làm thầy, tự thập đức lên mà đi..."

Bấy giờ nhiều người dự tiệc chấp nhận mà thốt lên:

- Ờ hén, nhưng xem ra còn rọt ráo hơn.

## TƯỢNG SÁP

Chùa Hồng Sơn cho người sang Thái Lan đặt đúc tượng sáp doanh sư để đem về thờ chung với tượng ma vương. Thiên hạ cười chê hám danh, chấp ngã... Đám đồ đệ lập tức nhao nhao:

- Trụ trì đã được phong nhà sư ưu tú, nhà sư nhân dân thì phải đúc tượng sáp để làm gương cho đời.

Tuy nhiên cũng có người tinh ý nhận ra nên bảo nhó: "Thờ Bụt ăn oản đây mà!" Chuyện còn lùm sùm chưa hạ nhiệt thì chùa Đại Hồng lại làm đám ma cho trụ trì cứ như tang lễ hoàng gia: Quan tài to chà bá, gấm vóc lụa là hoa lệ rợp trời, chiêng trống ầm ỉ... Xe của quan gia, đại gia tử triêu đình đến địa phương nườm nượp đổ về như trẩy hội. Hàng thức giả ngao ngán:

- Trụ trì tịch mà cứ ngỡ vua băng.

Những kẻ hiếu kỳ trên mặt đất lẫn cư dân Net trên mạng đọc trên những trướng, liễn, vòng



hoa... ấy có một bài thơ lạ của ai đó gởi đến:  
*Quý giá chi đâu cái đây da  
Rình rình hình thức việc tang ma  
Tượng sáp vô tri bày cái ngã  
Kiểu này có đọa quả không xa.*

### BẤT NHỊ

Một khoa học gia cất vấn thiền sư:  
- Khoa học rất chính xác, một là một, hai là hai! Không có cái lỗi mập mờ như nhà Phật, lúc nào cũng sắc-không hay một cũng không một mà hai cũng không hai.

Thiền sư cười rất ý nhị:  
- Khoa học cũng rõ ràng một là hai, hai cũng một, tại ông không thấy đây thôi!

Y tỏ vẻ không tin:  
- Thế thiền sư có gì để chứng minh chẳng?  
Lúc bấy giờ ti vi đưa tin một tên tướng Nga cầm quân xâm lược Ukraine vừa xơi một quả tên lửa vì y mở điện thoại thông minh. Thiền sư chỉ cho khoa học gia:

- Điện thoại thông minh là thành tựu của khoa học, tiện dụng vô cùng nhưng nó cũng quá thông minh để cho đối phương biết chính xác vị trí của người sử dụng nó. Xem ra phước với họa tuy hai nhưng lúc này lại là một.

Khoa học gia chưa biết nói gì thì thiền sư tiếp:  
- Mấy đầu lính khủng bố gốc Á Rập, trùm buôn lậu ma túy, tội phạm bị truy nã... hề bọn họ mở điện thoại thông minh là lập tức bị ăn bom hay lực lượng đặc nhiệm ập đến ngay lập tức. Ông có thấy rõ ràng hai cũng là một mà một cũng là hai chẳng?

### TẮM

Hai đứa vốn là bạn nối khố từ hồi còn tắm mưa, tắm bùn, tắm sông, tắm đìa... dưới quê. Lớn lên mỗi người mỗi ngả, số phận đẩy đưa kẻ thành danh, người lặn dận. Sau hai mươi năm thì tình cờ gặp lại:

- Ua, phải Mến đó không? Hồi đó em tắm ao đen nhem, sao giờ trắng đẹp vậy?

Mến cười:  
- Bộ anh muốn em xấu hoài hả? Từ ngày lên thành em tắm hơi, tắm trắng, tắm tiên, tắm bia... rồi qua Hàn đập mặt làm lại nên mới được vậy.

Thằng Mến ngày xưa cùng tắm ruộng, giờ là đại gia, ghẹo Mến:

- Thế anh rủ em đi tắm biển, tắm hồ em dám chơi không?

- Không, đen lại thì xấu lắm. Em giờ chỉ tắm sữa, tắm hoa, tắm, dược thảo, tắm hơi... mà thôi!

Bàn bên có kẻ nghe lọt tai bèn triết lý:  
- Chỉ có mỗi cái chuyện tắm cũng đủ để biết thân phận con người.

### ĐỒNG (2)

Trùm Meo nghe lời kẻ đồng hương mà theo đồng đảng nhập với đồng bọn để đồng hành và đồng thanh tuyên bố:

- Chúng tớ đồng tâm chiến đấu để lập một thế giới đại đồng đồng nhất hết tất cả. Mọi người đồng đảng với nhau, đồng lao, đồng hưởng, tất cả của cải đều là đồng sản...

Sau một thời gian thì xảy ra nhiều bất đồng,



mặc dù cả đám đồng tham, đồng sân, đồng si, đồng sở thích lấy của người làm của mình, có đồng cam cộng khổ nhưng ăn chia bất đồng. Đắt của trùm Meo bị các đồng liêu của mình lấy đem cho tư bản nước ngoài thuê hoặc bán cho ngoại quốc nên trùm Meo uất ức nhắc lại lời đồng cam kết ngày xưa, thậm chí kiện cáo nữa nhưng đồng bọn đồng cười nhạt:

- Đồng chí phải biết bỏ tiểu dị giữ đại đồng để chúng ta đồng tiến!

Trùm Meo thất thế, không làm gì được bèn bỏ về quê để đuổi gà cho vợ, thỉnh thoảng lại bầu với người trong nhà:

- Thời đại đồng đều, tài sản bảo là đồng sở hữu nhưng chẳng đồng quân. Từ nay ta không dám đồng tịch đồng sàng nữa, nếu không có ngày dân giận thì e rằng đồng quan đồng quách với cái bọn đồng mưu ấy.

### NHÂN DÂN TỆ

Mấy nay Tập xénh xáng mưu làm trùm thiên hạ, khôi phục đế quốc như tổ tiên ngày xưa. Xénh xáng sai người sửa luật để làm tổng tài suốt đời, kết giao với những trùm ác khác hòng tranh vô địch với Chú Sam. Trong hội nghị kinh tế y đề nghị:

- Lấy đồng Nhân dân tệ của ngộ làm chuẩn để trao đổi mua bán, chúng ta sẽ không phụ thuộc vào đô la của Chú Sam!

Đàn em và bọn cò ke lực chốt hưởng ứng, tuy nhiên khi thực hiện thì hầu như chẳng ai làm và cũng không thể làm được. Sức mạnh và mùi đô la Chú Sam vẫn như ma lực thôi miên, chẳng có kẻ nào từ chối cả. Trong khi ấy ở xứ sở Tập xénh xáng thì đồng nhân dân tệ vẫn có quyền lực không tệ tí nào, bọn tay chân thủ hạ từ triều đình cho đến hương ấp ra sức bòn rút vớ vét thậm tệ, vì thế mà dân chúng oán thán không sao kể xiết. Người bên ngoài thấy thế tức cảnh sinh tình viết đôi chơi, tuy nhiên anh ta viết có mỗi một vế thì tắc tị. Y lém lỉnh thách người khác đối được sẽ bao châu nhậu, tuy biết y bí nhưng đã lâu cũng chẳng thấy ai đối lại:

**NHÂN DÂN TỆ SỨC MẠNH KHÔNG TỆ QUAN VƠ VÉT THẬM TỆ NÊN NHÂN DÂN TỆ.**

**Steven N**  
Georgia, 09/22

# Độc bài thơ “Đăng Cao” của Đỗ Phủ

LAM NGUYÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

## ĐĂNG CAO

登高

Phong cấp, thiên cao, viên khiêu ai,

風急天高猿嘯哀

Chữ thanh, sa bạch, điểu phi hồi.

渚清沙白鳥飛迴

Vô biên lạc mộc tiêu tiêu há,

無邊落木蕭蕭下

Bất tận trường giang cổn cổn lai.

不盡長江滾滾來

Vạn lý bi thu thường tác khách,

萬里悲秋常作客

Bách niên đa bệnh độc đăng đài.

百年多病獨登臺

Gian nan khổ hận phần sương mẫn,

艱難苦恨繁霜鬢

Lạo đảo tân đình trọc tửu bôi.

潦倒新停濁酒杯。

## Đỗ Phủ

杜甫

Phỏng dịch:

## LÊN ĐÀI

*Gió nổi, trời cao, vượn hú buồn,  
Bến trong, cát trắng, chim bay vòng.  
Sông dài ba lạng không ngừng nghỉ,  
Lá rụng tiêu điều chẳng dứt hồi.*

*Ngàn dặm thu sầu làm khách trú,  
Trăm năm bệnh tật ngấm đài luôn.  
Gián nạn vất vả đầu sương bạc,  
Tiệc nổi đành kiêng chén rượu sồn!*

(Lam Nguyên)

Ai đã từng yêu thơ Đường, ắt hẳn không thể không nhắc đến thi thánh Đỗ Phủ. Thi tài Đỗ Phủ trác tuyệt mà cuộc đời của ông làm người đọc buồn đến rơi lệ! Ông đã trải qua nhiều giai đoạn rất là khác nhau: Vào thời trai trẻ, thi hào có những năm gao du sơn thủy!

Đỗ Phủ 杜甫 (712-770), tự là Tử Mỹ, hiệu Thiệu Lăng, quê ở huyện Củng, thuộc tỉnh Hà Nam. Từng giữ chức quan nhỏ vì thi không đỗ. Lúc An Lộc Sơn chiếm Trường An, ông chạy theo vua đến Linh Vũ nên nhà vua cho ông làm “Gián quan”. Sau đó, bất mãn nên bỏ quan đến Tần Châu, Thành Đô. Theo một số nhà nghiên cứu văn học đời Đường thì lúc ấy tại Tứ Xuyên giặc giã nổi

lên nên ông phải mang gia đình chạy loạn từ Tứ Xuyên qua Hồ Nam, Hồ Bắc, cuối cùng thi hào Đỗ Phủ mất ở Lôi Dương!

Theo thiển ý của chúng tôi thì bài thơ Đăng Cao khó mà dịch được trọn vẹn cái hay, cái đẹp... của nó! Bài thơ này, có người bảo được sáng tác năm 767, nhưng cũng có thuyết cho rằng bài thơ Đăng Cao viết vào năm 766 cùng lúc thi hào sáng tác chùm thơ THU HỨNG 秋興. Theo Tống Tôn Nguyên nhận định: “Thượng tứ cú đăng cao sở kiến, hạ tứ cú đăng cao sở cảm” (Bốn câu trên diễn tả những gì đã thấy lúc lên cao, còn bốn câu dưới bày tỏ nỗi lòng cảm xúc). Nếu ai từng nghiên cứu thơ Đường luật thì đã thấy phần nhiều trong các “bài thơ Thất Ngôn Bát Cú” chỉ cần “đối” ở hai cặp câu giữa mà thôi! Nhưng trong bài thơ Đăng Cao của Đỗ Phủ thì “tất cả bốn cặp câu đều đối nên cổ thi sĩ Quách Tấn đã cố gắng dịch như sau:

*Gió lạnh trời cao nào tiếng hầu  
Bến trong cát trắng rộn bầy âu  
Áo ào lá úa tuôn không ngừng  
Cuồn cuộn sông dài chảy tới đâu?  
Muôn dặm buồn thương thu giục khách  
Một thân già yếu bước lên lầu  
Gián nạn luống hận sương dầm tóc  
Lảo đảo đành lơ rượu thấm bầu.*  
(Quách Tấn dịch)

Và để chấm dứt những cảm nghĩ thô thiển của chúng tôi về bài thơ “Đăng Cao” của thi thánh Đỗ Phủ, xin mượn lời bàn của cổ thi sĩ Quách Tấn như sau:

\* Những bài “khởi đối,” “kết đối,” “khởi kết đều đối” tuy rằng ngoại lệ, song vẫn được coi là chính thể của luật thơ, vì trạng luận vẫn theo đúng quy tắc.

## Lam Nguyên

Seattle, chiều ngồi nhớ thi sĩ Quách Tấn!





# Nhớ một vầng trăng

HẠNH THUẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trời đã đổi mùa. Vài cơn mưa xuất hiện và dự báo có áp thấp nhiệt đới ngoài biển Đông, kéo theo những cơn bão theo thứ tự trong năm sẽ đổ bộ lên vài địa phương...

Những tờ lịch được lạng lẽ bóc đã qua tháng Tám âm lịch, tháng của Tết Trung thu - gợi nhớ biết bao kỷ niệm về Mẹ thương yêu của chúng tôi. Mùa trăng tròn giữa thu là kỷ niệm ngày Mẹ chúng tôi chào đời, như thể đánh một dấu ấn đặc biệt về cuộc đời của bà. Trong kỷ ức của mình, tôi vẫn nhớ những buổi tiệc gia đình được tổ chức mừng sinh nhật Mẹ từ thuở tôi còn bé cho đến lần cuối cùng cách đây ba năm. Mẹ chúng tôi mất trước mùa trăng thu, vào năm bắt đầu đại dịch Covid-19 (2020). Ngày kỷ niệm sinh nhật Mẹ năm đó thật là thể lương, âm đạm. Con cháu trong gia đình lần lượt tụ về lạng lẽ thắp hương, dâng lễ vật cúng Mẹ - trong đó có những hộp bánh Trung thu. Chúng tôi cùng chung niềm tiếc nuối là Mẹ đã lỗi hẹn với con cháu trong một ngày như thế. Những giọt nước mắt không kiềm nén đã lăn dài trên má, cảm xúc nhớ thương làm quặn thắt con tim. Trong giây phút giao cảm thiêng liêng liêng đó, tôi thấy trên di ảnh, Mẹ như mỉm cười với tất cả chúng tôi. "Ừ thôi, chào các con các cháu. Mẹ đi đây."

Mẹ đi xa mãi thật rồi. Vầng trăng Trung thu vẫn tỏa sáng trên cao, như thuở nhỏ tôi đã làm mấy câu thơ tặng Mẹ: "Trăng Trung thu tỏa sáng. Vẫn thua Mẹ tôi cười." Bây giờ, tôi cũng thấy "trăng Trung thu tỏa sáng", nhưng chỉ còn lại hoài niệm xót xa "Tuồng như Mẹ tôi cười!" Chắc rằng Mẹ chúng tôi từ một nơi An Lành, sẽ luôn dõi theo những buồn vui trong cuộc sống của con cháu. Giống như ngày xưa, thỉnh thoảng tôi xin cơ quan nghỉ phép về thăm nhà,

về để được ôm hôn, hít hà mùi hương nhẹ nhàng trên tóc, trên đôi má của Mẹ. Hạnh phúc nhất là thấy Mẹ luôn đón tôi bằng ánh mắt vui và nụ cười tươi tắn. Cảm động nhất khi nghe Mẹ tâm sự: "Trong nớ (Sài-gòn) chừ xe cộ đông dữ quá, lâu lâu thấy cảnh giao thông nghẹt thở, Me cứ tìm xem trong đám đông đó có con hay không." Trong những thư từ, hình ảnh Mẹ để lại, tôi tìm thấy vài bài báo của tôi được Mẹ tôi cắt để dành, với ghi chú "Bài của H.T." Và trong những năm cuối đời của Mẹ, tôi được sống gần gũi và chung tay cùng cô em gái chăm sóc Mẹ. Với đầu óc còn minh mẫn ở tuổi gần bách tuế, Mẹ tôi thỉnh thoảng nói những lời hay, ý lạ. Tôi tranh thủ ghi chép nên đã có cả mấy trang làm tư liệu quý về Mẹ tôi.

Gần đây, trên mạng có quảng cáo một quyển sách thuộc dạng sách xưa, tên là "Bách Sự tập", viết về những kiến thức xã hội, cách sống

trên đời... Nó làm tôi nhớ một câu chuyện giữa hai mẹ con tôi. Một hôm khi được tôi tắm gội xong, Mẹ tôi chợt hỏi: "Con Hợp (một người chị của tôi) tên là Bách Hợp, phải không con?" Tôi hơi ngạc nhiên, hỏi lại: "Đạ, đúng rồi. Sao vậy Me?" Mẹ tôi tùm tùm trả lời: "À, con Hợp là Bách Hợp, còn con là Bách Sự!" Suy nghĩ một hồi tôi mới hiểu ra, chỉ là Mẹ tôi muốn khen tôi đã làm nhiều việc giúp bà cảm thấy mát mẻ, thư thái trong người. Me ơi, lúc đó và đến bây giờ con luôn cảm thấy tự hào với một cách "biểu dương" thâm thúy như vậy.

Những kỷ niệm đẹp về Ba Mẹ, về những điều Ba và Mẹ từng dạy bảo đã giúp chúng tôi hình thành nhân cách, biết hướng thiện, kham nhẫn, tri túc. Tôi cầu nguyện và tin rằng, một vầng trăng sáng trên cao luôn theo dõi, hướng dẫn chúng tôi sống tốt và bình an trong cuộc đời.

(mùa Trung thu 2022)



Hình trên: Mẹ của Hạnh Thuần hồi trẻ, ở Huế.  
Hình dưới: Hạnh Thuần mừng sinh nhật Mẹ, năm 2010



## THÁNG MƯỜI LỖI HẸN

Tháng Mười về... nhắc cuối thu rồi đó  
Chia đôi bờ nắng vụn vỡ trên vai  
Gió đầu đông nào phải gió heo may  
Se sắt lạnh thu phai mùa trăng trở.

Tháng Mười về... gọi khơi bao nỗi nhớ  
Lá vàng uơng rơi vỡ khoảng trời thơ  
Vết thời gian rêu phủ lấp... bụi mờ  
Miền xưa cũ mộng mơ giờ tiếc nuối.

Tháng Mười về... ai là người có lỗi  
Em chờ anh lưng mỏi, mắt mi cay  
Đèn hắt hiu... chiếc bóng... ánh trăng gầy  
Đá cũng đôi... sỏi mệt nhàoì nằm đợi.

Tháng Mười về... thu đi đông lại tới  
Khúc giao mùa trời lạc điệu cung thu  
Dấu yêu xưa dù gió cuốn mịt mù  
Tìm áp ủ... vẫn nhớ người lỗi hẹn.

## VĨNH BIỆT CA SĨ PHI NHUNG

Rì rào gió... rì rào mưa  
Như buồn tiễn biệt người vừa ra đi  
Cuối thu lá đỏ phân kỳ  
Đóa Sen sáng rụng chia ly cõi đời.

Người ngậm ngùi... nước mắt rơi  
Em đi để lại khoảng trời cho ai  
Bông điên điên rợp sông dài  
Đang chờ ngóng đợi ai hoài buồn thiu.

Trời buồn hiu... đất quạnh hiu  
Em đi ai dắt ai dìu đàn con  
Bao nhiêu mơ ước chưa tròn  
Bao nhiêu dự án còn non tháng ngày.

Em đi chẳng được vẫy tay  
Vàng mây trắng phủ quỵên bay cuối đời  
Phố phường trầm mặc khắp nơi  
Bao người nuối tiếc lệ rơi khóc thầm.

Tiền em một nén hương trầm  
Em về cực lạc thân tâm an nhàn  
Trần gian lắm nỗi đa đoan  
Em về cõi Phật nhẹ nhàng thành thoi.

## TRUNG THU... ĐỢI MÙA SAU

Trên trời rục rờ một vầng trăng  
Nghiêng dáng đùa vui với chị Hằng  
Có thấy trần gian đang khổ nạn  
Trung Thu chẳng lộ vẻ hân hoan.

Mỗi năm khao khát chỉ một lần  
Bánh mứt, lồng đèn cũng tủi thân  
Cửa đóng bao nhà dây chằng ngõ  
Nụ cười tắt hẳn bởi gian truân

Cộ đèn mơ ước một lần trôi  
Thương thức bánh ngon chẳng có rồi  
Chỉ ngắm Trăng khuya cùng chiếc bóng  
Tách trà đối ẩm nhạt bờ môi.

Thiên thu Trăng mãi chiếu ngời ngời  
Mơ được mùa sau sẽ tuyệt vời  
Năm tới người còn hay đã khuất  
Dịch tràn khôn khổ khắp muôn nơi.

Chiều vừa thấy mặt tối còn đâu  
Sinh tử biệt ly vạn nỗi sầu  
Bố mẹ qua đời... con lạc lõng  
Biết còn gắng gượng đợi mùa sau.

## HOÀNG HÔN NHUỘM VÀNG

Chiều lặn góc nhớ chơi vơi  
Buồn theo sợi nắng vẽ vờ ngoài hiên  
Gió thu lướt nhẹ một miền  
Lá vàng cong vát nằm yên hững hờ

Tâm tư viết dở vắn thơ  
Cất lên giữ mãi bụi mờ mực phai  
Đêm về gói mộng trắng cài  
Nỗi niềm gió trây mây bay cuối trời.

Người xa tôi chẳng một lời  
Tình theo sương khói... một đời tương tư  
Mưa tuôn trắng xóa miền thu  
Còn tôi dõi mắt mịt mù bóng xưa.

Lá hoa ướt đẫm vì mưa  
Tôi em ủ dột... tình chưa ánh hồng  
Em đi để cõi mệnh mong  
Tình cõi trần trở... hoàng hôn nhuộm vàng.

thơ LÂM BĂNG PHƯƠNG



# CHUYỆN CÚNG DƯỜNG

*Tâm Không Vĩnh Hữu*

DIỄN ĐÀN

Thân kính mời chư vị thường lãm, ngắm xem những bức ảnh mà tôi chụp được tại chùa Thanh Hải (Cam Thịnh Đông - Cam Ranh- Khánh Hòa) vào lúc khoảng 9h-10h ngày 21/8/2020.

Xem ngắm qua rồi, hẳn chư vị đã biết đó là tôn tượng của đức Bồ Tát Lăng Nghe Quán Thế Âm, dân gian xưa nay thường gọi nôm na ngắn gọn là Quan Âm.

Rõ thấy biết là vậy rồi. Nhưng chư vị có thắc mắc gì không? Có thấy gì đó không ổn không? Có cảm thấy... kỳ kỳ lạ lạ gì đó không? Chư vị không thấy? Hay chư vị thấy mà không dám có ý kiến ý cò gì, vì sợ phạm thượng, sợ xúc phạm đến bậc đạo hạnh thiêng liêng, cũng như lo ngại làm tổn thương đến bậc tôn túc trú trì chùa?

Đừng lo đừng ngại gì hết. Lòng tôn kính trong ta vẫn y nguyên không suy suyển với hao mảy may, thì ta cứ vô ngại và thêm chút hồn nhiên mà đưa thắc mắc, hoặc ý kiến của mình.

Sau khi chụp ảnh xong qua nhiều góc độ góc nhìn khác nhau, tôi ngồi nơi băng ghế đá ngắm nhìn lại đài Quán Thế Âm lộ thiên hiện hiện trước mắt mình, tự hỏi:

"Lỡ như có các bác chú cô dì cao niên, hoặc các em cháu còn nhỏ tuổi non dại, những người con Phật sơ cơ, bước đầu gieo duyên với Tam Bảo, tập tễnh đi chùa lễ bái, nhất là ở miền quê vắng vẻ này, vì không dám mở miệng hỏi sư hỏi thầy, nên cứ tưởng là Hai Chị Em Quan Âm Bồ Tát thì sao ta? Ô, té ra là có Quan Âm Chị và Quan Âm Em kia kìa!"

Nghĩ vậy rồi, tôi ngồi cười một mình như đùa khùng. Khoảng nửa giờ sau, lúc thuận duyên được Thầy trú trì mời lại ngồi bàn đá uống nước khoáng, tôi mạnh dạn hỏi thẳng vào vấn đề luôn:

"Bạch Thầy, sao trên đài lại có đến hai tôn tượng của đức Quán Thế Âm ạ?"

Thầy trú trì ngăn người ra một chút, nướng mắt, rồi cười:

"Tại trước kia chùa đã có một tượng rồi, là tượng nhỏ đứng trước đó, sau này có phật-tử khác cúng dường tượng lớn hơn. Tượng nhỏ biết mang đi đâu đây? Tượng nào cũng do đàn na tín thí cúng dường cho Chùa, đâu thể phân biệt đối đãi, chuyện tế nhị khó xử lắm, nên chùa phải đành để đến hai tôn tượng trên đài!"

"Sao người cúng dường đến sau đã thấy chùa có tượng rồi, còn có cúng dường thêm cho trùng lặp, mà không cúng dường tôn tượng khác, hạng mục khác khi nhà chùa đang còn thiếu, đang có nhiều nhu cầu cần thiết hơn?"

"Người ta tha thiết thành tâm cúng dường theo ý nguyện của họ, nhà chùa đâu có từ chối được... Trước đây có đến 3 tượng lặn đó, sau chuyển đi qua chùa khác tuốt trong núi một tượng nhỏ nhất rồi, nay chỉ còn 2!" Thầy tiết lộ xong rồi

cười, một nụ cười trông hiền hậu làm sao! Nam mô Phật!

Bây giờ tôi biết nói gì đây ta?

Tôi không dám bàn lui tán tới đông dài, mà chỉ xin mao muội nhả gửi đôi dòng đến chư vị phật-tử, thập phương bá tánh, với tư cách là một "hoàng pháp viên phụng sự chánh đạo": Khi cúng dường Tam Bảo, người con Phật chỉ nên tâm niệm một điều duy nhất, đó là mong vật phẩm (tịnh tài - tịnh vật) cúng dường là phương tiện để hỗ trợ, phụ giúp, tiếp sức hộ lực chư tôn đức Tăng Ni an ổn tu hành, hầu kiến tạo chốn già lam thanh tịnh, để truyền bá Chánh pháp lợi ích chúng sanh. Với tâm niệm như vậy thôi, đừng nảy một ý niệm hay tâm nguyện nào khác, thì việc cúng dường của mình mới thật sự có phước báo cao quý.

Nhấn nhủ vậy rồi, tôi sẵn sàng chấp nhận lãnh lấy nghiệp báo nếu như có ai đó mắng chửi, nguyên rủa, chỉ trích chê bai cây bút, cái miệng, tâm ý của tôi.

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát ma ha tát!



# TRANG SỬ MỚI CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT

*Huỳnh Kim Quang*

(tiếp theo trang 34)

*"Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương kế thừa sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Lịch đại Tổ Sư, kế thừa và phát huy lý tưởng phụng sự Dân tộc và nhân loại như đã được minh định bởi Hiến Chương của Giáo Hội, vì một đất nước thanh bình an lạc, vì một truyền thống nhân ái bao dung, vì một xã hội đạo đức tôn trọng phẩm giá của con người, tôn trọng các quyền tự do bình đẳng giữa người và người."* (xem chú thích số 1)

Đức Đệ Tứ Tăng Thống Thích Huyền Quang đã viết trong Tâm Thư gửi cho Tăng, Ni và đồng bào Phật tử trong và ngoài nước được phổ biến vào ngày 24 tháng 9 năm 1992, lúc ngài còn là Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo GHPGVNTN và đang bị quản thúc tại Quảng Ngãi:

*"Phật giáo Việt Nam suốt mấy ngàn năm lịch sử luôn luôn đứng về phía quần chúng bị áp bức, khổ đau để chống đối với cái ác, cái mê lầm, tham lam và tàn bạo."* (xem chú thích số 10, tr. 169)

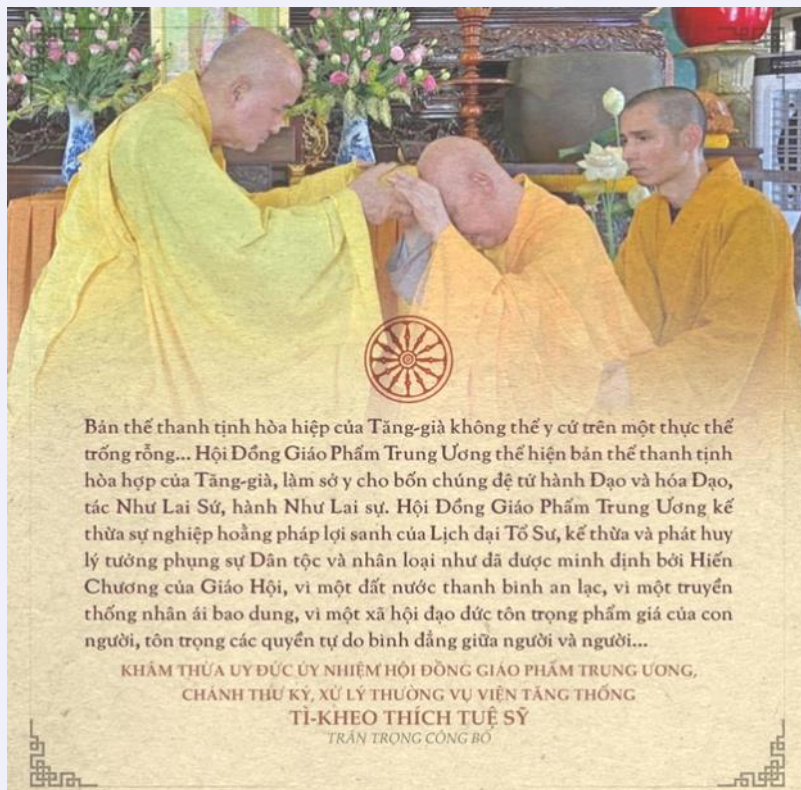
Phật Giáo không chống đối chính quyền với ý định lật đổ chính quyền đó hay với tham vọng quyền bính thế tục. Phật Giáo chỉ chống lại "cái ác, cái mê lầm, tham lam và tàn bạo" của bất cứ thế lực chính trị nào áp đặt lên người dân. Khi người dân bị đối xử không bao dung, phẩm giá bị chà đạp, quyền tự do bình đẳng giữa người và người không được tôn trọng, thì một Giáo Hội tự nhận là đại diện cho quần chúng nhân dân bị áp bức đó phải lên tiếng. Sự lên tiếng trong các trường hợp này không thể được diễn dịch một chiều đây thành kiến và ác ý là chống đối chính quyền hay là "phản động," mà là một thái độ tự nhiên phải làm khi thấy người dân thấp cổ bé miệng bị đối xử tàn bạo. Theo truyền thống dân tộc Việt Nam, đó là hành động trượng nghĩa, phù hợp với luân thường đạo lý làm người.

Theo pháp lý quốc tế, đó là các quyền dân sự ắt phải có của người dân mà một khi chính quyền của nước đó đã ký tham gia thì phải bảo vệ các quyền đó cho người dân. Các quyền đó cũng đã được ghi trong Công Ước Quốc Tế Về Các Quyền Dân Sự và Chính Trị do Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc thông qua vào ngày 16 tháng 12 năm 1966 và có hiệu lực bắt đầu từ ngày 23 tháng 3 năm 1976, mà trong đó có Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ký tên chấp thuận tham gia, có nghĩa là cam kết tôn trọng, vào ngày 24 tháng 9 năm 1982.

Cho nên, GHPGVNTN có lên tiếng khi các quyền dân sự của người dân bị chà đạp thì cũng không nên bị kết án là chống chính quyền hay phản động. Đúng ra, chính quyền nên nhìn thấy mặt xây dựng tích cực đối với việc lên tiếng như

thế, bởi vì có như vậy thì chính quyền mới biết mà sửa sai và người dân mới bớt khổ, và hệ quả tất yếu theo sau là chính quyền được lòng dân.

Từ các đoạn trích dẫn ở phần trên trong bản Công bố của Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương cho phép người viết bài này dự đoán về hướng đi của GHPGVNTN sắp tới như sau: Thứ nhất là Viện Tăng Thống với hai Pháp Tòa Hoằng Pháp và Pháp Tòa Hoằng Giới sẽ là cơ quan lãnh đạo tối cao của GHPGVNTN chỉ đạo về mặt hoằng dương Chánh pháp và mặt duy trì kỷ cương giới luật cho hai chúng xuất gia và tại gia. Thứ hai là Viện Hóa Đạo, theo danh xưng của Hiến Chương GHPGVNTN, bản tu chính vào ngày 12 tháng 12 năm 1973, sẽ là cơ quan điều hành các Phật sự trong nhiều lãnh vực như văn hóa, giáo dục, cư sĩ, thanh niên, từ thiện xã hội, v.v... Tất cả đều nhằm đến việc "công bố lý tưởng hòa bình của giáo lý Đức Phật" "để phục vụ cho nhân loại và dân tộc," theo như Lời Mở Đầu của Hiến Chương GHPGVNTN.



Bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già không thể y cứ trên một thực thể trống rỗng... Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương thể hiện bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già, làm sở y cho bốn chúng đệ tử hành Đạo và hóa Đạo, tác Như Lai Sư, hành Như Lai sự. Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương kế thừa sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Lịch đại Tổ Sư, kế thừa và phát huy lý tưởng phụng sự Dân tộc và nhân loại như đã được minh định bởi Hiến Chương của Giáo Hội, vì một đất nước thanh bình an lạc, vì một truyền thống nhân ái bao dung, vì một xã hội đạo đức tôn trọng phẩm giá của con người, tôn trọng các quyền tự do bình đẳng giữa người và người...

KHÂM THỬA UY ĐỨC UY NHIỆM HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM TRUNG ƯƠNG,  
CHÁNH THỦ KÝ, XỬ LÝ THƯỜNG VỤ VIỆN TĂNG THỐNG  
TÌ-KHEO THÍCH TUỆ SỸ  
TRẦN TRỌNG CÔNG BỐ

## Kết luận

GHPGVNTN, từ ngày thành lập vào tháng 1 năm 1964 đến nay, năm 2022, đã tồn tại 58 năm. Dù trải qua bao thăng trầm lịch sử theo vận nước nổi trôi, mà có lúc tưởng chừng như sức tàn lực kiệt, vì những chướng duyên từ bên trong hay bên ngoài, GHPGVNTN vẫn còn đó với dân tộc này. Đã có biết bao nỗ lực, âm mưu, kế hoạch, chính sách nhằm triệt hạ, GHPGVNTN vẫn còn đó trong chí nguyện và hoài bão của lịch đại Tổ Sư. GHPGVNTN còn tồn tại vì đó là Giáo Hội dân lập đứng trên lập trường Dân tộc và Đạo pháp thuần khiết.

GHPGVNTN tự thân hàm ngụ chí hướng xuất thế của Đức Phật và lịch đại Tổ Sư, dù hiện thân là một tổ chức tôn giáo nhập thế đi vào xã hội. Cho nên, GHPGVNTN bề ngoài là hình thức của cơ chế thế gian, nhưng nội hàm bên trong là thượng cầu Phật đạo và hạ hóa chúng sinh, tức thị thiết hạnh và nguyện của Bồ-tát đạo. Với bản thể như thế thì GHPGVNTN không thể tự đặt mình dưới sự sai khiến của bất cứ cơ cấu chính trị thế tục nào, bởi vì nếu làm như vậy thì Giáo Hội tự đánh mất mục tiêu cứu cánh xuất thế của mình.

Có thể có người nói rằng thì cứ xem như là phương tiện quyền xảo để hành đạo trong thời pháp nhược ma cường cũng nên! Thực tế bốn mươi năm có mặt của GHPGVN đã không cho người ta có thể suy nghĩ theo chiều hướng đó, mà ngược lại.

Cho nên, phục hoạt GHPGVNTN là nhu cầu cần thiết để duy trì một Giáo Hội truyền thống nằm trong lòng dân tộc và lịch sử hơn ngàn năm của Phật Giáo Việt Nam. Vị Giáo Phẩm mang trọng trách phục hoạt GHPGVNTN hiện nay là Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ.

Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ dù thân mang trọng bệnh vẫn canh cánh bên lòng lời ủy thác của Đức Đề Ngũ Tăng Thống Thích Quảng Độ để dựng lại Viện Tăng Thống và Viện Hóa Đạo GHPGVNTN. Đồng thời Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ vì tiền đồ của Phật Giáo Việt Nam và vì sự sinh tồn của GHPGVNTN đã nỗ lực không ngừng thực hiện các Phật sự có ảnh hưởng lâu dài trong và ngoài nước để thúc đẩy sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam và tạo thuận duyên cho công cuộc phục hoạt GHPGVNTN. Tháng 5 năm 2021, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ khuyến thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử tại hải ngoại thành lập Hội Đồng Hoằng Pháp để mở rộng công cuộc truyền bá Chánh pháp, đặc biệt nhằm đến giới trẻ, giữa thời đại khoa học kỹ thuật và truyền thông xã hội tiến bộ vượt bậc. Cuối năm 2021, một Đại Hội của Hội Đồng Hoằng Pháp lần đầu tiên được tổ chức trên mạng qua Zoom quy tụ gần 500 đại biểu trên khắp thế giới.

Cũng qua Đại Hội Hội Đồng Hoằng Pháp này, Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ cùng Giáo Sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát công bố việc thành lập Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời để kế thừa sự nghiệp phiên dịch Tam Tạng Kinh Điển của Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng do Viện Tăng Thống GHPGVNTN thành lập vào tháng 10 năm 1973.

Khi Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Đề Ngũ Tăng Thống GHPGVNTN, chọn Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ để ủy thác việc điều hành Viện Tăng Thống và khi thuận duyên thì dựng lại Hội Đồng Lương Viện, ngài đã không tìm thấy ai khác có đủ

tài năng, tầm vóc và phẩm đức ngoài Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ.

Quả đúng như thế. Khi được biết Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã được Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ ủy thác trọng trách của Giáo Hội vào ngày 14 tháng 5 năm 2019, Tăng, Ni và Phật tử các giới ở khắp nơi đều hoan hỷ tán trợ. Rồi mới đây, khi được biết Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đã thỉnh mời một số vị Hòa Thượng nguyên là thành viên Viện Hóa Đạo được thỉnh cử trong Đại Hội Nguyên Thiều năm 2003 để thành lập Hội Đồng Giáo Phẩm Trung Ương và cung thỉnh Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ lên ngôi vị Chánh Thư Ký kiêm Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống GHPGVNTN vào ngày 21 tháng 8 năm 2022 thì chư Tăng, Ni và Phật tử trong ngoài nước lại một lần nữa rất vui mừng và tán trợ.

Có lẽ mọi người đều biết rằng công cuộc phục hoạt GHPGVNTN còn nhiều gian nan và cần nhiều sự hỗ trợ của chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử các giới trong và ngoài nước. Sự lên tiếng ủng hộ của chư tôn đức Tăng, Ni và cư sĩ Phật tử là điều có thể làm được và cần làm bây giờ để tạo năng lượng tập thể thủ thắng hầu chuyển hóa những chướng duyên thành thuận duyên cho công tác Phật sự trọng đại này, mà Hòa Thượng Thích Tuệ Sỹ đang gánh vác.

Cầu nguyện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất sớm phục hoạt.

\*\*\*\*\*

## Chú thích:

- 1) <https://hoangphap.org/hoi-dong-giao-pham-trung-uong-giao-hoi-phat-giao-viet-nam-thong-nhat-vien-tang-thong-tran-trong-cong-bo/>
- 2) <https://uyennguyen.net/2020/05/31/29761/>
- 3) <https://quangduc.com/a68013/di-ngon-le-tuong-niem-duc-truong-lao-hoa-thuong-thich-quang-do-ngay-18-04-2020>
- 4) <https://quangduc.com/a68013/di-ngon-le-tuong-niem-duc-truong-lao-hoa-thuong-thich-quang-do-ngay-18-04-2020>
- 5) <https://quangduc.com/a68013/di-ngon-le-tuong-niem-duc-truong-lao-hoa-thuong-thich-quang-do-ngay-18-04-2020>
- 6) <https://hoangphap.org/tam-thu-15-uoc-nguyen-tang-gia-hoa-hop/>
- 7) <https://thuvienhoasen.org/a38121/hanh-giao-hao-dai>
- 8) <https://www.rfa.org/vietnamese/news/vietnamnews/head-of-ba-vang-pagoda-appointed-as-deputy-head-of-buddhist-executive-board-of-quang-binh-province-08232022075650.html>
- 9) <https://www.rfa.org/vietnamese/news/vietnamnews/quang-inh-corrects-appointment-of-head-of-ba-vang-pagoda-as-deputy-executive-board-member-08252022081952.html>
- 10) Phật Giáo Việt Nam Biển Cổ và Tư Liệu, Văn Phòng Thường Trực Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN/Hoa Kỳ, 1996, tr. 170.

## LÊN NÚI PHỤNG HOÀNG

Lên Phụng Hoàng ngắm mây trắng  
Núi cao xóa dấu bụi trần  
Đời người mấy lần hạnh ngộ  
Đất trời đá cũng vô ngôn.

Chim kêu trên tàng kinh các  
Bàng hoàng hồi đại hồng chung  
Trong lòng khắc bao kinh kệ  
Hương thiền lắng đọng tâm dung.

Bước chân ai qua rừng trúc  
Thong dong bóng lá u trầm  
Mây che ngang đầu Voi Phục  
Bốn mùa soi bóng Tuyền Lâm.

Mái cong vươn mình cao vút  
Trâm tư dưới cội bồ đề  
Thả hồn vào nơi Phật tích  
Bình yên tìm chốn đi về.

Bạt ngàn thông reo xanh biếc  
Ai người dạo núi cùng ta  
Mệnh môn đất trời cố xứ  
Tìm đâu sợi khói quê nhà?

(Thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng)

## HUYỀN MỘNG

Mười năm rũ bụi vô tình  
Cuốn chăn chiếu cũ khắc hình bóng nhau  
Trận cười trôi dạt chiêm bao  
Đời đan mắc võng tạc vào quán không.

Mười năm nằm vạt cỏ hồng  
Hồn hoa treo bóng lá bông bênh lay  
Âm người vang cuối cơn say  
Chạm bông chuối đỏ nhuộm đầy tai ương.

Mười năm lạc giữa hồ trường  
Khuya nghe nhạc ngựa nhịp đường khuya trắng  
Vực sâu vết đá lẫn trầm  
Ta trong huyền mộng ngỡ tầm hóa thân.



Mười năm Từ Thức về trần  
Thấy nương dâu hóa trời gần biển xa  
Mưa nguồn chợt nổi phong ba  
Chim hoang bỏ núi hẹn ta về cùng.

## SƯƠNG HỒ

Chiều buông cơn mưa phùn  
Trôi qua hồ tĩnh lặng  
Mây núi giăng chấp chùng  
Thuyền neo bờ sông vắng.

Thương ngọn gió mờ cõi  
Rừng lá phong trở lạnh  
Thấp lên ngọn lửa trời  
Sưởi lòng ai cô quạnh.

Tiếng em hát bên hồ  
Hoàng hôn về lặng lẽ  
Một trời đầy sương mơ  
Chén rượu nồng chưa kể.

Chim núi bay về đâu  
Xuân đi không trở lại  
Rừng hoa mai anh đào  
Giấu cuộc tình mê mãi.

Gọi tên người chưa quên  
Nhà em bên kia núi  
Thuyền vẫn còn lênh đênh  
Mái chèo lơ lửng sương muối.

(Viết bên hồ Tuyền Lâm Đà Lạt)

thơ NGUYỄN AN BÌNH

# KIÊN TRÌ TU TẬP DẠY BỚT "CÁI TA"

(Phần 2)

*Tâm Lương Đào Mạnh Xuân*

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

## (2b): Đề Nghị Cách Tập TU 2: **Ứng Dụng Luật Nhân Quả:**

Nếu có điều xấu đến với mình, hãy nghĩ mình đang nhận QUẢ BÁO do NHÂN XẤU mình đã gây ra ở kiếp xa xưa. Nếu tin được như vậy, "CÁI TA" sẽ không hiện diện và tâm ta sẽ rất an tĩnh.

### + Điều xấu đến do một người khác tạo ra:

*Có kẻ mắng ta... cứ ngậm thinh.  
Nghĩ do NHÂN QUẢ, lỗi nơi mình.  
Thế là mọi việc qua êm ả.  
Tu được thế này, mới thật tình!*

### + Điều xấu xảy ra do NHÂN mình làm trước đây, nay đủ duyên QUẢ xuất hiện:

*Điều xấu đến, do lỗi ở mình.  
Nhận rồi, xong cứ việc làm thinh.  
CÁI TA khó ngóc đầu lên được.  
NHÂN QUẢ tin sâu, tâm rất bình.*

### Xin mời quý vị đọc thêm:

*CHẤP NGÃ trôi lên tại "CÁI TA"  
Nó mà hiện diện, nổi phong ba.  
Não phiền, sân hận... dập dồn đến!  
Độc tố xuất nhiều, bệnh tạo ra!*

*CÁI TA: tạo nghiệp nặng vô cùng.  
NGÃ CHẤP lỗi đi chẳng chịu ngưng.  
Làm cái gì ra đều tội ác.  
A-tỳ trả quả, khó hình dung.*

*"CÁI TA" đáng sợ lắm người ơi!  
Thỏa mãn nó, rồi sẽ hại đời!  
Đâm chém, chửi nhau... cho thỏa dạ.  
Họa đem về, chỉ khổ thân thôi.*

*Có kẻ xem TA lớn tựa trời  
Đụng vào, phần nộ dậy liền thôi.  
Tự thu mình kỹ, như con ốc:  
Bè bạn, người thân chẳng muốn chơi!*

*Người cho TA, lớn nhất trên đời.  
Ai dại đụng vào chẳng chuyện chơi!  
Sống mãi một phen cho bỏ ghét.  
Có khi gây họa, hại đời người!*

*Tập tu mọi thứ, tốt hàng ngày.  
Nhất "CÁI TA", không chịu đổi thay.  
Phước tạo do tu, nhiều thật đó.  
Vây thì, khi chết tới đâu đây?!*

*Người càng khó tính, nghiệp càng nhiều.  
Tất cả phát từ "TA" dấu yêu.  
Tạo nghiệp hằng ngày không nhận biết.  
Chết về đường ác, khổ trăm chiều.*

Xin mời quý vị đọc những câu lục bát dưới đây để có niềm tin sâu hơn luật Nhân Quả. Có vậy, tâm sẽ không còn phiền não khi có điều xấu xảy đến với ta:

### Bài Học Đáng Nhớ:

*Xảy ra việc chẳng ngẫu nhiên,  
Gieo NHÂN, DUYỆN đủ, QUẢ liền  
hiện ra.*

*Xảy ra việc chẳng ngẫu nhiên,  
Gieo NHÂN, DUYỆN đủ, QUẢ liền  
hiện ra  
Gặp điều xấu, tại lỗi ta,  
Mình làm, mình chịu kêu ca nỗi gì!  
Nhận sai cho NGHIỆP nhẹ đi,*

*Mọi là làm đúng những gì được khuyên!  
SÁM ngay tội đã gây nên,  
Phước lành, Hồi hướng tiếp liền kéo quen.*

*Gặp điều xấu, lại nạo phiền  
Dù tu mãi kiếp, vẫn nguyên thể này!  
Sáng tâm, chọn cách trên đây,  
Mà lo tu tập, có ngày TÂM AN.  
TÂM AN, vui sướng vô vàn,  
Tưởng đâu Tiên cảnh trần gian ấy mà!  
Sẽ chia tới bạn gần xa,  
Người tu bớt khổ, Phước ta tăng dần.  
Chuyện đời khổ ải trái ngang,  
Gieo Nhân, gặt Quả, ta làm trước đây.  
Cố TU, TỊNH HÓA nghiệp dày,  
Cách này TỐT NHẤT tử nay, gắng làm.*

Thành tâm kính mong Quý Bạn Đạo hữu duyên cùng chúng tôi cố thực tập hằng ngày CÁCH TẬP TU: ỨNG DỤNG LUẬT NHÂN QUẢ để đạt được mục đích là Dẹp Bớt CÁI TA cho đời bớt khổ. Nếu được vậy, chúng tôi xin đem công đức có được này hồi hướng cho tất cả Pháp giới chúng sanh, tương lai đều trọn thành Phật đạo.

Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài viết và thực hành./.

## The Story of Culadhanuggaha, the Skillful Archer

### *Dhammapada, Verse 349 & 350*

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (349) and (350) of this book, with reference to a young bhikkhu, who was a skillful archer in one of his previous existences.

Once a young bhikkhu took his alms-food in one of the shelters specially built for bhikkhus in town. After his meal he

felt like drinking water. So he went to a house and asked for some drinking water, and a young woman came out to give him some water. As soon as this young woman saw the young bhikkhu she fell in love with him. Wishing to entice him, she invited the young bhikkhu to come to her house whenever he felt thirsty. After some time, she invited him to her house for alms-food. On that day, she told him that they had everything they could wish for in the house, but that there was no male to look after their affairs, etc. Hearing those words, the young bhikkhu took the hint and he soon found himself to be more and more attached to the young, attractive woman. He became very much dissatisfied with his life as a bhikkhu and was getting thin. Other bhikkhus reported about him to the Buddha.

The Buddha called the young bhikkhu to his presence and said to him, "My son, listen to me. This young woman will be your undoing just as she had been to you in a previous existence. In one of your previous existences you were a very skillful archer and she was your wife. On one occasion, while the two of you were travelling, you came upon a gang of highwaymen. She fell in love with the gang leader. So, while you and the gang leader were engaged in fighting and you called out to her to give you the sword, she gave the sword to the robber who promptly killed you. Thus, she was the cause of your death. Now, too, she will be the cause of your ruin if you go after her and leave my Order for her sake."

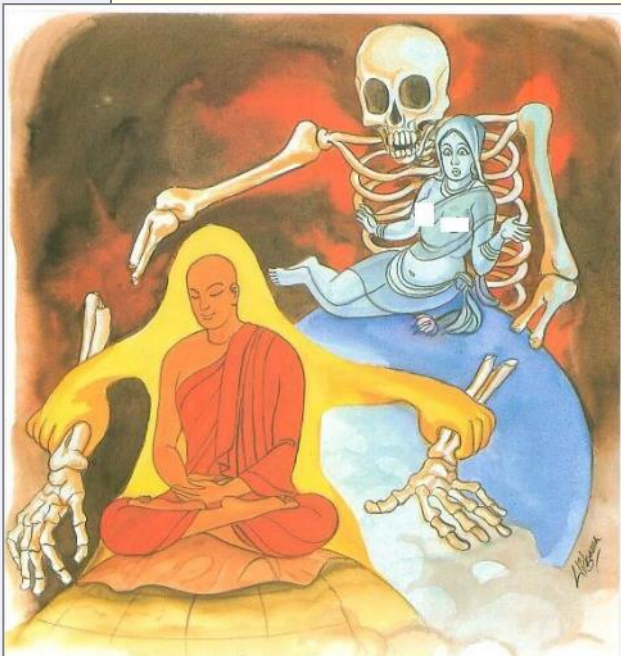
Then the Buddha spoke in verse as follows:

**Verse 349:** In a man who is disturbed by (sensual) thoughts, whose passions are strong, and who keeps seeing objects as being pleasant, craving grows more and more. Indeed, he makes his bondage strong.

**Verse 350:** A man who takes delight in calming (sensual) thoughts, who is ever mindful, and meditates on the impurity (of the body, etc.) will certainly get rid (of craving); this man will cut the bond of Mara.

At the end of the discourse, the young bhikkhu attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,  
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



*To chop off Mara's bonds one must dwell on unwholesomeness and guard one's thoughts.*

350. *Vitakkūpasamē ca pō ratō  
asubharā bhāvayati sadā satō  
ēsa khō vgarāṅkāhīti  
ēsa checchati Mārabandhanāṁ. (24:17)*

But who delights in calming thoughts  
develops foulness mindfully,  
that one indeed will make an End,  
will sever Mara's bonds.

## HẠNH PHÚC LÀ GÌ?

Hạnh Phúc là chi, ai thấy được,  
Nhưng sao nhân thế mãi tìm cầu.  
Hạnh phúc chẳng thấy...  
chẳng nghe và chẳng biết!  
Hạnh phúc tìm kiếm ở nơi đâu?

## HẠNH PHÚC ĐẾN TỪ ĐÂU?

Hạnh phúc tìm kiếm nơi đâu?  
Nhân gian vẫn cứ tìm cầu khắp nơi.  
Tiền tài, danh vọng chơi vơi,  
Nhưng sao vẫn thấy thiếu vơi điều gì!

Sắc tài, danh lợi, thiếu chi,  
Nhưng sao chưa đủ vẫn đi tìm cầu!  
Gia đình hưng thịnh, danh cao,  
Nhưng sao vẫn thấy lụy sâu trong tâm!

Hạnh phúc tìm kiếm xa gần,  
Nư trắng đầy nước, mây giăng trên trời.  
Hạnh phúc tìm kiếm nơi nào,  
Chỉ như gió thoảng chiêm bao khó tìm...

Định nghĩa hạnh phúc là chi?  
Đó là trạng thái yên bình nơi Tâm  
An vui, thanh tịnh trong lòng,  
Thong dong ngày tháng...  
Vui trong Tâm mình...

Tâm không vọng tưởng lợi danh,  
Lòng không phê phán, so ganh chuyện người.  
Rõ ràng Tâm nhẹ thành thoi,  
Hoan hỷ giúp đỡ mọi người chung quanh.

Muốn được hạnh phúc đến gần,  
Trước tiên giúp đỡ tha nhân làm đầu.  
Từ Bi, Hỷ Xả theo sau,  
Buông xa danh lợi, nhẹ sàu trong Tâm

Đừng mang sân hận bên lòng,  
Những điều phiền muộn đổi trong nụ cười  
Bỏ qua ân oán trong đời.  
Mắt nhìn thế sự, như tranh hàng ngày..

Hạnh phúc khi Tâm ta tĩnh lặng,  
Nư trắng rằm tỏa sáng muôn nơi,  
Nư sao giăng mắc bầu trời,  
Nư trăng huyền diệu chiếu soi địa cầu.

Những ai ban rải niềm vui,  
Sẽ được hạnh phúc lâu dài về sau,  
Đem niềm an lạc cho nhau,  
Cũng là nhìn thấy đời sau của mình.

Chỉ bằng lời nói chân thành,  
Cũng mang hạnh phúc đến cho mọi người.  
**HẠNH PHÚC NGAY Ở TÂM MÌNH...**  
**CHẲNG CẦN TÌM KIẾM NƠI GẦN NƠI XA...**

*thơ* **HOÀNG THỰC UYÊN**  
AZ, ngày 03/9/22





# Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

## CHƯƠNG MƯỜI LĂM

(tiếp theo)

Bên ngoài im lặng quá. Không có cả tiếng ếch nhái hay côn trùng kêu ra rả như mọi khi. Không có tiếng động cơ của xe cộ hay tiếng chuông nhỏ của chiếc xích lô nào. Cũng không có cả tiếng mở đờn ăn của anh tù nhân bụng đói. Không có cả tiếng ngáy như sấm của ông Trọng. Cái im lặng ấy đánh thức tôi thì phải.

Tôi trở dậy đến bên cửa. Cửa gió hôm nay bị một anh lính gác khó tính nào đó cài then lại khi đi tuần tra. Nhưng dĩ nhiên là anh không thể nào bít được cái kê hở mong manh có hình dạng mặt trăng lưỡi liềm ở góc trái, bên dưới của cửa gió. Trong phòng giam có hai bóng đèn sáng, còn bên ngoài thì tối thui. Tôi chưa nhìn ra ngoài, nhưng có thể đoán được màn đen ấy qua cái im lặng đến sững người của không khí chung quanh. Cái im lặng ấy làm cho thế giới đặc quánh lại thành một toàn thể duy nhất, và làm cho trời đêm trở nên bát ngát, mang mang hơn. Tôi ghé mắt nơi lưỡi trăng mỏng ấy để nhìn ra ngoài. Đứng ngay người, nhìn xuống, tôi thấy lờ mờ cái nền xi măng của hành lang ướt đẫm sương đêm hay một cơn mưa nhỏ nào vừa lướt qua khi tôi đang còn ngon giấc. Nhìn xéo ngang bên trái, tôi

thấy một phần bức tường của dãy nhà giam tập thể phía đối diện; bức tường ấy màu vàng nhạt, dưới bóng đêm trở thành một màu trắng trắng, úa héo. Khom người thấp xuống một chút với đôi mắt ngược lên, tôi có thể thấy được bầu trời đêm đen kịt với duy nhất một ngôi sao nhỏ xíu, phát ánh sáng còn yếu hơn con đom đóm. Ngôi sao ấy đang đứng im để trầm tư hay đang tọa thiền nơi cái tĩnh lặng bao la của hư không. Ngôi sao ấy dễ thương làm sao. Ừ, nếu được tự do đứng ngoài sân kia, hẳn tôi sẽ không nhìn thấy ngôi sao bé xíu ấy. Bao nhiêu ngôi sao to lớn, rực rỡ, nhấp nháy vui nhộn khác, sẽ lần lượt, trùm lấp ngôi sao nhỏ khiêm nhường này. Tôi xúc động nhìn mãi ngôi sao ấy không biết chán. Rồi một nỗi vui lạ kỳ xâm chiếm con tim khiến tôi bỗng thấy lạc quan vô cùng. Tôi như đứa trẻ lần đầu tiên hiện hữu nơi trần gian với đôi mắt tinh khôi, nhìn ngắm từng khoảng không gian và sự vật trước mặt với nỗi ngạc nhiên sung sướng dường như bất tận. Ôi thú vị làm sao, kỳ diệu làm sao! Chỉ một khoảng không gian chật hẹp của hành lang, của khung trời hẹp ở giữa hai dãy nhà, nay cũng trở nên một cái gì mệnh mông kỳ vĩ... Ô, ngôi sao kia, đám mây mờ kia, sao tôi muốn tung người lên ôm chúng vào lòng quá! Ô,

cái vách tường vàng tróc một mảng vô bên dãy phòng tập thể kia, cùng với nền xi măng ngoài cánh cửa sắt này, sao tôi muốn sờ chúng một cái quá! Tôi bồn chồn thụt lên, thụt xuống, xao xuyên, bồi hồi, cơ hồ muốn đập tung cánh cửa sắt để nhảy từng bước dài ngoài kia. Tôi có cảm tưởng là nếu được tự do rời phòng giam này, tôi có thể bay được bất cứ nơi nào tôi muốn, bay thong thả, nhẹ nhàng hơn những cánh chim, bay như một làn gió nhẹ vi vu, bay như chiếc lông tơ mỏng manh của con gà con vịt mới chui ra khỏi trứng...

"Cậu nhìn cái gì vậy?" ông Trọng nằm co, mở mắt nhìn tôi, hỏi với giọng ngái ngủ.

Tôi quay lại, cười:

"Có gì đâu, chỉ nhìn trời, nhìn đất... nhìn sao."

"Lãng mạn!" ông lầm bầm nói trong miệng hai tiếng ấy xong, nhắm mắt ngủ tiếp.

Tôi lặng lẽ trở về chỗ của mình. Tựa lưng vào tường, ngồi im một lúc cho mọi xao động được lắng xuống, tan loãng vào cái tịch lặng mệnh mông của không gian chung quanh. Đường như bản ngã của tôi đã bắt đầu tỏ thái độ phản kháng đối với sự tù hãm.

Thế giới này thật khủng khiếp. Cả tôi cũng khủng khiếp nữa. Đã có khi tôi bắt chước ai đó, nghĩ rằng tôi tinh giữa một đám người điên, hoặc điên một mình giữa đám người đang tỉnh

táo. Nay tôi thấy cả hai trường hợp đều sai: tất cả đều điên. Lũ chúng ta, hiện hữu trên thế giới này, đều là những người điên. Khi nào ở tù mới thấy thấm thía ý nghĩa của tự do. Khi nào khổ đau mới mơ được hạnh phúc. Khi nào quá động mới cần đến yên tĩnh. Khi nào quá tĩnh mới yêu được động... Trái tim và khối óc của loài người y hệt quả lắc đồng hồ: hề đi hết tròn về phía bên này thì lại trả về phía bên kia. Phải chăng những người điên chúng ta chỉ có thể tìm thấy ý nghĩa cuộc sống qua sự nhảy dội nhịp nhàng của tim óc trên cái hành trình bất định một cách cố định giữa trùng vi chẳng chịt của các đối cực, đối thể, đối vật, đối tượng, đối cảnh, đối lực, đối điểm, đối nhân, đối duyên, đối quả...? Và chúng ta có tìm thấy hạnh phúc thực sự bằng cái ý nghĩa cuộc sống kỳ cục như thế chẳng? Tôi phải làm gì đây? Tôi đang muốn gì đây? Tôi chẳng biết. Nhưng tôi thấy thấm. Thấm vào tim tôi một khát vọng nào đó. Cái khát vọng này thực ra cũng chẳng lạ lùng gì đối với tôi đâu. Nó không phải lúc này mới từ bên ngoài mà xâm nhập tôi. Nó dấy lên từ bên trong, thấm từ bên trong, thấm từ những tiền kiếp cũ rích xa xưa nào đó. Nó như một cái gì to lớn bị thu nhỏ lại, bị nênm chặt, bị đóng kín, bị nhốt cứng vào một vật có dung tích bé xíu. Nó muốn phá vỡ cái vật chứa đựng nó. Có hai cách phá vỡ hiệu năng của vật

chứa: hoặc là tung mạnh lên bằng một tiềm lực khủng khiếp vĩ đại, hai là nhẹ nhàng thoát ra bằng cách tan chảy nhẹ nhàng, nhu hòa và thấm đượm. Có lẽ tâm thức và hoàn cảnh tôi đang thích hợp cho cách thứ hai. Và tôi nghe cái khát vọng giải thoát nhẹ nhàng trôi trong tôi như một con lạch nhỏ. Ếm đêm.

\*\*\*

Tính theo âm lịch, hôm nay là ngày Phật đản. Buổi khuya ngồi thiền sớm, tôi nghe có tiếng tụng thần chú Lăng Nghiêm của Thiên Đắc tử phòng biệt giam số 2 vọng đến. Âm thanh như sóng biển. Hùng tráng. Bất tận. Âm vang của tiếng kinh đánh động cảm xúc thường lệ của tôi đối với sinh hoạt thiền môn, khiến tôi muốn vùng đứng dậy. Vâng, cho đến lúc này, tôi đã xuất gia được mười lăm năm, quen thuộc tiếng kinh kệ chuông mõ. Tôi mê tụng kinh lắm. Tu sĩ Phật giáo mê tụng kinh như ca sĩ mê hát. Tụng nhiều quá thì có khi cũng thấm mệt, muốn nghỉ ngơi. Nhưng bỏ tụng một ngày, nghe kẻ khác tụng, lại thấy nhớ, muốn cất cao giọng lên mà hòa theo. Từ nhiều tháng nay, bỏ chùa ở kinh tế mới, về Sài-gòn lánh nạn tại nhiều tư gia khác nhau, tôi đã không tụng bất cứ một thời kinh nào. Hơn một tháng ở tù, dĩ nhiên tôi cũng chưa hề tụng lấy một

câu kinh ra thành tiếng, nói chi cả một khóa lễ. Bấy giờ, tôi thực sự muốn tụng. Mà hôm nay cũng là ngày lễ Phật đản, ngày kỷ niệm sinh nhật của đức Phật, tăng ni và tín đồ Phật giáo khắp nơi trên thế giới đang tập trung tại các chùa chiền, tu viện, tịnh xá... để cử hành lễ tưởng niệm một bậc giác ngộ siêu phàm. Tôi thực sự muốn tụng một thời kinh dâng lên đức Phật. Tôi không cần phải cầu nguyện cho tôi một điều gì. Tôi chỉ muốn nhân ngày Phật đản, cùng với những người con Phật khác trên thế giới, cất lời tán dương đức Phật để từ niềm kính ngưỡng đó, vực con người hèn mọn của mình đứng dậy.

Ông Trọng hãy còn ngủ ngon, tôi không dám tụng niệm gì để động phá giấc ngủ của ông. Tôi ngồi trầm tư nơi chỗ của mình, chờ đợi. Sáng sớm ông thức dậy làm vệ sinh, tập thể dục, tôi nói:

"Hôm nay Phật đản, cháu muốn tụng kinh, chỉ sợ phiền chú."

"Tụng kinh à? Cậu biết tụng sao? Cậu thuộc kinh gì, dài hay ngắn?"

"À, cũng không dài lắm đâu. Chủ yếu là... lạ."

"Giống như lạ sấm hồi đó hả?"

"Đạ."

"Vậy thì cậu cứ lạ đi, sao phải hỏi ý tôi chớ?"

"Cháu sợ phiền chú nên chờ chú thức, thưa trước với chú, vì khóa lễ có thể kéo dài cả tiếng đồng hồ."

"Không sao đâu. Tôi biết mà. Cậu cứ tự nhiên tụng kinh gì đó thì tụng, tôi đứng chơi ở cửa gió này được mà."

Tôi cảm ơn ông rồi mặc áo quần vào. Chiếc áo sơ mi trắng và cái quần tây đen xếp thẳng thớm, đặt mãi ở đầu giường của tôi trong phòng biệt giam này cũng trở nên trang nghiêm lạ thường. Đường như không có sự khác biệt nào trong việc mặc âu phục lúc này với việc khoác ca-sa để hành lễ lúc còn ở chùa.

Lúc đó khoảng năm giờ rưỡi sáng. Tôi đứng chấp tay hướng về bức vẽ Phật Thích Ca trên vách, nơi đầu nằm của tôi, bắt đầu ngâm nga tụng bài tán dương Phật, rồi tụng thời kinh Lăng Nghiêm; sau đó, tôi bắt đầu xướng các bài kệ ngôn kèm theo danh hiệu mỗi vị Phật, cứ mỗi danh hiệu Phật hay Bồ tát thì lạ xuống một lạ (đây là nghi thức lễ tụng hàng ngày được áp dụng



tại Tu viện Già Lam do Hòa thượng Trí Thủ soạn ra). Nghi thức này gồm 108 lạy. Nhưng tôi lạy thêm các câu xứng tán cuộc đời đức Phật Thích Ca nữa, thành ra hơn 120 lạy. Mà cách lạy của Phật giáo Bắc tông Việt Nam khác với cách lạy của Phật giáo Nam tông. Bên Nam tông chỉ quỳ mà lạy, Bắc tông thì mỗi lạy mỗi đứng dậy. Động tác đứng dậy quỳ xuống phải dùng nhiều sức, nhiều thời gian hơn. Hòa thượng Trí Thủ dạy rằng đó là một lối thiền tập hữu hiệu nhất vì nó tác động đến cả ba nghiệp: tâm thì nghĩ đến Phật, thân thì cúi lạy, miệng thì đọc tụng danh hiệu Phật. Thân cúi lạy không những là phương pháp dẹp trừ bản ngã và sự kiêu mạn, học hạnh khiêm cung, mà còn là một động tác thể dục rất tốt cho sức khỏe. Ban đầu, ông Trọng đứng né nơi cửa gió phía bên ông để hít thở không khí và xem tôi lễ tụng. Tôi lạy đầu chừng mười lạy thì bỗng đứng ông tự động mặc quần áo vào, đến quỳ lạy phía sau lưng. Ông lạy theo tôi từ khoảng cái lạy thứ hai mươi cho đến hết khóa lễ. Cả tôi và ông đều đổ mồ hôi, ướt đầm cả quần áo, dù rằng lúc ấy mặt trời chưa mọc. Cởi quần áo ra, chúng tôi trải dưới đất chờ nắng hong khô. Dù vậy, tâm tôi bấy giờ vô cùng hoan hỉ. Mồ hôi tuôn ra, tôi tưởng chừng bao thứ phiền não, dục vọng của tôi cũng theo đó mà tiêu tan.

"Chưa bao giờ tôi lạy cả trăm lạy như vậy," ông Trọng nói khi đưa tấm tạp-dùng cho tôi làm quạt. "Kể cũng lạ, thằng con tôi đi tu, vậy mà nó chẳng bao giờ khiến tôi phải chấp tay cúi đầu trước nó hay trước Phật. Nói thật, tôi chỉ chấp tay cúi đầu trước bàn thờ đức Huỳnh giáo chủ, trước bàn thiên, chứ chưa chấp tay trước Phật. Trong khi đó... cậu, một thanh niên đời, lại làm tôi phát tâm cúi lạy Phật một cách tự nguyện, vui vẻ, chẳng biết mệt mỏi... Có lẽ tại cậu tụng kinh quá hay, hoặc vì cái vẻ thành tâm của cậu làm tôi xúc động... Chắc cậu phải đi chùa thường xuyên lắm mới tụng thuộc lòng nhiều đoạn kinh và tụng hay như vậy? Tôi cũng muốn nghe giáo lý Phật lắm, nếu cậu có biết giáo lý Phật, cậu nói tôi nghe khi nào cậu có hứng nhé."

Tôi chỉ âm ừ, không quên cảm ơn ông đã tôn trọng buổi lễ của tôi. Nhưng ông lại cảm ơn tôi đã mang lại cho ông tín tâm đối với

Phật giáo. Ông hiểu biết khá nhiều về thế sự, nhưng quả thật là mù tịt về vấn đề Phật giáo, dù ông là tín đồ của Phật giáo Hòa Hào, một giáo phái xuất phát từ hệ thống giáo lý nhà Phật. Ông thực không biết rằng giáo chủ của ông cũng là đệ tử của Phật. Tôi giới thiệu cho ông nghe sơ về Phật giáo trong những ngày kế tiếp, nhưng vẫn không cho ông biết tôi là tu sĩ.

Xế chiều hôm đó, sau khi tôi kể ông Trọng nghe một câu chuyện cổ trong Phật giáo, ông rất vui. Ông bước qua bước lại trong phòng một lúc rồi ngồi xuống bên tôi, nói:

"Những ngày trước, tôi kể chuyện này nọ về tình cảm tình dục... chắc cậu không vui. Tôi cảm thấy như đã làm một điều gì thất lễ. Thành thật xin lỗi... nghe."

Tôi cười, xoa tay nói:

"Ồ, có gì đâu. Trong tù rảnh rỗi, chú kể chuyện đời cho nghe thì vui chứ cháu đâu có phiền hà gì."

Ông ngưng như để lựa lời. Một lúc, ông nói:

"Tôi muốn quy y Tam Bảo."

Tôi rất ngạc nhiên, nhìn về mặt thành khẩn của ông:

"Chú cứ lợi dụng thời gian ở tù, siêng năng tu tập và giữ tín tâm, rồi khi nào được tự do, hãy tìm đến một chùa nào đó gần nhà nhất. hoặc một vị thầy mà chú ngưỡng mộ, để xin làm lễ quy y."

"Thầy có ở đây rồi, cần gì chờ đợi hay tìm kiếm đâu cho xa."

"Ai nói chú như vậy!"

"Không, hồi đó chưa nhận ra nhưng bây giờ thì không thể nhầm lẫn được nữa. Phải là tu sĩ thực thụ mới có cốt cách, ngôn ngữ, cách tụng kinh, nói pháp như thầy. Hèn gì cả tháng nay, tôi cứ thắc mắc hoài, không biết thầy là loại người nào trong xã hội. Thầy cho tôi quy y đi."

Biết tông tích mình đã lộ, không thể che giấu và cũng không cần thiết để che giấu ông nữa, tôi nói:

"Thực ra, tin và tu học theo giáo lý của Phật giáo Hòa Hào cũng đủ rồi. Giáo lý của Phật giáo Hòa Hào cũng rút ra từ kinh điển Phật, áp dụng vào đời sống xã hội, rất thích hợp với tâm tình của người dân miền tây nam bộ. Lâu nay chú theo



Phật giáo Hòa Hào thì cứ giữ như vậy, đâu cần phải thay đổi. Điều quan trọng là biết tu tập, cải đổi tâm tính của mình mà thôi. Chú phát tâm như vậy thì đã trở thành đệ tử Phật rồi, không nhất thiết phải làm một lễ quy y hoặc phải bỏ Phật giáo Hòa Hào..."

Tôi chưa dứt lời thì tiếng cái then cài cửa gió kêu "cạch" một tiếng, cửa gió mở, một cái mặt ló ra:

"Vinh Khang, có không?"

"Có," tôi đáp và đứng dậy, bước đến cửa.

Tôi tưởng là một cán bộ, nào ngờ là anh nuôi. Anh nói nhanh:

"Cán bộ bảo anh chuẩn bị đồ đạc cá nhân, năm phút nữa cán bộ xuống là phải ra ngay, rời trại đó."

Ông Trọng xen vào, hỏi người anh nuôi:

"Sao, được về hả?"

"Không biết," anh nuôi đáp nhanh.

Tôi xoay vào, lấy áo quần. Đồ đạc cá nhân, ừm, có đồ đạc gì đâu mà chuẩn bị. Chỉ có áo quần mặc vào thân, tay thì cầm cái ca nhựa đựng cái muỗng nhựa, khăn mù-xoa thì nhét vào túi quần. Giày xăng-đan thì xỏ vào chân. Vậy là xong. Còn các thức ăn khô do sư cô Trí Hải gửi biếu cũng như thức ăn tươi do tôi và ông Trọng gởi mua được từ hợp tác xã của trại bằng phiếu tiền, tôi để lại hết cho ông Trọng. Phiếu tiền còn khoảng hai

trăm, tôi cũng biểu ông Trọng nốt. Ông ấy không chịu, đòi gói ghém ít thức ăn cho tôi mang theo. Nhưng tôi biết tôi có thể chịu đựng được hơn ông, nên nhất quyết chỉ mang theo cái ca nhựa và cái muỗng, giống như các nhà sư nguyên thủy tu hạnh đầu đà khát thực ngày xưa, chỉ mang theo cái bình bát làm tài sản sống qua ngày.

"Chắc không phải được tự do đâu. Như tôi đoán hôm trước, thầy sẽ bị chuyển qua một trại giam nào đó của tỉnh Đồng Nai vì thầy liên can vào vụ án ở tỉnh đó. Thầy à, cảm ơn tất cả những gì thầy đem đến cho tôi trong hơn một tháng qua. Tôi thực sự là mang ơn thầy lớn lắm, chẳng lời nào nói hết được. Mai sau, nếu còn nhớ đến tôi, còn có ý định vào Bảy Núi, thầy tìm đến nhà tôi, địa chỉ tôi cho thầy bữa trước rồi. Còn nếu như thầy về trước tôi mà muốn đi thẳng vào vùng Hòa Hào, hãy xuống Long Xuyên, hỏi đường đến cù lao Ông Chưởng. Ở đó có ông Hai giữ miếu thờ Đức Ông, Đức Bà, thân phụ thân mẫu của đức Huỳnh giáo chủ. Thầy nói tên tôi, ông Hai sẽ giúp những gì thầy cần. Riêng phần tôi, xin hứa với thầy, nếu có dịp tái ngộ, sẽ hết lòng theo giúp thầy để thực hiện ý nguyện mà thầy đeo đuổi..."

Tôi xúc động nhìn ông ấy. Ông ngáp ngừng rồi bước sát lại, ôm lấy tôi một lúc. Khi ông buông tôi ra, tôi đưa tay cho ông bắt, nói:

"Chú giữ gìn sức khỏe. Hẹn ngày gặp lại. Địa chỉ của gia đình tôi, đã cho chú rồi, nếu chú về sau, nhớ đến đó hỏi tin tức của tôi. Đừng quên nha."

"Còn điều này nữa, thầy ạ. Ở các trại tù khác mà bị nhốt chung trong phòng biệt giam với tù nhân nào, thầy phải hết sức cẩn thận mới được. Có khi tù nhân đó chỉ là một thằng công an, hoặc một thằng đặc tình của công an cài vào giả đồ kết thân với thầy để khai thác tin tức đó. Thầy tin tưởng tôi là thầy xét đúng người, chứ với người khác, xin thầy đề phòng một chút. Đừng tiết lộ bất cứ cái gì của thầy cho họ nghe. Xin giữ lấy thân để còn tiếp tục đấu tranh cho đất nước. Đất nước khổ đau này, lúc nào cũng cần những người có lòng như thầy..."

Ông ứa nước mắt. Tôi không ngờ ông tình cảm đến thế. Tiếng

ổ khóa đã vang lên. Cái then lớn được kéo ra. Rồi cánh cửa mở toang, ánh sáng lùa vào. Tôi đưa tay vẫy nhẹ với ông Trọng một cái, rồi bước thẳng ra ngoài.

Cán bộ trực nhìn tôi, hỏi: "Sao không mang đồ đạc cá nhân theo?"

"Có mang theo rồi," tôi đưa cái ca bên trong có đựng cái muỗng lên.

"Chỉ vậy thôi à?" Cán bộ trực hỏi.

"Chỉ vậy thôi."

Ở đầu dãy, nơi bàn trực, có Sơn và Hùng đứng sẵn. Một anh công an khác, lạ mặt, dáng to cao, mặc đồ dân sự, mang mắt kiếng đen, đang nói chuyện với Sơn và Hùng. Thấy tôi từ phòng biệt giam bước ra, cả ba người cùng quay về hướng tôi, im lặng nhìn tôi chăm chú, có vẻ như quan sát.

"Chào anh Khang, bữa giờ cũng thường hả?" Sơn hỏi.

"Thường," tôi đáp.

"Đây là đồng chí Dũng, cán bộ của trại B5, Biên Hòa," Sơn chỉ người cán bộ lạ mặt, giới thiệu. "Hôm nay anh Khang đi theo anh Dũng qua trại B5 há. Bên đó cũng thoải mái lắm, phải không anh Dũng?"

Dũng chỉ cười nhạt, mắt dán vào tôi, từ đầu đến chân. Dũng nhìn tôi khá kỹ. Đôi mắt anh như ngờ vực, hoặc có một điều gì khó hiểu.

"Còn một người nữa hả?" Sơn hỏi Hùng.

"Kìa, ra rồi," Hùng đáp.

Viên cán bộ trực đẩy mở cửa phòng biệt giam số 2. Thầy Thiện Đặc từ trong bước ra, hai tay xách hai giỏ lát nặng trĩu. Hướng về chỗ bàn trực, thấy tôi, Thiện Đặc vui mừng, lo cười chào tôi, có vẻ như chẳng hề để ý đến những anh công an đang đứng chờ đợi. Dũng, anh công an của Biên Hòa, thấy vậy thì tự ái, mở lời thị uy:

"Cười cái gì! Cười với ai vậy hả? Anh có biết là anh đi đâu không?"

Thiện Đặc không trả lời, đứng lại một bên tôi. Sơn và Dũng lộ làm một số thủ tục bàn giao nào đó rồi lệnh cho tôi và Thiện Đặc theo họ ra sân trước. Có Hùng đi sau lưng chúng tôi. Ngoài sân có một chiếc xe hơi màu trắng, loại bốn cửa. Dũng lục xét lại chúng tôi một lần nữa trước khi cho chúng tôi lên

xe. Hai giỏ đồ của Thiện Đặc bị bầy soạn ra đất. Bình nước tương hai lít của Thiện Đặc bị Dũng bắt trút hết xuống cái mương gần đó vì sợ mang theo sẽ bị đổ trên sàn xe. Xong phần khám đồ đạc, Dũng lại cẩn thận khám xét luôn cả chúng tôi, bắt tôi và Thiện Đặc đưa hai tay lên trời. Tôi và Thiện Đặc cứ nhìn nhau cười tùm tùm. Hình như bị giam lâu, nay gặp bạn bè cũ, chúng tôi thấy mừng mừng tủi tủi, nhìn nhau không chán.

Khám xét rồi, Dũng lấy cái cồng số 8, vừa cồng hai tay tôi lại nói:

"Xin lỗi nha anh Khang, tôi không muốn làm điều này một chút nào."

"Đâu có sao, anh lo phận sự của anh mà," tôi nói.

Dũng tính cồng hai tay tôi ra sau, nhưng nghĩ sao, anh lại cho tay tôi ra trước. Rồi anh mở cửa bằng ghế sau, phía trái, sau lưng tài xế, bảo tôi bước lên xe trước. Thiện Đặc thì được đưa qua phía bên phải, cũng ngồi cùng băng sau với tôi. Dũng không cồng tay Thiện Đặc, một phần vì anh chỉ mang theo có một cái cồng, phần khác, có lẽ vì Thiện Đặc tội nhẹ hơn tôi. Tuy nhiên, cán bộ ở đây cũng đưa cho Dũng một sợi dây điện dài cỡ mười lăm thước. Dũng bảo Thiện Đặc bước ra khỏi xe, lấy dây điện trói chặt lại hai tay Thiện Đặc nhiều vòng, rồi bảo Thiện Đặc lên xe trở lại. Khúc dây điện còn dư cỡ mấy thước thì hai tay bị trói của Thiện Đặc, Dũng quấn quanh người Thiện Đặc vài vòng, rồi kéo xuống trói luôn hai chân; dây vẫn còn dư, Dũng kéo qua phía tôi, trói cả hai chân tôi, xong lại kéo ngược lên, quấn quanh người tôi vài vòng, rồi lại xiết mấy gút thật chặt sau lưng tôi. Xong công việc ấy, Dũng đưa cái ca của tôi cùng hai giỏ đồ của Thiện Đặc lên xe, rồi xoa tay, thờ phào.

*(mời đón đọc chương 15, phần tiếp theo và hết truyện dài Ngõ Thoát)*





# Món nợ truyền kiếp

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa hồi mới khai thiên lập địa, có một con chim họa mi, làm tổ trên cành cây đào, ngày nào nó cũng hót để ca tụng vẻ đẹp của muôn loài. Dưới gốc cây, có một con rắn rất hiền lành; bây giờ thuộc loại rắn mù, nhưng hồi đó nó có một mắt. Con rắn rất mê giọng hót lành lót của chim họa mi. Nó thường nằm khoanh dưới gốc cây hay nằm dài phơi nắng để thưởng thức tiếng hót thần tiên của họa mi. Thuở ấy, chim họa mi cũng chỉ có một con mắt ngay giữa trán.

Một hôm, con bướm có đôi cánh ngũ sắc rất đẹp ở gần đây, đến mời chim họa mi đi ăn cưới. Bướm biết mình đẹp để, uyển chuyển, nhẹ nhàng, thường được ca tụng nên bướm rất kiêu hãnh. Không bao giờ bướm chịu nhìn xuống, nên bướm không biết sự có mặt của rắn trên mặt đất. Tiếng hót của họa mi đã nhiều lần giúp đôi cánh bướm dịu dàng thanh thoát nên bướm nhất định mời chim họa mi, để tiếng hót làm tăng thêm phần long trọng cho bữa tiệc tân hôn.

Được bướm mời mọc ân cần, chim họa mi rất hãnh diện, nhưng sau đó chim cảm thấy lo sợ, khi nhìn lại thấy bộ lông của mình quá tầm thường, chim sợ mình sẽ không được ai để ý trong tiệc cưới của anh bướm rực rỡ màu sắc. Chim liền than thở với con rắn hiền lành. Nghe xong rắn nói:

- Có được tiếng hót như anh, lo gì không được người để ý. Tôi tin chắc, lúc anh cất tiếng hót, không ai còn để ý đến đôi cánh rực rỡ của anh bướm hay bộ lông trắng của muốt của chị thiên nga. Tất cả đều sẽ mê tiếng hót của anh, không ai để ý đến bộ lông tầm thường của anh đâu. Anh bướm mời anh dự tiệc, cũng vì tiếng hót của anh hay. Anh hãy yên tâm đi đi, đừng lo sợ gì cả.

Tuy nghe rắn nói thế, nhưng chim vẫn không hết lo

sợ, sau cùng chim nói:

- Phải tôi có được hai con mắt, có lẽ tôi sẽ đẹp hơn. Một con mắt giữa trán làm cho tôi có vẻ dữ tợn và nghèo nàn làm sao ấy.

- Có được giọng hót như anh, ai dám bảo anh nghèo?

- Nhưng bề ngoài tôi có gì có thể làm cho mọi người chú ý. Phải chi anh chịu giúp tôi...

- Tôi mê tiếng hót của anh lắm, anh cần tôi giúp việc gì, tôi cũng sẵn sàng cả.

- Tôi chỉ cần anh cho tôi mượn con mắt của anh một hôm để đi ăn cưới. Anh nằm phơi nắng không có mắt cũng đâu có sao...

Rắn lắc đầu nói:

- Không được đâu, tôi cũng chỉ có một mắt như anh, nếu tôi cho anh mượn thì làm sao tôi thấy đường?

- Nhưng tôi chỉ mượn có một hôm thôi, buổi chiều mãn tiệc, tôi đem trả anh ngay lập tức. Trong lúc chờ đợi, anh cứ nằm ngủ ở đây. Nếu anh thật tình mê giọng hót của tôi thì anh cố giúp lần này...

Chim họa mi cứ van xin, nài nỉ, giọng chim càng lúc càng êm đềm, gợi cảm, làm rắn cảm động xiêu lòng nên bằng lòng cho mượn mắt trong ngày cưới của bướm.

Vào một ngày nắng ấm, lúc màn sương mỏng còn phủ cánh rừng, chim họa mi đã vội vã sửa soạn bộ lông cho thật mượt để đi ăn cưới. Thêm được một mắt, chim thấy cuộc đời đẹp để thêm lên. Trong lúc chim ra đi, sung sướng hài lòng hơn bao giờ hết, thì ở gốc cây đào, con rắn trở nên mù nhút nhát, sợ hãi, ẩn mình trong đám lá khô, chờ đợi chim trở về, trả lại ánh sáng cho mình.

Chim đến nhà bướm nghe người ta chào mừng chúc tụng nhau, không ai để ý đến chim họa mi bé bỏng không bóng sắc cả.

Đến lúc bướm mời chim ra

hát, những loài thú có mặt mới để ý đến chim. Tiếng chim hót thanh tao, lành lót, làm cả thảy đều im lặng, lắng nghe. Chim hót say mê lột hết tinh thần làm cả thảy đều mê mẩn như say. Tiếng hót trong trẻo vang đến tai rắn, rắn mỉm cười tự nhủ mình cũng có góp phần tham dự cuộc vui đó.

Đến khi dứt bản, tất cả đều bị chim chinh phục và bắt đầu từ đó trở đi, mọi loài đều bao vây khen ngợi bộ lông, giọng hót của chim. Tất cả cũng không quên ca ngợi mắt đẹp của chim.

Bấy giờ tiếng tăm lừng lẫy, chẳng những chim không thú nhận mình chỉ có một mắt, còn con mắt kia là của rắn, mà chim thì đặt điều nói thêm:

- Ở dưới gốc cây chỗ tôi ở, có một con rắn mù từ thuở mới lọt lòng mẹ, nó buồn bã chán đời, nhiều lần nó có ý định quyên sinh, nhưng nhờ tiếng hót tuyệt vời của tôi đã an ủi được nó. Tôi nghiệp, hàng ngày tôi phải đem thức ăn về và ca hát vỗ về nó.

Tất cả đều cảm phục tính rộng rãi và lòng bác ái của chim.

Mãi đến khuya, chim mới trở về, bên tai còn văng nghe tiếng vỗ tay vang dội và những lời ca ngợi nồng nàn.

Về đến gốc cây đào, chim thấy rắn nằm ngủ, phơi mình dưới ánh nắng thanh dịu mát. Thấy thế, chim không gọi rắn dậy và tự nói, mai mình sẽ trả mắt lại cũng không muộn. Chim về tổ định ngủ một giấc thật ngon lành nhưng nằm mãi mà giấc ngủ vẫn không đến. Muôn vàn ý nghĩ bao vây tâm trí của chim: bây giờ chim đã nổi tiếng nổi danh với đời rồi, nếu chim trả mắt lại, tức là tự thú cho mọi loài biết chim chỉ có một mắt, còn con mắt kia là của mượn, thì còn gì là tiếng tăm chim đã tạo ra với bao khó nhọc. Hơn nữa, với hai con mắt chim nhìn đời thấy rộng rãi, đẹp đẽ hơn khi chỉ có một mắt. Bỏ tất cả danh vọng

để trở thành tâm thường như trước, chim thấy mình không có đủ can đảm. Hay là xin răn cho mắt luôn, nhưng chim kịp nghĩ là không đời nào răn chịu cho mắt để lại thành mù lòa vĩnh viễn. Nhưng răn thường ở một chỗ mà nếu bỏ đi cũng không cần thấy đường gì cho lắm. Một ý nghĩ xấu từ từ xâm nhập vào đầu óc chim: Nếu mình không trả thì răn cũng không làm sao đòi được, bây giờ răn mù rồi.

Nghĩ thế nên chim nhất định giết luôn con mắt của bạn. Đêm đó, chim lén dọn đi ở nơi khác và tìm đủ mọi cách tránh răn luôn.

Tôi nghiệp, con răn cứ bò lần mò, dò dẫm đi tìm chim họa mi để đòi mắt lại. Nghe chim họa mi hót ở đâu, răn cũng cố gắng tìm đến, mặc dù răn bò đi khó khăn và gặp nhiều trở ngại trên bước đường phiêu lưu đi tìm người bạn phản phúc, bội ân. Thế mà buồn thay, mỗi khi chim họa mi thoáng thấy răn thì chim vội bay đi, để răn lại ngơ ngác trong sự mù lòa đáng thương.

Một đêm, chim họa mi đang ngủ mê trong tổ ấm, bỗng chim giật mình tỉnh giấc vì một tiếng động thật nhỏ. Chim thấy rợn cả người khi nhìn thấy một cái đầu răn mù sờ soạn bò đến. Chim la lên một tiếng kinh hoàng bay tìm nơi khác ẩn náu.

Từ đó, sự yên tĩnh trong giấc ngủ cũng như sự yên tĩnh trong tâm hồn không còn nữa – Con răn mù cứ không ngớt tìm chim để đòi con mắt đã cho mượn với tất cả lòng tin, mà lại bị cướp mất một cách quá tàn nhẫn.

Chim họa mi không muốn trả mắt nên phải luôn luôn canh chừng. Ban ngày thì chim được yên thân, vì răn biết ánh sáng mặt trời làm chim thấy rõ tất cả, nên răn đợi đêm xuống để tìm cách đến gần chim trong lúc ngủ say, để bất ngờ buộc chim phải trả mắt lại cho mình.

Chim họa mi biết được ý định của răn, nên nhất định không ngủ những đêm trong mùa đẹp trời. Mùa lạnh và mùa

mưa thì chim có thể ngủ yên, vì những mùa ấy răn sợ lạnh không dám bò ra ngoài.

Đến mùa xuân, chim bay hót suốt đêm, để không buồn ngủ mà có thể canh chừng răn mù tìm đến.

Vì thế, những đêm xuân, chúng ta thường nghe tiếng chim họa mi hót vang lên ru hồn vào mộng ảo, chúng ta mỉm cười thấy lòng rung động vì tiếng hót thanh tao trong suốt, nhưng chúng ta có biết đâu tiếng hót đó ca tụng một niềm vui không vững chắc luôn luôn bị đe dọa, một hạnh phúc mong manh pha trộn đôi chút hối hận làm ray rứt cả tâm hồn.

### Bảo Liên

*"Người nào cầu hạnh phúc cho mình mà lại phá hoại hạnh phúc kẻ khác, người ấy sẽ không được hạnh phúc."*



Đọc và cổ động ủng hộ  
**Nguyệt san CHÁNH PHÁP**  
là góp phần hoằng dương Phật Pháp,  
bảo tồn văn hóa Dân Tộc



Chi phiếu xin gửi:  
**CHÁNH PHÁP**  
11502 Daniel Ave.,  
Garden Grove, CA 92840 –  
U.S.A.

hoặc zelle qua số:  
**(714) 266-4171**  
(Memo ghi "Ủng hộ CP" -  
xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

Bài vở xin gửi:  
**baivochanhphap@gmail.com**